



NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH** (Tỳ kheo Thích Thông Hải), trang 1
- **CHIẾN THẮNG LÒNG GANH GHÉT VÀ TÁNH VỊ KỶ** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 2
- **VĂN NGUYỆT** (thơ chữ Hán của Lam Nguyên), trang 2
- **ỨNG THÂN PHẬT** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 3
- **ĐÊM TRĂNG MỘNG** (thơ Nguyễn Thị Minh Thủy), trang 3
- **LÀN ĐẦU ĐẾN XỨ ÚC** (Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), trang 4
- **CẢM ƠN CÁI CHẾT, NHƯ VÉT CHIM BAY** (thơ Hàn Long Ân), trang 5
- **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, chương 1 (HT. Thích Thắng Hoan), trang 6
- **THƠ ĐỎ Vẘ ĐÀU** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 7
- **CHỮ SÁP VIẾT, NÓI TIẾP GIÁC MƠ...** (thơ NT Khánh Minh), tr. 8
- **VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO TĂNG TÀI** (Gs. Trần Thạc Đức), trang 8
- **ĐUỐC, TAN** (thơ Mai Phước Lộc), trang 9
- **MƯỜI HAI CÁCH TẠO NGHIỆP TỐT** (T. Nguyễn Tạng dịch), tr. 10
- **BIỆN TÀI KIỂU MẠN MANG CHƯỞNG NGHIỆP...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 11
- **SỰ THÀNH CÔNG CỦA MỘT TÔN GIÁO KHÔNG THỜ TRỜI** (Hoang Phong dịch), trang 12
- **VỀ ĐÀU, GIÓ REO, GIỌT SỮA...** (thơ Huyền Vũ), trang 13
- **CẢM TẠ CỦA BAN TANG LỄ ĐLHT THÍCH THUYỀN AN**, tr. 14
- **12 LỜI KHẨN NGUYỄN ĐĂNG LÊN ĐỨC QUẢN THẾ ÂM** (TM Vương Thủy Nga), trang 15
- **HÌNH ẢNH TANG LỄ ĐLHT THÍCH THUYỀN AN (HTÁ)**, tr. 16
- **HÌNH ẢNH LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC TẠI TU VIỆN CHÂN KHÔNG, HAWAII (HTA)**, tr. 17
- **AI LÀ PHẬT** (Thích Từ Lực), tr. 19
- **THE FRONTIER FOREST** (Bạch Xuân Phê dịch), trang 20
- **TRẦN TRỌNG CÚNG DƯỜNG PHẬT NGỌC** (Nguyễn Giác), t. 21
- **DƯỚI ÁNH NÉN HỒNG** (thơ Tâm Thường Định), trang 21
- **BÓNG NHỎ CHIỀU THU** (Lam Khê), trang 22
- **PHẬT GIÁO: VĂN HÓA ĐỌC & VĂN HÓA NGHE NHÌN** (Minh Thạnh), trang 23
- **BỎ TÁT ỒN ÀO** (Vĩnh Hảo), tr. 24
- **BÓNG DÁNG MÙA THU CA** (thơ Cư Sĩ Liên Hoa), trang 24
- **CHÚNG TA BỎ QUÁ NHIỀU TIỀN ĐỂ XÂY CÁT CHÙA CHIẾN...** (Chúc Thanh dịch), tr. 25
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 26

CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Đại Lễ Cung Nghinh Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới tại Tu Viện Chân Không, Hawaii, Hoa Kỳ, ngày 27 & 28 tháng 11, 2010



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,

Kính thưa chư vị quan khách, Kính thưa quý vị đại diện các cơ quan truyền thông báo chí,

Kính thưa chư thiện nam tín nữ Phật tử,

Thật là phước báo cho chúng con để được cung nghinh bảo tượng Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới và chư tôn Thiền Đức Tăng Ni quang lâm Tu Viện Chân Không trong giờ phút trang nghiêm của đại lễ hôm nay. Chúng tôi cũng rất hoan hỷ và vinh dự được đón tiếp chư vị quan khách chính quyền, đại diện các tôn giáo bạn, các đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thông báo chí và chư Phật tử.

Kính bạch chư tôn đức, Kính thưa liệt quý vị,

Thế giới mà chúng ta đang sống vốn chứa đầy những bất an, từ các thiên tai như động đất, sóng thần, núi lửa, hạn hán, lũ lụt, đến những nhân họa như khủng bố, chiến tranh, đói khát, nghèo khổ, bệnh tật. Sống trong nhà lửa bất an như vậy thì ước vọng hòa bình càng trở thành quý giá và khẩn thiết hơn bao giờ hết.

Điều trở trêu là con người luôn luôn khát vọng hòa bình, nhưng con người cũng chính là kẻ gây ra bất an và khổ não cho mình và đồng loại.

Thưa quý liệt vị,

Trên các diễn đàn quốc gia và thế giới, chúng ta đã và đang nghe con người thường xuyên cổ võ hòa bình, chống lại chiến tranh, kêu gọi xóa bỏ hận thù. Nhưng, chúng ta cũng thường trực chứng kiến những bất mãn, nghi kỵ, thù địch, gây hấn, bạo động, tàn sát lẫn nhau giữa cá nhân với cá nhân, giữa tập thể với tập thể, giữa cộng

đồng với cộng đồng, giữa chủng tộc với chủng tộc, giữa quốc gia với quốc gia, v.v... Con người còn vì quyền lợi của mình mà không ngần ngại tàn phá môi trường bình an của thế giới bằng những cuộc khai thác tài nguyên vô tổ chức, thải khí độc vào không gian vô tội vạ.

Làm sao để có được cuộc sống hòa bình đích thực?

Đó là vấn nạn lớn nhất mà con người luôn luôn đi tìm câu giải đáp. Đó cũng chính là động lực mãnh liệt thôi thúc Thái Tử Tất Đạt Đa vào Tuyết Sơn để tầm đạo, mà kết quả là Ngài đã thành tựu sự giác ngộ và giải thoát toàn vẹn, để trở thành một vị Phật, cách nay trên hai mươi lăm thế kỷ. Hình ảnh tôn quý của đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni đã được tạc thành tượng để con người có thể chiêm ngưỡng phước tướng trang nghiêm của Ngài, mà trong số đó tôn tượng Phật Ngọc là bảo tượng vô giá cho di sản của nhân loại.

Nhưng, trên tất cả và sâu bên trong tất cả những hình ảnh trang nghiêm của bảo tượng Phật Ngọc chính là năng lực trí tuệ giác ngộ và đức từ bi bao dung cứu khổ của đức Phật. Chính trí tuệ siêu việt và lòng từ bi vô lượng đã làm đức Phật trở thành biểu tượng hòa bình cho thế giới mà Tổ Chức Liên Hiệp Quốc đã chính thức tuyên dương cách nay hơn một thập niên.

Nhờ trí tuệ giác ngộ để chuyển hóa hoàn toàn nguồn gốc của vô minh, và các phiền não tham lam, thù hận và si mê. Nhờ lòng từ bi trải rộng tình thương đến muôn loại chúng sinh để cứu khổ. Trí tuệ để diệt gốc rễ của bất an bên trong. Từ bi để xây dựng hòa bình bên ngoài. Đó chính là con đường hòa bình đích thực mà nhân loại vốn cần thiết. Trong lòng không còn tham lam, thù hận và si mê thì sẽ không suy nghĩ, không hành động bất an cho mình và người. Trong lòng chứa đầy tình thương và bao dung độ lượng thì

sẽ luôn luôn hành động vì lợi ích bình an cho người khác.

Đó chính là những gì mà người Phật tử chúng ta tư duy, quán tưởng và thực hành khi chiêm bái tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình. Làm được như vậy, chúng ta mới có được cuộc sống hòa bình thực sự cho tự thân và cho thế giới, mà cũng chính là góp phần lớn lao kiến tạo ý nghĩa mang lại hòa bình cho tôn tượng Phật Ngọc và cho những buổi lễ cung nghinh tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình.

Trong niềm hoan hỷ của lễ cung nghinh tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình hôm nay, chúng tôi thành tâm tán thán và cảm niệm công đức của ông bà Ian Green đối với việc tôn tạo bảo tượng Phật Ngọc. Chúng tôi xin nhất tâm hồi hướng công đức về cho ông bà Ian Green sinh xứ xứ đều được an lạc.

Chúng tôi cũng nhân đây xin thành tâm tán thán công đức vô lượng của tất cả các thiện nguyện viên, các Phật tử của Tu Viện Chân Không đã hy sinh tâm lực, trí lực, và vật lực để giúp tổ chức buổi lễ hôm nay được thành tựu.

Chúng con một lần nữa, thành kính tri ân chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni đã từ bi quang lâm chứng minh và hành lễ.

Chúng tôi xin cảm tạ quý quan khách, quý cơ quan truyền thông, quý Phật tử đã đến tham dự lễ cung nghinh Phật Ngọc Hòa Bình hôm nay.

Nhất tâm cầu nguyện đức Phật hộ niệm cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, và muôn loài đều trọn thành Phật Đạo.

Nam Mô Hoan Hỷ Trang Nghiêm Vương Phật tác đại chúng minh.

Tỳ Kheo Thích Thông Hải,
Trưởng Ban Tổ Chức,
Viện Chủ Tu Viện Chân Không



問月

水中有影月

對面問姮娥

何在鄉關是

心愁恨氣歌

藍源

Phiên âm:

Vấn Nguyệt

Thủy trung hữu ảnh nguyệt,

Đối diện vấn Hằng Nga:

Hà tại hương quan thị?

Tâm sầu hận khí ca!

LAM NGUYỄN

Dịch thơ:

Hỏi Chị Hằng

Lần tìm đáy nước gặp trăng,

Hàn huyền xin hỏi chị Hằng đôi câu:

Quê nhà vốn ở nơi đâu?

Nỗi chi giải khúc oán sầu mệnh mang?

SONG NGUYỄN

CHIẾN THẮNG LÒNG GANH GHÉT VÀ TÁNH VỊ KỶ

Nguyên tác: **Ven. Dr. K. Sri Dhammananda**

Chuyển ngữ: **HT. Thích Trí Chơn**

Tánh Vị Kỳ Là Nguồn Gốc Của Lòng Ganh Ghét Trong Khi Lòng Ganh Ghét Nuôi Dưỡng Tánh Vị Kỳ

Một hôm cái đầu và đuôi con rắn cãi nhau về vấn đề ai sẽ đóng vai trò dẫn đạo. Đuôi nói với đầu rắn: "*Bạn luôn luôn hướng dẫn tôi như vậy không tốt. Đòi lúc bạn nên để tôi hướng dẫn bạn*".

Đầu rắn trả lời: "*Không có chuyện đó, vì theo luật tự nhiên, tôi phải đóng vai trò lãnh đạo. Bạn không thể thay tôi được*".

Cuộc gây gỗ kéo dài nhiều ngày sau đó cho đến một hôm vì quá tức giận, đuôi rắn quấn chặt vào một thân cây. Đầu rắn không thể bò đi được và quyết định để mặc cho cái đuôi nhúc nhích theo đường hướng riêng của nó. Nhưng bất hạnh thay vì cái đuôi không thể thấy biết nó phải bò đi đâu, nên con rắn rơi vào hầm lửa và bị chết cháy.

Một số người không bao giờ thỏa mãn với những tài sản của mình đã có và ganh ghét với những kẻ giàu sang hơn họ. Những kẻ có ý tưởng ganh tị cảm thấy không hạnh phúc với mọi điều họ đang có. Ngay cả trước mặt mọi người họ hoạt động thành công, nhưng họ vẫn không bằng lòng và cảm thấy buồn khổ vì nghĩ rằng nhiều người khác làm việc có kết quả hơn họ.

Vậy muốn được lợi ích họ nên hướng ý tưởng của họ vào nội tâm và suy tính đến những phước đức gì họ đã thực hiện được hơn là tạo ra những ý nghĩ tị hiềm.

Nguyên Nhân Của Tính Ganh Ghét

Nguyên nhân chính của tánh ganh ghét là lòng vị kỷ. Con người khi có tánh ích kỷ và luôn nghĩ đến mình, y chỉ biết sống cho y và nhìn mọi kẻ khác như đối thủ lợi hại. Y ganh ghét sự thành công và tham muốn tài sản của họ.

Y không thể tha thứ cho hạnh phúc và tị hiềm về các thành quả của họ. Cuối cùng y hoàn toàn trở nên phần tử nguy hiểm không thích giao tiếp với xã hội và tạo ra nhiều khó khăn. Những khó khăn có thể đến từ nhiều nguyên nhân.

Nhiều sự khó khăn phát xuất từ sự thân quen của chúng ta. Một con chó đi chơi thăm cảnh đồng quê. Vài ngày sau nó trở về, bạn bè hỏi nó anh có gặp trở ngại gì trong chuyến đi không. Chó bảo rằng nó gặp nhiều người và thú vật trên đường đi. Nhưng tất cả không ai gây phiền hà gì và mặc để cho nó đi theo con đường riêng của nó.

Chó nói: "*Duy nhất mọi khó khăn mà tôi phải đối phó đều phát xuất từ*

những con chó giống tôi. Chúng không để tôi yên thân. Chúng sủa, rượt đuổi và cố gắng chạy theo cắn tôi".

Tương tự như vậy, một người khi thành công, những kẻ xa lạ thường không quan tâm gì đến y. Nhưng không may nếu y có quen biết vài người bạn hay bà con, những kẻ đó sẽ ganh ghét về thành quả của y. Họ sẽ đặt chuyện, và ngay cả tạo nên những trở ngại cho y. Gặp hoàn cảnh như vậy, y cần phải cố gắng nhẫn nhục. Và có thể hữu ích nếu y nhớ rằng người ta dễ dàng tiếp xúc với những kẻ xa lạ hơn là những người thân quen với y.

Tánh vị kỷ phát sinh từ ý tưởng sai lầm và thiếu sáng suốt không nhận chân được thực tại của cuộc sống. Nó là loại tình cảm rất tai hại, được xây dựng trên lòng tham dục và gây nên nhiều khổ đau, phiền não bất tận. Cần phải áp dụng các phương pháp chân chính và ngăn ngừa để có thể chế ngự những tình cảm không tốt đó.

Điều thiện được xây dựng trên sức mạnh của tư tưởng và nó có khả năng thu hút điều thiện. Chúng ta gạt hái kết quả theo đúng những ý tưởng chúng ta đã gieo.

Sự khổ đau và hạnh phúc của chúng ta là hậu quả trực tiếp của những ý tưởng lành hay ác của chúng ta theo định luật hấp dẫn mà nó được phổ biến ứng dụng trên mọi lãnh vực hoạt động.

Nếu người nào không may có một kẻ thù, điều tệ hại nhất mà y có thể gây ra cho chính y, không phải với người thù, là để cho lòng oán giận xâm nhập vào tâm hồn và khiến sự hận thù trở thành bệnh kinh niên.

Tất cả chúng ta đều là những người bạn khổ đau và sống theo một định luật chung. Sự chọn lựa trong việc làm lành hay tạo ác đều tùy thuộc ở chúng ta. Cho nên, nếu bạn không muốn thấy hoặc nghe những thành quả tốt đẹp của kẻ khác, bạn cần phải suy nghĩ lại về cái nhìn của mình.

Sự Hiểu Biết Tâm Của Bạn

Khi xem xét và khảo sát những tư tưởng xấu nơi mình, hành giả sẽ nhận thấy rằng không ai khác ngoài chính y có khả năng và điều kiện tạo nên sự an lạc và quân bình trong tâm của mình. Khi so sánh họ với kẻ khác, họ sẽ gây ra đau khổ cho chính họ với ý nghĩ rằng họ kém thua hoặc người khác thành công hơn họ. Tánh ganh ghét không mang lại lợi ích gì cho ai mà nó thường là nguồn gốc của những mối bất hòa trên thế giới.

Chúng ta nên nhận thức rằng

những tính xấu như tị hiềm, oán giận và ác ý khiến cho tâm lành của chúng ta không phát triển được. Chúng ta cần phải tu tập để bằng mọi giá, diệt trừ hết những ảnh hưởng xấu ấy nơi chúng ta. Sự ganh ghét sẽ không mang lại điều chúng ta mong ước mà nó còn hướng dẫn chúng ta vào con đường mù quáng của oán thù, bất an; cơ thể bệnh hoạn và khổ đau tinh thần.

Chúng ta nên thận trọng đối với những tư tưởng bất thiện. Khi trong tâm dấy khởi lên một ý niệm xấu, chúng ta nên tìm cách thay thế nó bằng một ý niệm tốt. Điều này đòi hỏi chúng ta cần tinh thức để biết những ý tưởng hiện đến và diệt đi nơi tâm chúng ta. Qua tiến trình dần dần của sự tự giác, chúng ta có thể kiểm soát và loại trừ những ý tưởng xấu trước khi chúng có thể xâm nhập vào chúng ta.

Văn Đề Diệt Trừ Tánh Ganh Ghét

Khi chúng ta nhận biết về tai hại của tánh ganh ghét chúng ta có thể dành hết thì giờ và năng lực vào sự luyện tập hữu ích các ý tưởng lành như lòng tốt giúp đỡ và yêu thương. Chúng ta nên nghĩ rằng chúng ta chẳng mất mát gì cả khi có những kẻ khác phát đạt. Chúng ta cần tu tập đức tánh khiêm tốn, diệt trừ lòng tham vị kỷ và phát triển tánh hoan hỷ, thân ái trước hạnh phúc của mọi kẻ khác.

Con người có được những ý tưởng tốt như vậy sẽ là một phước lành cho chính họ và đối với toàn thế giới. Chúng ta nên khuyến khích sự thực hiện tình thương trước đau khổ của kẻ khác và cùng lúc diệt trừ những ý tưởng tham lam ích kỷ. Con người chỉ có cuộc sống vui vẻ và hạnh phúc khi họ chế ngự được lòng vị kỷ cùng phát triển được ý nghĩ tốt, sự thông cảm và tình thương.



Đức Phật khuyên dạy các đệ tử của Ngài nên có tâm hỷ xả và tử bi khi thấy người khác hạnh phúc, và đó là đức tánh tốt để diệt trừ lòng ganh ghét. Họ nên có thái độ hoan hỷ bằng cách vui mừng khi thấy kẻ khác phát đạt và thành công. Chúng ta dễ dàng có hành động tốt với những người thân quen khi thấy họ giàu sang và thịnh vượng, nhưng rất khó làm như vậy đối trước những kẻ thù của chúng ta. Lúc ấy, các bạn nên nghĩ rằng: *"Phải chăng chúng ta không ưa thích sự phát đạt và thành công? Chúng ta không muốn được hưởng an lạc và hạnh phúc? Vậy điều gì chúng ta muốn thành đạt cho chúng ta, tại sao lại không muốn người khác có được sự an lành, giàu sang, thành công và hạnh phúc ấy?"*

Duy trì được ý tưởng tinh thần như vậy có thể giúp con người thoát khỏi nhiều khổ đau, cũng như giúp họ tránh không bị rơi vào sự hủy diệt, nhất là khi hành động ác ý và hiểm độc ấy được phát triển bởi những tư tưởng ganh ghét.

Trái lại, chúng ta nên kiên nhẫn với những người có tâm ganh ghét về sự thành công của chúng ta. Hành động chống đối của họ đôi khi

phát sinh là do bởi chúng ta không biết xử sự nhã nhặn. Bạn nên tế nhị đừng bao giờ phô trương sự thành công của mình trước những kẻ hoạt động mà không có kết quả. Vào lúc đạt được thắng lợi, chúng ta nên nghĩ nhớ lại những thất bại quá khứ hầu giúp chúng ta thấu rõ hơn tâm trạng của những người hành động mà không đạt được thành quả như ý.

Khi gặp kẻ hành động chống đối chúng ta vì lòng ganh ghét, bạn phải biết kiềm chế không sanh lòng oán giận. Quý vị nên tự nhắc nhở rằng chúng ta như mọi người, là chủ nhân các nghiệp quả của chúng ta. Bạn nên suy nghĩ như thế này: *"Tại sao ta lại giận người đó? Lòng sân hận sẽ không giải quyết được việc gì cả mà nó chỉ khiến cho vấn đề càng tồi tệ thêm. Tánh nóng giận chỉ mang lại cho ta sự khổ đau và đổ vỡ. Nếu đáp trả người ấy bằng sự căm hờn, ta sẽ tự làm hại mình như người cầm trong tay những thanh củi đang cháy đỏ đánh vào kẻ khác".*

Trích dịch tác phẩm "How To Live Without Fear & Worry"
(Làm Sao Sống Không Sợ Hãi và Lo Âu?)

Đêm trăng mộng

trăng

*Có những đêm trăng cuồng chân muốn bước
trời đất vô cùng, ta lại gặp ta
trăng vẫn là trăng tự nghìn năm trước
sao đến bây giờ ta mới nhìn ra?*

mộng

*Đêm nằm mộng gặp người năm ấy
tiếc thăm lâu nay chẳng tìm nhau
người quần quanh đây sao ta không thấy?
sắp được cầm tay, tình chiêm bao!*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



ỨNG THÂN PHẬT

Ht. Thích Thắng Hoan



ĐẠO TỪ trong Lễ Cung Nghinh và Chiêm Bái Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới, tại Tu Viện Chân Không, Hawaii, Hoa Kỳ, ngày 27 & 28.11.2010

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, Thượng
Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa chư vị quan khách,
Kính thưa quý vị đại diện các tổ chức,
đoàn thể, cơ quan truyền thông báo chí,
Kính thưa chư Phật tử,

Chúng tôi từng nghe các bậc cổ đức nói rằng "Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp." Nghĩa là trên bình diện thực chứng bản thể tuyệt đối thì không có pháp nào khả đắc, nhưng trên bình diện diệu dụng phương tiện thì không bỏ một pháp nào. Bởi vậy, mười phương chư Phật trong ba đời đều thị hiện đầy đủ Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Thân. Pháp Thân là bản thể vô tướng. Báo Thân là thành tựu của công năng tu tập với vô lượng thắng phước. Ứng Thân là diệu dụng của Phương Tiện Trí qua hình tướng để cứu độ chúng sinh. Không có Ứng Thân thì Phật tánh không lấy gì để biểu thị và chúng sinh cũng không thể nào tiếp cận được với Phật Thân. Cho nên, Ứng Thân là phương tiện cần thiết để hóa độ của chư Phật.

Trong ý nghĩa đó, Phật tượng chính là dạng thức biểu tượng để phổ diễn Ứng Thân Phật. Vì vậy cho nên trong Kinh, đức Phật dạy người cúng dường xá lợi, tôn tượng Phật và Bồ Tát thì có được nhiều công đức thù thắng. Tôn tượng Phật Ngọc Hòa Bình được tạc từ khối ngọc tinh khiết và quý giá nhất trên thế giới này. Đây là một trong những biểu tượng giá trị về mặt nghệ thuật và tâm linh qua hình tượng của Ứng Thân Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Điều đặc thù hơn nữa vì đây là tôn tượng đại biểu cho tinh

thần hòa bình của Phật Giáo đã được Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 và Đại Sư Zopa Rinpoche nhất tâm chú nguyện và xưng tụng.

Nhưng, vấn đề không đơn giản là khi tôn tượng Phật Ngọc đến đâu thì tự nhiên hòa bình có mặt ở đó. Hòa bình đích thực chỉ có mặt ở những nơi nào mà mầm mống của sân si, thù hận, và tham tàn đã thực sự được chuyển hóa. Mầm mống của sân si, thù hận và tham tàn trú ẩn ngay trong tâm thức của mỗi người chúng ta. Và những mầm mống này sẵn sàng vùng dậy trong mỗi tâm niệm, mỗi sát na nếu chúng ta không biết cách chế ngự hay chuyển hóa. Thảm họa mà con người đã và đang chứng kiến cũng như gánh chịu do mầm mống của sân si, thù hận và tham tàn thao tác trên cõi đời này thì không sao kể xiết. Cuộc đời vì vậy, khổ não thì triền miên và đầy dẫy, còn hạnh phúc thì ngắn ngủi và hiếm hoi. Cho nên trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đức Phật dạy rằng "Ba cõi không an giống như nhà lửa!" Chính trong thực trạng khổ đau ấy mà hòa bình mới trở thành giá trị vô ngần cho cuộc sống của nhân loại.

Khi chiêm ngưỡng tôn tượng Phật Ngọc, chúng ta nhất tâm quán tưởng đến những đức tướng cao cả và tôn quý của đức Phật Ứng Thân Thích Ca Mâu Ni. Những đức tướng ấy chính là lòng từ bi cứu độ vô lượng và trí tuệ giác ngộ siêu việt của Ngài. Quán tưởng như vậy để chúng ta vừa phát khởi tâm kính ngưỡng đức Phật, vừa thệ nguyện thực hành theo lời dạy cao quý của Ngài nhằm đến mục tiêu chuyển hóa những mầm mống của sân si, thù hận và tham tàn. Khi mỗi người chúng ta đều nỗ lực chuyển hóa tham, sân, và si ngay chính tự thân mình có được hiệu quả, thì đó chính là cách chúng ta góp phần vào việc xây dựng nền hòa bình cho thế giới.

Làm được như vậy thì việc cung nghinh và chiêm bái tôn tượng Phật Ngọc hôm nay mới đích thực đem lại hòa bình cho cá nhân, gia đình, xã hội và toàn thể nhân loại. Đó cũng chính là ý nghĩa cao quý và thiết thực của Đại Lễ Cung Nghinh và Chiêm Bái Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới.

Trong niềm hoan hỷ vô lượng, xin thay mặt chư tôn đức Tăng, Ni, chúng tôi thành tâm tán thán công đức của Hòa Thượng Viện Chủ Tu Viện Chân Không Thích Thông Hải cũng như chư Tăng, Ni và Phật tử nơi đây đã đem hết tâm lực, trí lực và vật lực để tổ chức Lễ Cung Nghinh và Chiêm Bái Phật Ngọc Hòa Bình hầu mang lại lợi lạc vô biên cho mọi người và góp phần xứng đáng vào công cuộc kiến tạo hòa bình cho thế giới.

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo tác đại chứng minh.

Sa Môn Thích Thắng Hoan,
Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm
GHPGVNTNHK

LẦN ĐẦU ĐẾN XỨ ÚC

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

Vào khoảng 4 giờ chiều của ngày 10 tháng 09 năm 2003, chuẩn bị đi tung kinh thì điện thoại lại reo. Nhấc phone để nghe và vừa niệm A Di Đà Phật, thì đầu dây vọng lại cho hay :

- Thưa Ông, con là Tâm Phương gọi từ Úc qua hầu Ông và kính thỉnh Ông qua dự lễ Khánh thành Tu Viện Quảng Đức của chúng con vừa mới tam ổn.

Tôi chưa kịp chào Thượng tọa Tâm Phương thì Thượng tọa nói tiếp :

- Cực quá Ông ơi ! Kể từ ngày con qua Ông thăm, xin mẫu chùa về là bắt tay vào việc lo cho xong Tân Chánh Điện để có thờ Phật và Tổ cùng chư hương linh quá vắng được ký tự tại tu viện. Còn những phần khác thì đang còn ngổn ngang, Ông qua đừng có cười tui con nghe.

Tôi trả lời:

- Chúc mừng thầy đó nghe. Thầy yên tâm, bên này chư Tôn đức cũng đã họp và đã tính cả rồi. Hình như Giáo hội Hoa Kỳ qua gần như đông đủ. Trước khi tôi qua, tôi sẽ Email cho thầy Nguyễn Tạng biết giờ giấc, ngày tháng và hãng máy bay cũng như chuyến máy bay để đón. Phần tôi thì có hai thầy trò. Toàn chuyến nghe đầu là có quý thầy Nguyễn Siêu, Nguyễn Trí, Nguyễn An và có đứa cháu của thầy Nguyễn An nữa. Tổng cộng là bốn tu sĩ, hai cư sĩ.

Chuyện gì đến rồi cũng đến. Tất cả chúng tôi gặp nhau tại phi trường Los Angeles và cùng bay thẳng qua phi trường Melbourne suốt 15 tiếng đồng hồ.

Máy bay hạ cánh. Sáu chúng tôi từ từ lần lượt kẻ trước, người sau đi ra cổng. Vì không có hành lý kèn cồng, nên mọi người đều thông thả đi ra, không có gì khó khăn ; riêng Thượng tọa Nguyễn Siêu gặp trở ngại. Lý do, khi máy bay đang lơ lửng giữa trời không, tôi phát cho mỗi vị một trái táo (*apple, loại đặc biệt*) để ăn cho tỉnh, sau mười mấy tiếng đồng hồ ngủ gà, ngủ gật. Thầy không chịu ăn, bỏ vào trong xách đựng y hậu, ra cửa bị Quan thuế làm khó dễ, tôi đứng ra bảo nhận nói :

- Đây là đồ ăn bình thường của chúng tôi, khi mang theo lên máy bay. Nếu quý vị thấy khó dễ, tôi xin ăn trước mặt quý vị, hoặc cho vào thùng rác. Cô quan thuế cười và tự tay cô bỏ vào thùng rác. Rồi mấy anh em cùng đi ra cửa tự nhiên.

Tôi cười và nói với Thượng tọa Nguyễn Siêu:

- Khi này, tui đưa cho thầy, nói ăn đi, không chịu, bây giờ gặp lỗi thôi. Hai chúng tôi cùng cười và rào bước.

Trước khi qua Úc, tôi có hỏi Thượng tọa Tâm Minh (*Tọa chủ chùa Trúc Lâm, ở NSW*), khí hậu ra sao ? Lạnh hay nóng?

Thượng tọa cho hay:

- Cần phải mang áo ấm, trời gió và khá lạnh.

Đúng vậy. Ra khỏi cửa sân bay để đợi Phật tử của Tu viện Quảng Đức ra

đón, mọi người gặp lạnh, phải lùi vào bên trong để trốn lạnh. Riêng tôi, mở ngay xách kéo tay, lấy áo lạnh mặc vào và đứng đợi bên ngoài để người đến đón biết mà ngừng xe. Vì chỗ đậu xe vừa chật, vừa khó. Trời lại mưa bay bay, gió thổi mạnh.

Từ phi trường về Tu viện hơn nửa giờ. Trời bắt đầu tối, chư Tăng và Phật tử từ xa về thì được Ban tổ chức thu xếp chỗ nghỉ ngơi. Thượng tọa Viện trưởng Thích Tâm Phương đến với chúng tôi bằng nụ cười vui với câu xả giao là :

- Con xin dẫn lễ quý Ông từ Hoa Kỳ. Xin quý Ông bỏ lỗi cho chúng con vì quá bề bộn công việc.

Thầy nói đến đây thì xá và rút lui. Quý thầy trong Ban tổ chức đến xin quý danh và sắp xếp phòng ốc.

Ngủ một đêm tới sáng, chuông đổ đánh thức. Trên chánh điện chư Tăng đi công phu, các phòng nhỏ mạnh ai nấy uống trà. Đa phần đều lạ, tôi chỉ biết được Hòa thượng Huyền Tôn và Thượng tọa Quảng Ba, Thượng tọa Tâm Minh.

Xuống phòng sinh hoạt là một hội trường khá rộng, sạch sẽ, trang hoàng gọn và đẹp. Tất cả đều mới. Nhìn quanh hội trường, chư Tôn đức từ phương xa về dự lễ Khánh Thành vào các ngày 09, 10 và 11 tháng 10 năm 2003, rất đông; có cả các bậc Trưởng thượng từ quê nhà và tôi được gặp lại người bạn chung trường Bồ Đề - Huệ, trên 30 năm. Đó là Thượng tọa Thích Phước Trí, tọa chủ chùa Vạn Phước, Sài Gòn (*nay là ngôi vị Hòa thượng*).

Ăn điểm tâm xong, hai chúng tôi (*Phước Trí + Tín Nghĩa*), tay bắt mặt mừng, chào hỏi sức khỏe xong rồi chia tay. Hẹn gặp lại vào một dịp có khoảng thời gian khá dài, vì ai cũng bận. Đặc biệt là tôi phải tham dự và tham gia tất cả những chương trình trong những ngày hội ở đây, như là :

*.- Họa Đại Hội Bất Thường,

*.- Sám chủ Chấn tế vớt vong ngoài biển, . . .

Ngày ngày đầu tiên của ba ngày lễ chính thức, số lượng Tăng Ni đã lên đến hơn 70 vị đến từ các nước như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp, Đức, Hòa Lan, Tân Tây Lan và Việt Nam. Và sau khi đã thông báo, thông tin thời khóa biểu Đại Lễ, buổi lễ cung an chức sự đầu tiên được diễn ra tại Tân Chánh Điện trên tầng lầu, còn mùi sơn mới.

Ngày chính thức Đại lễ Khánh thành, hai vị Xương ngôn viên là Thượng tọa Nhật Tân (*Úc*), Thượng tọa Nhật Trí (*Canada*) cho biết tổng số lượng Tăng Ni đã lên đến 134 vị.

Theo bài tường trình của Tu viện Quảng Đức thì danh sách chư Tôn đức và Quan khách Việt cũng như Ngoại quốc như sau:

Về chứng minh và tham dự lễ có : Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện Trưởng VHD, Chủ tịch HĐDH VP II VHD GHPGVNTNHN/Hoa Kỳ ; Đại Lão Hòa Thượng Thích Phước Thành, Phương Trưởng Tổ Đình Thiên Phước, Bình Định ; Hòa Thượng Thích Như Huệ, Hội Chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống

Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan ; Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Châu Âu ; Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, Phó Chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế giới, đến từ Đài Loan; Hòa Thượng Thích Huyền Tôn, Chứng Minh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan ; Hòa Thượng Thích Thiện Đức, Phương Trưởng Tổ Đình Thiên Phước, Bình Định ; HT Thích Chánh Lạc, Phó Chủ tịch Nội Vụ HĐDH VP II VHD GHPGVNTNHN/Hoa Kỳ, Viện Chủ chùa Như Lai Denver, CO ; HT Thích Giác Lượng, Phó Chủ tịch HĐDH Đặc Trách Giải Trừ Pháp Nạn, Viện Chủ Pháp Duyên Tịnh Xá San Jose, CA ; HT Thích Bảo Lạc, Phó Hội Chủ Nội Vụ kiêm Tổng Vụ Hoằng Pháp GHPGVNTN/HN tại Úc ; PSNT Thích Giác Đức, Phó Chủ tịch HĐDH VP II VHD GHPGVNTNHN/Hoa Kỳ, Đặc Trách Nghiên Cứu Kế Hoạch, Viện chủ chùa PGVN Boston. MA ; HT Thích Tín Nghĩa, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTNHN/HK, Viện Chủ Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại Dallas, TX ; HT Thích Nguyễn An, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự GHPGVNTNHN/HK, Viện Chủ Chùa Cổ Lâm Seattle, WA ; TT Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN/HN tại Châu Âu ; Thượng Tọa Thích Trường Sanh, Phó Hội Chủ Đặc Trách Tân Tây Lan, GHPGVNTN/HN tại Úc ; TT. Thích Tịnh Minh, Chánh Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN ; TT Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Hòa Thượng Lạt Ma Tây Tạng Guru Vajra Yong Le, Lạt Ma Vajra Yong Ming ; TT Thích Bổn Đạt, Phó Chủ tịch Nội Vụ HĐDH GHPGVNTNHN/Canada, Viện chủ Chùa & Tu Viện Phổ Đà Sơn Ottawa, Canada ; TT. Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ Ngoại Vụ GHPGVNTN/HN tại Úc, viện Chủ Tu Viện Vạn Hạnh, Canberra; TT Thích Bổn Điền, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự, GHPGVNTN Hải Ngoại tại Úc và 134 Tăng Ni từ khắp nơi trên thế giới về dự lễ. Phía quan khách Úc có : Thượng Nghị Sĩ Garry Hardgrave, Tổng Trưởng Bộ Đa Văn Hóa & Quốc Tịch Sự Vụ Liên Bang ; Thượng Nghị Sĩ Jacinta Tchen đại diện cho Thủ Tướng Úc John Howard ; Thượng Nghị Sĩ Kevin Thomson, Tổng Trưởng Đối Lập về Môi Sinh thuộc Đảng Lao Động ; Thượng Nghị Sĩ Sang Nguyễn, đại diện cho Thủ Hiến Tiểu Bang Victoria Steve Brack ; Ông Joe Ficarra , Thị Trưởng thành phố Moreland ; Ông Châu Xuân Hùng, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Tự Do Tiểu Bang Victoria ; Luật Sư Lưu Tường Quang, Tổng Giám Đốc SBS Radio Sắc Tộc tại Úc ; Ông John Hughes, Chủ tịch Hội Thảo Luận Phật Học, Victoria ; Ông Ian Green, Chủ tịch Hội Phật Giáo Bendigo, Victoria ; Ông Robert Wood, Chủ tịch Trung Tâm Vận Động Hòa Bình ; Ông Võ Văn Ái, Nữ sĩ Ý Lan (Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc đến từ Pháp quốc), cô Ngọc Hân, trưởng ban Việt Ngữ SBS Sydney, ông Long Quân, chủ bút Tuần Báo Nhân Quyền, ông Hồng Hà, chủ bút Thời Báo, hơn 40 hội đoàn người Việt và trên 4000 đồng hương Phật tử về tham dự lễ.

Được một ngày rảnh, thoải mái

nhưng lạnh quá. Ai ai cũng than lạnh, nên có một vài thí chủ tìm mua áo ấm cúng dường. Mặc đầu tôi đã có, nhưng cũng nhận một cái không phải vì tham lam mà chính là để có một món quà lưu niệm lần đầu đến xứ Úc (*Cái áo ấy nay vẫn còn*).

Tôi đã đồng thuận theo sự thỉnh cầu của Thượng tọa Tâm Phương qua điện thoại, nên ngày 10-10, tôi theo Đại chúng lên tàu ra biển để sám chủ lễ Chấn tế vớt vong. Suốt ba tiếng đồng hồ trong cương vị Gia trì sư, trong buồng tàu với khung cảnh tuy không rộng rãi, nhưng vẫn đề bài sám, trì kinh của quý vị Kinh sư cũng như sự hộ niệm của Đại chúng rất trang nghiêm, đem lại niềm tin cho hàng Phật tử địa phương không ít. Suốt một ngày trời trên ven biển, con tàu lắc lư, tôi cố ngồi cho vững, nhưng không tài nào giữ thăng bằng được.

Về đến Tu viện thì cơm chiều bắt đầu. Ăn xong lại tiếp tục họp Đại Hội. Phần Đại Hội cũng lắm nhiều khê và sôi nổi. Thôi thì cho nó qua đi.

Ngày 11-10, Chư Tôn đức tề tựu nơi Đại Hùng Bảo Điện để làm lễ Tấn phong Hội Đồng Luồng Viên ở trong nước. Khi cung nghinh ảnh Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang lên Chánh điện, tôi và Thượng tọa Quảng Ba cùng cất lên: Nam mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát và Đại chúng đồng niệm. Tiếng niệm danh hiệu Bồ tát Phổ Hiền khi trầm, khi bổng. Lễ Tấn phong chỉ có chư Tăng và Phật tử hải ngoại tham dự, còn quý vị khách Tăng trong nước có duyên sự nên đã ra đi từ sáng sớm.

Cùng ngày, vào lúc 2 giờ chiều địa phương, một Đại trai đàn Chấn tế Bạt độ Cô hồn, cầu âm siêu dương thái và thù nguyện cho công đức kiến tạo Tu viện Quảng Đức được diễn ra.

Sám chủ, Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Tôn

Kinh sư: Thượng tọa Trường Sanh, Thượng tọa Tâm Minh, Thượng tọa Bổn Đạt, Thượng tọa Trường Phước, Thượng tọa Tâm Hòa, Đại đức Phổ



HT. Thích Tín Nghĩa



Thượng tọa Tâm Hòa, Đại đức Phổ Hương, Đại đức Viên Trí và Đại đức Viên Tịnh. Buổi Đại lễ này diễn ra gần sáu tiếng đồng hồ liên tục; tuy thế, ai ai cũng phấn khởi, ai ai cũng hoan hỷ. Vì đây là lần đầu tiên, tại địa phương được cung đón chư Tôn đức Tăng ni với số lượng đông đảo, một Đại lễ vớt vong trên biển, một lễ Đại thí thực trang nghiêm chưa được thực hiện ra ở nơi này.

Đạo tràng hoàn mãn tạ Như Lai, chư Phật quy không tọa bảo đài, Bồ tát, Bích chi quy Đâu suất, chư Tăng hoàn tự viện, Thanh văn, La hán nhập thiên thai đã hoàn nguyện.

Hạ đàn, tôi và thầy Nguyễn An cùng theo Hòa thượng Huyền Tôn về thăm chùa Bảo Vương của Ngài. Ngủ qua đêm và được ăn mỳ gói, hàn huyên gần suốt sáng. Thành thật mà nói, Hòa thượng tuổi già mà trí huệ vô cùng tinh khôi, lái xe đường trường không thua gì tuổi trẻ đôi mươi. Thầy Nguyễn An ngồi sau vừa cười vừa la:

- Ngài lái sao mà chạy mau quá vậy? Khéo cả hai chúng con không về được Mỹ đó nghe.

Ngài cười và bảo:

- Hai ngài yên chí lớn, tui lái, cảnh sát còn sợ nữa cơ mà. Cả ba cùng cười xòa. Về đến Quảng Đức, thầy Nguyễn An nói lớn:

- Ông cụ, già rồi mà chạy quá trời trời.

Thầy Nguyễn Tạng đứng bên cạnh vừa cười, vừa nói:

- Ngài chạy xe ở đây là số một. Dùng trưa xong, ngài Huyền Tôn trở lại chùa, chúng tôi ai lo chuyện nấy.

Ngày 13-10, Thượng tọa Tâm Phương sắp xếp cho chúng tôi tùy duyên đi tham quan các chùa và một số thắng cảnh ở đây. Hai vợ chồng Phật tử Hải Hạnh (*Cháu gọi thầy Phước Trí bằng cậu*) lo liệu.

Trước tiên, viếng thăm những ngôi chùa phụ cận, kể đến là đi thăm phong cảnh và sở thú. Không biết duyên nghiệp thế nào, những hướng đạo sư cứ chạy hết xa lộ này đến xa lộ khác. Chạy tới, chạy lui, rồi đói bụng vào ăn một cái quán, đồ ăn thiếu vì thực khách của hai xe chúng tôi lại đông, nên ăn tạm đỡ đói. Tiếp tục đi xem con Kangaroo cho biết tường tận. Hướng đạo sư dẫn đến sở thú, bước vào ngay gần cổng có năm con Kangaroo, thì, hai con bị bệnh nằm một chỗ, ba con còn lại, con thì đi hết muốn nổi, con thì ăn cỏ chậm chạp, chúng tôi dừng xe, đến gần chúng mà nó cũng không buồn chạy nữa là. Đi quanh xem mấy giống khác thì cũng chẳng có gì hấp dẫn, tôi và thầy Nguyễn Siêu đồng thuận xin về lại chùa. Thế là cả đoàn cùng về. Về đến Quảng Đức ai nấy tự cười cho riêng mình. Thầy Nguyễn Siêu than:

- Ở Mỹ không lo coi xa lộ qua Úc lại lái xe chạy quanh để nhìn xa lộ!

Mọi người phá lên cười, rồi ai lo về phòng nấy.

Tối hôm đó cùng ngày, tôi lên phòng thầy Nguyễn Tạng nói chuyện cho vui và cảm ơn thầy đã

từng giúp tôi lo cho trang nhà Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại một thời gian khá dài.

Hai chúng tôi nói cười đến ba giờ sáng mới đi nghỉ. Sáng dậy, điểm tâm xong, năm chúng tôi cùng nhau được Thượng tọa Tâm Phương đưa ra phi trường và về chùa Trúc Lâm, nơi Thượng tọa Tâm Minh, pháp đệ của tôi (*Tín Nghĩa*) làm Tọa chủ. Riêng Thượng tọa Nguyễn Siêu ở lại và viếng thăm một vùng khác. Chúng tôi ở lại đây được hai hôm, đi phố mua trái cây đủ thứ, cùng hai thầy đi thăm một vài bồn đạo của thầy Nguyễn An. Qua ngày sau, hai thầy và người cháu đi qua một vùng khác. Riêng tôi ở lại chùa Trúc Lâm và được thầy Tâm Minh cho đi thăm Tu viện Vạn Hạnh của Thượng tọa Quảng Ba, được ngoạn cảnh và thăm trụ sở Quốc Hội của nước Úc. Về lại Trúc Lâm, rồi thầy Tâm Minh cho đi thăm chùa của Thượng tọa Nguyễn Trúc, Liên Hoa ni tự của Ni sư Tâm Lạc, Tông lâm Phước Huệ của Hòa thượng Phước Huệ, chùa Pháp Bảo của Hòa thượng Bảo Lạc lại được ăn bún rêu trưa đó. Thứ bảy, tôi qua viếng thăm chùa Huyền Quang của Thượng tọa Bốn Điền, chứng minh và chủ lễ ngày giỗ Tôn sư của Thượng tọa. Chủ nhật, thuyết giảng ở chùa Trúc Lâm. Thứ hai và thứ ba, đệ tử của Thượng tọa Tâm Minh cho đi dạo phố, rồi viếng thăm chỗ cũ mà nước Úc đã từng tổ chức Olympic năm xưa, tối lại đi thăm tòa nhà nổi trên biển và cây cầu về ban đêm. Thứ tư, ra phi trường và trực chỉ về lại Từ Đàm.

Ngôi trên máy bay, tôi không khỏi cảm phục hai anh em của Thượng tọa Tâm Phương trong công trình kiến tạo ngôi già lam Quảng Đức.

Thượng tọa Tâm Phương đến định cư tại Sydney, ngày 16-02-1987 ; ba năm sau, vào ngày 10-05-1990 thành lập Tu viện Quảng Đức. Thầy Nguyễn Tạng được bào huynh bảo trợ qua định cư ở Úc theo diện nhà truyền giáo (*Minister of Religion*) vào ngày 05-04-1998. Một thời gian không dài lắm mà hai anh em cùng Phật tử địa phương đã làm nên một Đại Phật Sự vô cùng lớn lao ở xứ người. Đã vậy, hai vị cùng bốn viện đứng ra tổ chức Đại Hội Bất Thường Lịch Sử; vì Đại Hội này đã cử hành Đại lễ Tấn phong Hội Đồng Lương Viện ở trong nước. Nhưng cũng từ Đại hội Lịch sử này, tất cả chúng tôi được Giáo chỉ số 9 cho ra khỏi vòng kiểm tỏa của Giáo Hội và phải tự mình thập đức lên mà đi như lời Đức Phật răn dạy.

Tôi viết vài kỷ niệm nhỏ này để góp vào Tập Kỷ Yếu mà Thượng tọa Thích Nguyễn Tạng vừa là bào đệ của Thượng tọa Thích Tâm Phương và cũng là Phó trú trì của Tu viện Quảng Đức đang thực hiện. Chính Thượng tọa đã trực tiếp gọi điện thoại cho tôi viết một bài đóng góp cho vui.

Kính chúc nhị vị pháp sự châu long, viên mãn.

Phật lịch 2553, Trọng xuân Canh Dần - March 03, 2010.

YẾM TRỢ BÁO CHÁNH PHÁP

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,
Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Tuy mới có mặt trong một thời gian ngắn, báo Chánh Pháp đã nhanh chóng tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.
Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mỏi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$3 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.

Tỳ kheo Thích Nguyễn Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi: baivochanhphap@gmail.com



Cám ơn cái chết

*Cám ơn đời đã cho ta biết chết
Để ta còn ước muốn tìm em
Để biết ngày rồi cũng sang đêm
Và Vũ trụ muôn đời vẫn mới.*

*Có cái chết ta hãy còn trông đợi
Được yêu người và cũng được người yêu
Dù một mai khi ngọn gió trở chiều
Ta yên nghỉ mà mắt không nhắm lại.*

*Nhờ biết chết nên nỗi đau trần thế
Bỗng trở thành sóng nước tri âm
Vẫn có nhau để dịu dặt khi cần
Từ muôn nẻo chảy xuôi về biển rộng.*

Vì có chết ta biết mình còn sống...

Như vết chim bay

*Từ vô thi ta về trong cõi tạm
Thở hơi người mơ một giấc mơ chung
Rồi lặn ngụp trong vũng sâu ảo não
Nụ cười đầu mà giọt lệ khôn cùng?*

*Ừ, cuộc mộng, vì đời không thực có
Ừ, trần gian, đâu bề chẳng phải không
Tay xếp lại niềm chung riêng một xó
Thả hồn mình lơ lửng giữa mênh mông.*

*Ta tự ví tấm thân này bé bỏng
Đến và đi như những vết chim bay
Còn lại gì bên dòng sông tĩnh lặng?
Mộng trăm năm là mộng giữa ban ngày.*

HÀN LONG ÂN

(Chùa Thiên Trúc, San Jose, 11. 2010)



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**
Người dịch: **THẮNG HOAN**

CHƯƠNG I HIỆN TRẠNG NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NGÀY NAY

Trước Kỷ Nguyên 500 năm, Phật Học được phát sanh nơi Ấn Độ. Đến một thế kỷ trước trước Kỷ Nguyên, trong thời gian Tần Hán cai trị, Phật Học mới bắt đầu lần lượt truyền vào Trung Quốc. Đến nay, Phật Học tồn tại trên đất Trung Quốc đã có hai ngàn năm lịch sử. Trong thời gian tại Trung Quốc, Phật Học cũng có lúc thịnh và cũng có lúc suy.

Nguyên nhân chung của Trung Quốc, là vì nền văn hóa dân tộc rất khoan dung thâm hậu, nên có thể thấu nạp nền văn hóa ngoại lai. Phật Giáo sơ dĩ trở thành một bộ phận văn hóa Trung Quốc là do Văn Học Sử Trung Quốc tiếp nhận ánh sáng rực rỡ của Phật Giáo, một thứ ánh sáng đặc biệt và ánh sáng đó trực tiếp kế thừa mãi đến ngày nay.

Hôm nay tôi giảng bộ luận Duy Thức Tam Thập Tụng. Duy Thức là một trong các Tông Phái. Đối với Tông Duy Thức, các học giả cũng nên hiểu biết đại khái về tinh huớng của một thứ đạo lý này. Nhon đây, trước hết, tôi xin trình bày tóm lược tình huớng Phật Giáo Trung Quốc ngày nay.

Về phương diện nghiên cứu Phật Học, gần 40 năm nay, yếu điểm cơ bản là nghiên cứu tình hình Phật Học của Trung Quốc (chỗ này không thể bỏ qua sự tưởng tượng về chế độ tăng chúng tu viện và phương thức sinh hoạt của họ).

Còn sự nghiên cứu giáo lý Phật Giáo, đối với các Tông Phái, có hiện tượng hưng thịnh. Nhưng có một điều là tình hình nghiên cứu giáo lý Phật Giáo lại chịu ảnh hưởng đến sự chuyển biến về chính lý xã hội và về văn hóa tư tưởng của Trung Quốc.

Lúc đầu, vào thời kỳ Thanh mạt (cuối nhà Thanh), các sĩ phu đứng lên cách mạng dân tộc như ngài Chương Thái Viêm vận động thay đổi phép tắc. Còn các ngài Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, v.v... lại đề xướng nghiên cứu Phật Giáo. Trong lúc đó, các học sinh du học Nhật Bản và các chí sĩ đã chết tại Nhật Bản cũng đều nghiên cứu Phật Học.

Gần đây, sự phát triển Phật Học đối với Trung Quốc có thể nói là nguyên nhân chính yếu. Lý do xã hội đương thời đang chuyển biến, đang cách mạng. Cho nên các giới Phật Giáo xem như cũng đang chuyển biến theo để cùng thích ứng với sự phát sanh cách mạng cơ giới. Nhân đó, phong trào vận động Tân Học Phật đã được thành công gần 40 năm nay.

Tại Trung Quốc, trong thời kỳ Phật Học hưng thịnh, mười Tông Phái

đã được thành lập, nhưng hiện tại chỉ có tám Tông Phái Đại Thừa còn lưu hành. Nếu căn cứ nơi lịch sử nghiên cứu Phật Giáo Trung Quốc, chúng ta không thể tách rời mười Tông Phái để nghiên cứu Phật Học. Chúng ta phải y cứ nơi tinh yếu trong mười Tông Phái nói trên để thuyết minh hiện trạng nghiên cứu Phật Học ngày nay.

I.- CÂU XÁ TÔNG:

Từ đời Đường trở về sau, có thể nói, không có một người nào thành công trong sự nghiên cứu Phật Học. Đến Dân Quốc năm thứ 9, trong thời gian mười năm, có một vị cư sĩ tên là Hy Thanh mở đầu phong trào nghiên cứu A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận Quang Ký và sáng tác quyển Quán Câu Xá Luận Lý. Tác phẩm này được in trong Nguyệt San Hải Triều Âm. Sau này, Hải Triều Âm thường đăng tải những tác phẩm văn chương nghiên cứu về luận Câu Xá của các ngài Trương Hóa Thanh, v.v....

Năm Dân Quốc năm thứ 11, Phật Học Viện Võ Xương tổ chức khóa học về bộ môn Trung Đỉnh (Trung Học về môn Huệ Đỉnh), trong đó có bộ môn về Câu Xá. Môn học Câu Xá này đều do Giáo Thọ Sư Nhất Như chuyên trách. Ngài phiên dịch và giảng nghĩa tác phẩm Câu Xá Luận Thích của một người Nhật trước tác. Những học giả về môn học này rất cảm kích và hứng thú.

Về sau cư sĩ Trương Hóa Thanh kế thừa Sư Nhất Như giảng về Câu Xá. Đối với học sinh nghiên cứu, Cư sĩ Trương Hóa Thanh thường cho ra đề án yếu nghĩa trong Câu Xá làm môn học thuật diễn giảng. Ngày nay tuyệt học, từ đây, trên lộ trình phục hưng có thể nói Phật Giáo tiến triển rất nhanh.

Đương thời, Học Tăng của Phật Học Viện Võ Xương phần đông đều ưa thích môn học về luận Thành Duy Thức và ít người nghiên cứu về luận Câu Xá. Những học giả chuyên tâm về môn luận Câu Xá chính là Pháp Phảng, ngài là một trong hai ba người nổi tiếng. Ngài gia công ghi chú rõ ràng, trong đó gồm sơ giải những lời quý báu từng câu trong luận Câu Xá. Ngài rất tâm đắc với môn luận Câu Xá.

Lúc bấy giờ, Nội Học Viện Nam Kinh đứng ra kiểm giáo, cho in tác phẩm Ghi Chú và Sơ Giải về Câu Xá của ngài Pháp Phảng, đồng thời Âu Dương Tiềm đề tựa. Pháp Phảng là một học giả có công rất lớn trong việc nghiên cứu môn luận Câu Xá nói trên.

Vào năm Dân Quốc thứ 18, tại Võ Xương, Pháp Sư Pháp Phảng giảng toàn bộ Câu Xá Tụng. Năm 1920, tại Bắc Bình Thế Giới Phật Học Uyển Giáo Lý Viện (Chùa Bạch Lâm) và tại Nữ Tử Phật Học Viện, Pháp Sư giảng toàn bộ Câu Xá Tụng, đồng thời ngài biên tập những lời chú thích về Câu Xá Tụng.

Bản thảo chú thích Câu Xá Tụng của ngài đã mất trong thời kỳ kháng chiến.

Trong thời gian 27 năm tại Viện Trùng Khánh Hán Tạng Giáo Lý, suốt hai năm, ngài giảng luận Câu Xá và hơn nữa, Pháp Sư còn biên soạn môn học Phê Phán Luận Câu Xá. Sau này Phật Học Viện các nơi đều có người tiếp tục giảng Câu Xá Tụng và cũng có người sáng tác thành luận văn. Đến nay, đối với vấn đề nghiên cứu Tông Câu Xá, nhiều người lần hồi quy tụ và phát khởi phong trào nhiều nơi, tất cả đều đi đến kết quả rất hoàn hảo.

II.- THÀNH THẬT TÔNG:

Từ thời Dân Quốc đến nay, người nghiên cứu về bộ luận này có thể nói là không có. Chỉ có Đại Sư Duy Hư đã từng sáng tác quyển Thành Thật Luận Cương Yếu và tác phẩm này được Hải Triều Âm ấn hành. Ngoài ra, cho đến bây giờ, chưa thấy một người nào nghiên cứu và đọc tụng bộ luận nói trên. Thật đáng tiếc cho điều thiếu sót này!

III.- THIÊN TÔNG:

Tông này cuối đời Thanh còn có chút sinh khí, như ở Kim Sơn thuộc Trấn Giang có Thượng Tọa Đại Định, v.v..., ở chùa Cao Môn thuộc Dương Châu có ngài Nguyệt Lăng, v.v..., ở Thiên Đồng có Ký Thiên Bát Chỉ Đầu Đà, có Hòa Thượng Tịnh Tâm, ở Thiên Ninh có Thiền Sư Dã Khai, ở Dương Châu có Hòa Thượng Văn Hy (Tây Khôn). Các vị ấy học hạnh rất uyên thâm. Họ đều là những bậc danh tượng một thời.

Trước năm Dân Quốc thứ 10, ở chùa Quy Nguyên thuộc Hán Dương có ngài Tu Thủ Tọa và Hòa Thượng Xương Hồng đối với các việc trong Tông Môn đều có cơ tỏ ngộ. Hai vị nói trên đều là bậc danh đức ở Giang Hạ. Từ ngày Bắc Phạt đến nay, Tông này rất suy yếu, trở nên im hơi lặng tiếng.

Ngày nay, Thiền Sư Hư Vân chủ trì chùa Hoa Nam và chùa Vân Môn là một vị Thiền Sư có thành quả to lớn đáng kể đương thời của Thiền Tông. Người ta thường nghe Thiền Sư tu hành rất thâm hậu và có kẻ cho rằng Thiền Sư vì bị bệnh nên không bồi dưỡng cho kẻ hậu học để Tông Môn được nổi tiếng.

Ngoài ra có một người giúp cho thanh danh của Thiền Tông hưng thịnh chính là vị Thượng Tọa Trụ Trì chùa Cao Môn. Ngài được toàn quốc khen tặng là người mô phạm của Thiền Lâm. Ngài tự mình công phu rất thâm hậu. Chỉ vì sau khi Bắc Phạt, ngài cho vấn đề kháng chiến là trước hết. Do đó, ngài quá bận rộn công việc đi xin cây đá và tự mình không có thì giờ nhàn rỗi để chăm lo hướng thượng.

Thế nên xét lại, phong độ của Tông Phái một khi suy yếu nghiêng đổ thì khó bề chấn chỉnh trở lại được.

IV.- TỊNH ĐỘ TÔNG:

Tịnh Độ Tông hiện nay là một Tông Phái hưng thịnh nhất. Nguyên do, môn học thuật về triết lý của Tông này rất đơn giản và phương pháp tu tập của Tông này thì cũng rất dễ dàng. Cho nên Tín Đồ Phật Giáo khắp nơi có thể nói mười người đã hết chín người tu theo Tông Tịnh Độ.

Năm Dân Quốc thứ 10 trở về trước, núi Hồng Loa thuộc Bắc Kinh là nơi chuyên lo hoằng truyền Tông này và cũng nhờ đó mà Tông Tịnh Độ ảnh hưởng khắp cả nước. Sau khi Bắc Phạt, Pháp Sư Ấn Quang là người nỗ lực phát huy Tông

Tịnh Độ và đồng thời Pháp Sư lại còn trọng dụng nghi lễ của nhà Nho.

Năm Dân Quốc thứ 20 trở về sau, Pháp Sư Ấn Quang lại thành lập và trực tiếp chỉ đạo Đạo Trạng Tịnh Độ ở núi Linh Nham thuộc Tô Châu. Pháp Sư mặc dù cố để lại tác phẩm Văn Sao Hành Thế (Áng văn ghi lại công trình độ thể của ngài), nhưng trong đó vẫn khuyến khích mọi người chuyên tâm niệm Phật. Pháp Sư là người rất quý trọng sự thực hành hơn. Pháp Sư chỉ độ cho những người có tâm thành và không bao giờ dạy cho những kẻ chỉ lo học giáo lý hơn mà không chuyên cần trong việc niệm Phật. Theo quan niệm của Pháp Sư, vấn đề học giáo lý chỉ là sự vay mượn có tánh cách tạm bợ và không đem lại những lợi ích nào cho người tu hành.

Còn vấn đề xiển dương triết lý học thuật của Tông Tịnh Độ, Pháp Sư Ấn Quang không thể sánh với các bậc cao hiền thuộc đời nhà Minh và nhà Thanh. Nhờ đức học của Pháp Sư Ấn Quang, phong trào nghiên cứu học Phật về giáo lý Tông Tịnh Độ được thành lập và nhờ những phong trào nói trên hỗ trợ, sự phát triển Phật Giáo càng ngày càng thêm rộng lớn.

Pháp Sư Ấn Quang đặc biệt đề xướng cõi Tịnh Độ ở Tây Phương. Đại Sư Thái Hư lại đề xướng cõi Tịnh Độ ở Đâu Xuất và cõi Tịnh Độ ở nhân gian. Cả hai hướng đi của hai ngài đều thành công tốt đẹp.

V.- THIÊN ĐÀI TÔNG:

Thiên Đài Tông (còn gọi là Thiên Thai Tông) thì lại hưng thịnh vào cuối thời nhà Thanh và đầu năm Dân Quốc. Như ở chùa Ninh Ba Quan, Pháp Sư Đế Nhân tận lực đề xướng phát huy Tông Thiên Đài và thiết lập Học xá để giáo dục kẻ hậu học.

Ở núi Nam Nhạc thuộc Hồ Nam có Pháp Sư Mặc Am và Pháp Sư Không Dã. Ở chùa Pháp Nguyên thuộc Bắc Bình có Pháp Sư Đạo Giai. Các vị nói trên đều giảng giáo lý Tông Thiên Đài.

Ngày nay, những vị trong môn phái Đế Nhân, như ở núi Thiên Đài có Pháp Sư Tịnh Quán, ở Quảng Đông có Pháp Sư Hiến Từ, Pháp Sư Hải Nhon, v.v... và ở chùa Pháp Tạng thuộc Thượng Hải có Pháp Sư Hưng Từ, ở Kim Sơn có Pháp Sư Nhon Sơn, ở Hoa Bắc có Pháp Sư Thúc Hư, v.v... Các vị nói trên cũng đều hoằng truyền giáo lý Tông Thiên Đài.

Ở Phật Học Viện Võ Xương có các ngài như Chi Phong, Đàm Huyền đều



HT. Thích Thắng Hoan



ngiên cứu thâm sâu học thuyết Tông Thiên Đài. Các ngài còn trước thuật giáo nghĩa Tông này để phổ biến trong nhân gian.

VI.- HIỀN THỦ TÔNG:

Năm đầu Dân Quốc, ở Thượng Hải có Pháp Sư Nguyệt Hà thiết lập Đại Học Hoa Nghiêm để hoằng truyền giáo nghĩa Tông Hiền Thủ. Nhân vật của môn phái này một thời ảnh hưởng khắp thiên hạ. Những người xuất sắc như là ngài Trì Tùng, ngài Thường Tinh, ngài Từ Chu và ngài Trí Quang ở Tiêu Sơn, v.v... Các vị vừa kể đều là những học giả nghiên cứu Tông này. Đối với Tông Hiền Thủ, các vị đều có tâm chứng đắc và còn trước thuật giáo nghĩa để hoằng truyền trong nhân gian. Trong các vị nói trên, ngài Trì Tùng và ngài Thường Tinh là hai nhân vật xuất sắc nhất và thành công nhất.

VII.- TAM LUẬN TÔNG:

Từ đời Đường và đời Tống đến nay, Tam Luận Tông không được mấy ai nghiên cứu đến. Mãi đến năm đầu Dân Quốc, cư sĩ Lưu Ngọc Từ mới sáng tác quyển Tam Luận Tông Lược Thuyết để phát huy. Còn cư sĩ Trương Hóa Thanh thì rất tinh thông về luận học, nhất là cư sĩ chuyên nghiên về môn học Tam Luận Tông. Cư sĩ thường giảng Tam Luận Tông tại Phật Học Viện Võ Xương.

Những năm gần đây, Pháp Sư Ấn Thuận gia công cổ võ môn học Trung Quán của Long Thọ và Pháp Sư cho ra tác phẩm Trung Quán Kim Luận.

Tam Luận Tông là một Tông Phái rất có giá trị và có hệ thống về mặt nghiên cứu. Và lại, Tông này có rất nhiều bậc anh tuấn hậu học và cũng là nơi xứng đáng cho người tham cứu.

Đồng thời, Pháp Sư Pháp Tôn chuyên dịch các kinh sách Tây Tạng thuộc hệ phái Trung Quán ra chữ Hán như các sách Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận, Biện Liễu Nghĩa Bất Liễu Nghĩa, đều được thấy trong Trung Quán.

Còn ngài Nguyệt Xứng thì dịch quyển Nhập Trung Luận và thường giảng quyển Nhập Trung Luận này cho những nơi như Thành Đô, Trùng Khánh, v.v...

Tam Luận Tông sở dĩ được trùng hưng một cách huy hoàng và cảnh giới của Tông Môn càng thêm rực rỡ là nhờ công lao của ngài Nguyệt Xứng. Có thể nói ngài Nguyệt Xứng là người có công rất lớn trong công việc phục hưng Tông này.

VIII.- LUẬT TÔNG:

Luật Tông được thành lập vào thời đại nhà Thanh. Người học Luật Tông để thẩm nhàn thì ít. Tăng chúng trong cả nước đều thọ giới pháp bằng cách mặc nhiên không cần phải hiểu và cách thọ giới thì đặt nặng vấn đề hình sắc.

Năm Dân Quốc thứ 10 trở về sau, Luật Sư Hoằng Nhất và Luật Sư Tịnh Nghiêm ở Hà Nam, đối với Luật học cả hai đều nghiên cứu rất tinh thông và hai vị nỗ lực truyền bá Luật Tông.

Đặc biệt nhất là Luật Sư Hoằng Nhất. Khi chưa xuất gia tu hành ngài là một Văn Học danh tiếng, là một nhà Âm Nhạc tài ba và cũng là một

nhà Mỹ Thuật về Hý Kịch xuất sắc. Cho nên từ khi xuất gia trở về sau, ngài có khả năng hướng dẫn các bậc Văn Nhân, Chí Sĩ đều quy hướng về Phật Giáo rất đông. Ngoài hai vị trên đây, còn có Pháp Sư Từ Châu, ngài cũng nỗ lực đề xướng giới luật.

Có thể nói trong Luật Tông, chùa Bảo Hoa Sơn Luật là nơi nổi tiếng nhất khắp cả nước. Mỗi năm, hai mùa xuân thu, chùa này đều mở Giới Đàn để truyền Đại Giới. Rất tiếc chùa này chỉ chuyên về khoa văn tụng niệm mà thôi. Đối với Luật học, chùa này không có một người nào học luật cả. Vấn đề giác ngộ, thật đáng tiếc cho họ!

IX.- MẬT TÔNG:

Từ đời Đường và đời Tống trở về sau, tuyệt học của Mật Tông thật là xứng đáng trong thế gian và cho đến hiện nay, Mật Tông vẫn còn thanh hành.

Năm Dân Quốc thứ 9, Nguyệt San Mật Tông Hải Triều Âm hoằng truyền Mật Tông rất hữu hiệu. Sau đó có các ngài như Đại Dũng, Trì Tùng, Hiền Ấm, v.v... xuất ngoại du học Nhật Bản. Sau khi về nước, các vị đều đề xướng Tông này. Học giả tham dự rất đông, tạo nên tiếng vang rất lớn cho Mật Tông.

Ở Quảng Đông, lại có Mạn Thủ Yết Đế và cư sĩ Vương Hoằng Nguyên, hai vị cũng đều hoằng truyền Đông Mật (Mật Tông ở Quảng Đông). Hai vị đã dịch thuật và trước tác về Mật Tông rất nhiều nhằm để phục hưng Đông Mật.

Kể từ năm Dân Quốc thứ 20 trở về trước, Hệ Phái Mật Tông có thể nói vang tiếng một thời, uy tín lừng lẫy khắp nơi. Trong thời gian nói trên, khoảng năm Dân Quốc thứ 14 và 15 trở về sau, Mật Giáo Tây Tạng lần hồi truyền sang Quảng Đông. Các vị như ngài Đại Dũng, ngài Pháp Tôn, v.v... đi du học giáo pháp Mật Giáo Tây Tạng. Đặc biệt nhất trong số này, ngài Pháp Tôn từng tự dịch rất nhiều kinh sách của Mật Giáo Tây Tạng. Hơn nữa, trong thời gian nói trên, có các vị Đại Lạt Ma Ban Thiên, v.v... lại đem thể lực và địa vị chánh trị truyền vào Trung Quốc.

Từ khi Mật Giáo Tây Tạng thanh hành ở Trung Quốc trở về sau, Mật Tông Quảng Đông mặc nhiên vắng tiếng. Có thể nói, các vị Lạt Ma Tây Tạng chiến thắng hơn các thầy Nhật Bản.

X.- DUY THỨC TÔNG:

Từ năm Dân Quốc đến nay, người đầu tiên đề xướng Duy Thức Tông chính là cư sĩ Dương Văn Hội (Nhơn Sơn). Cư sĩ là một nhân vật có công rất lớn trong việc phục hưng Phật Học Trung Quốc cận đại. Cư sĩ thường giao hảo với Nam Điều Văn Hùng là một học giả nổi tiếng của Nhật Bản. Dương Tiên Sinh chịu ảnh hưởng rất lớn với Nam Điều.

Đời Đường, các nhân sĩ chú sở tư tưởng Duy Thức Tông rất nhiều và tư tưởng Tông này được truyền sang Nhật Bản từ đó. Rồi về sau, tư tưởng Duy Thức Tông được mang từ Nhật Bản phục hồi trở lại Trung Quốc. Tại Trung Quốc, các tác phẩm thuộc Duy Thức Tông được các nhân sĩ kiểm tra và ấn hành để phổ biến. Công đức của các vị ấy thật vô lượng.

Sau đó, Duy Thức Tông có các vị như Mai Hoa Hi, Âu Dương Cảnh Vô,

Lưu Châu Nguyên, Trương Khắc Thành, Hàn Thanh Tịnh, Đường Đại Viên, Lữ Chùng, Cảnh Xương Cực, Vương Ân Dương, Khâu Hy Vận, Trì Tùng, Thường Tinh, Hội Giác, Pháp Phảng, Pháp Tôn, Chi Phong, Ấn Thuận, Mặc Thiên, Đàm Huyền, v.v... Các vị nói trên đều là người nghiên cứu tinh thông về Duy Thức Học. Trong những vị trên đây, có vị chuyên về nghệ thuật cổ điển, có vị chuyên về khảo cứu, có vị chuyên phát huy đường hướng tâm luận, có vị chuyên nghiên cứu lịch sử. Mỗi vị đều có sở trường riêng và mỗi vị đều có trước thuật để phổ biến trong nhân gian. Về phương diện nghiên cứu Phật Học, Duy Thức Tông là một Tông Phái rất thanh hành.

XI.- ĐẠI SƯ THÁI HƯ VÀ PHẬT HỌC NGÀY NAY:

Trong 40 năm nay, Đại Sư Thái Hư là lãnh tụ phong trào phục hưng Phật Giáo Trung Quốc. Ngài bình đẳng đề xướng học phái của tám Tông lớn. Trong tám Tông phái lớn này, ngài chính lý chỗ kiến giải đặc thù riêng biệt về Phật Học từng Tông Phái. Nguyên do, theo ngài, đối với tám Tông Phái, mỗi Tông Phái luôn luôn đề xướng chỗ kiến giải đặc biệt của Tông mình và tùy duyên hoằng dương để phát huy thêm được rộng lớn. Cho nên Học Thuyết của mỗi Tông Phái nhất định phải có trước thuật để giảng giải.

Sau khi chính lý Phật Học riêng biệt từng Tông Phái một, tám Tông Phái nói trên nhận thấy nội dung đều có chỗ quán thông với nhau. Phần quán thông giống nhau của mỗi Tông Phái như Tam Thừa Cộng Pháp (Giáo pháp dung thông chung cả ba Thừa), Ngũ Thừa Cộng Pháp (Giáo pháp dung thông cả năm Thừa) và Đại Thừa Bất Cộng Pháp (Giáo pháp đặc biệt dành riêng cho Đại Thừa và Giáo Pháp này không dung thông với ba Thừa hay năm Thừa).

Còn vấn đề phê phán sự dung thông về ba Thời, ba Hệ và ba Tông của Phật Giáo Ấn Độ đều là tư tưởng của tiền nhân chưa thấy phát huy. Tư tưởng của tiền nhân sơ dĩ chưa được phát huy là do từ trước tới nay chưa có người nào đứng ra lập thành Tông Phái.

Ngày nay xét chung mười Tông Phái, Thiên Tông, Luật Tông và Thành Thật Tông thì rất suy yếu. Nguyên do ba Tông này rất ít người nghiên cứu. Còn Câu Xá Tông, Thiên Đài Tông, Tam Luận Tông và Hiền Thủ Tông thì chỉ suy yếu phần nửa. Mặc dù nhiều người nghiên cứu Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông, nhưng phương pháp trình bày của hai Tông này thì quá xưa cũ. Trái lại, ba Tông Phái như Tịnh Độ Tông, Mật Tông và Duy Thức Tông thì rất hưng thịnh.

XII.- NGHIÊN CỨU THEO XU THẾ MỚI:

Ở đây danh nghĩa Theo Xu Thế Mới chính là ngày nay phong trào nghiên cứu Phật Học Tạng Văn đều dựa theo văn Pali và văn Anh Nhật. Trước kia, những người nghiên cứu Phật Học Tạng Văn gồm có: ngài Lữ Chùng, ngài Thang Trụ Tâm.

Năm Dân Quốc thứ 13, nhà cách mạng Đại Sư Thái Hư cùng với đệ tử Đại Dũng thiết lập Học Hiệu Tạng Văn Phật Giáo tại Bắc Kinh. Sau 14 năm tham dự tổ chức Tạng Học Pháp Đoàn, các giới học Phật rất thích nghiên cứu văn Tây Tạng. Mười năm sau đó, các ngài như Pháp Tôn, Nghiêm Định, Thang Trụ Tâm, Lữ Chùng, v.v... dịch kinh luận thuộc văn Tây Tạng gồm có mười loại và nghiên cứu Phật Học Hán Tạng cũng bắt đầu phổ cập khắp nơi.

Ngoài ra, các ngài như Mặc Thiên, Đàm Huyền, Chi Phong, Lữ Chùng, v.v... cũng nghiên cứu Phật Học Nhật Văn. Riêng ngài Chi Phong lại chủ trì phiên dịch Đại Tạng Kinh Nam Truyền của Nhật Bản dịch (tức là Nhật Bản dịch Tam Tạng thuộc văn Pali). Còn các vị nghiên cứu Phật Học cả văn Phạn, văn Pali, văn Anh gồm có: ngài Pháp Phảng, ngài Ba Trụ (tức ngài Pháp Chu), ngài Bạch Huệ, v.v... Riêng ngài Pháp Phảng và ngài Ba Trụ đều phiên dịch Phật Học từ văn Pali.

Những dữ kiện trên cho thấy Phật Học Trung Quốc rất nỗ lực nghiên cứu theo xu hướng Phật Học thế giới.

(Còn tiếp)

Thơ đố về đầu

Thơ đố về đầu giọt hư không

Càng khôn vũ trụ những nổi lòng

Hồn thơ lãng đãng không gian tĩnh

Nếm chớp vô thường cõi sắc không.

BẠCH XUÂN PHÊ



© Dennis Flood 2005





VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO TĂNG TÀI

(trích từ “Phật giáo Việt Nam và hướng đi Nhân bản đích thực” - xuất bản năm 1967)

Trần Thạc Đức

Chữ sắp viết

Những con chữ có màu đen trong đêm
Lấn lộn và tan vào nhau
Những con chữ có màu đen trong nắng
Rõ ràng và cả hai cùng lấp lánh
Còn những con chữ tôi sắp viết ra
Nó sẽ có màu gì
Nó sẽ tan vào đâu
Khi bóng tôi đang che tờ giấy trắng

Nói tiếp giấc mơ

Nói tiếp của giấc mơ đêm
Là những ngôi nhà mái ngói, những tấm thảm đỏ
Có thể từ nơi đó, tôi lại bay xa

Trong phút giây nắng còn ngái ngủ
Những hạt sương
Những trái bóng nhỏ diệu kỳ
Soi vào, tôi thấy được khuôn mặt người yêu

Bằng mùa xuân đang nghỉ chân trong hoa cỏ
Tôi biết phải làm gì để cầm chân ánh nắng
Bằng đám mây đang tan
Tôi biết phải làm gì để đi cùng ước mơ của gió
Bằng riu rít tiếng chim
Tôi biết mình sẽ lấy được hương thơm của quả

Bằng tất cả những điều vừa kể
Em thấy giấc mơ anh

Từng bước gần

Bước gần đến hạt sương
Bước gần đến bóng gương
Gần thêm tôi, rất thật

Bước gần đến giấc mơ
Chênh vênh bờ ảo thực
Phía nào tôi, hạnh phúc

Bước gần đến buổi sáng
Bước gần thêm, khúc hát
Gần chút nữa, câu thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

(Lời tòa soạn: Tác phẩm của Gs. Trần Thạc Đức đã được xuất bản gần nửa thế kỷ nhưng vẫn đề “đào tạo Tăng tài” cho đến hôm nay vẫn cứ là điều ưu tư trăn trở của các bậc tôn túc Tăng già cũng như hàng thức giả Phật-tử. Mặc dù một số điểm trong bài không còn thích hợp với thời đại, hoặc đã được ứng dụng từ nhiều năm qua, Chánh Pháp vẫn muốn đăng lại ở đây để khơi lại và nhắc nhở điều quan yếu nhất quán trong việc hoằng pháp giáo dục của Phật giáo Việt Nam mọi thời đại. Xin cảm ơn Gs. Trần Thạc Đức)

Các Thầy và các đạo hữu hân cũng đã nhận thấy số lượng ít ỏi của các vị tăng già có tu học ở xứ ta. Hàng triệu Phật tử cư sĩ đang ở vào tình trạng thiếu các bậc tăng già hướng dẫn. Bao nhiêu tinh hội, chi hội và bao nhiêu đơn vị "khuôn" hiện giờ đang khao khát một vị tăng già trú trì tại địa phương mình để hướng dẫn sự tu học. Bao nhiêu cặp mắt tin tưởng đổ dồn về cấp lãnh đạo. Nhưng số lượng của các vị giảng sư qua một vài lần trong những dịp đại lễ, thể rồi thôi. Biết bao nhiêu đơn vị Phật học gửi thư về thiết tha mong cấp lãnh đạo gọi về một vị tăng già để nắm giữ việc sinh hoạt hoằng pháp tại địa phương, nhưng đã mỗi mắt trông chờ mà chưa thấy có kết quả. Thiếu một vị tăng già, không khí tu học sẽ trở nên lộn xộn. Vấn đề đào tạo tăng tài bây giờ đã trở nên một công việc khẩn bách.

Giảng sư của cả hai miền Nam Trung hiện giờ gồm lại không đầy ba mươi vị. Các vị trú trì được bổ nhiệm đi làm Phật sự cũng không quá số lượng ấy bao nhiêu. Tự viện trong toàn quốc có đến hàng mấy vạn, mà số các vị trú trì có khả năng hóa độ và hướng dẫn tính ra không được một phân mười. Quần chúng Phật tử thiếu các vị tăng già hướng dẫn, và đó là một nguy hại lớn cho nền đạo đức cổ truyền của dân tộc. Nguy hại là ở chỗ quần chúng không biết đạo, mà không biết đạo thì rất có thể dễ dàng bị lời tuyên truyền của ngoại đạo, của duy vật, của ma quỷ lung lạc. Vấn đề đáng đặt ra và cần đặt ra trong thời đại, vì ở ngày xưa, mỗi lo ngại ấy không cần phải có.

Khắp các nơi, tổ chức giáo dục thanh thiếu niên Phật tử được thành lập theo phong trào du học hiện thời. Nhưng thật là một điều đáng ngại nếu mỗi nơi không có một ban hướng dẫn vững vàng lành mạnh, thông hiểu đường lối và phương pháp giáo dục Phật giáo. Các trại huấn luyện cơ cấp Tổng trị sự mở chung cho hai ba tỉnh tuy là cần thiết và kịp thời, nhưng chưa đủ, phải nói là còn thiếu lắm mới đúng. Thông hiểu đường lối giáo dục của đạo Phật, không ai hơn là các vị tăng già nhất là các vị này có ít nhiều tâm học. Vậy mà có nhiều gia đình Phật tử vắng hẳn bóng chiếc áo nâu trong nhiều tháng và trong nhiều năm. Bên cạnh Ban Hướng Dẫn phải có một vị tăng già. Đó là điều cần thiết. Và giáo lý do chính miệng nhà tu hành đó dạy lại cho các em mới mang được sức cảm hóa cần thiết và đầy đủ của nó.

Nhiều trường tư thực Phật giáo cũng đã được mở ra các nơi. Nhưng hiện có nhiều trường thiếu hẳn bóng của các nhà tăng sĩ. Một trường Phật giáo thiếu mất một giờ giáo lý không còn là một trường Phật giáo nữa. Bóng dáng của chiếc áo nâu đe dọa thật cũng là cần thiết. Theo nhận xét của chúng tôi, trường tư thực nào mà có quý thầy dạy thì các học sinh đều thuần hậu và ngoan ngoãn hơn các trường khác.

Vậy ta có thể kết luận rằng Phật giáo Việt Nam hiện thực rất nhiều các bậc tăng già để hướng dẫn sự tu học của các đạo hữu.

Có một số các vị tăng sĩ chân tu hiện giờ vẫn còn ẩn náu những chốn tịch liêu, chưa muốn ra làm việc hoằng pháp tiếp độ. Một số các vị trưởng lão Hòa Thượng và các vị Thượng Tọa có học có tu khác hiện giờ tuy đang đảm đương công việc Phật sự, nhưng vì số lượng quá ít ỏi nên mỗi vị thường mang nặng trên vai có khi đến ba bốn chức vụ, làm việc đêm ngày không ngơi. Một số các vị sớm có nhận thức về đường lối của Phật giáo dân tộc đã tinh tấn và hoan hỷ tham gia công việc của giáo hội và của các tập đoàn, hoạt động Phật sự trong các ngành Hoằng Pháp, Trú trì, và giáo dục. Một số học tăng và học ni chùng ba trăm vị đang từng học tại các Phật học đường, nhưng gặp nhiều trường hợp cần thiết, cũng đã phải ra làm việc từng tháng một, xong một khóa lại trở về Phật Học Đường học tập. Một số nữa các vị trú trì ở các tỉnh nhờ nhận thấy con đường mới, đã gia nhập giáo hội toàn quốc và sốt sắng tham gia các khóa học tập và thực hành hoằng pháp.

Đó, gia tài của Tăng Bảo Việt Nam, tuy cũng có thể xứng đáng làm hiển lộ chân tướng Tăng Bảo, nhưng vốn ven chỉ có từng ấy, một số lượng quá ít ỏi. Ngoài ra, sót lại của thời đại suy đồi, còn không biết bao nhiêu vị "hình đồng tăng già" mà tình trạng ngư mục hỗn châu càng làm tăng thêm nỗi hoang mang cho người tín đồ chưa biết đạo.

Nhìn vào tình trạng ấy, người hữu tâm với nền đạo lý phải kết luận rằng: thế nào cũng phải đào tạo một thế hệ tăng già mới, cao quý về phẩm và phong phú về lượng. Vấn đề là một vấn đề căn bản.

Chúng tôi có những nhận xét và đề nghị sau đây:

A) Về các ngành chuyên môn của các vị Tăng già:

Theo nhu cầu hoằng pháp thiết thực ở hiện đại, thì ngoài các vị chuyên tinh tu ẩn cư không tiếp xúc với thế tục, Phật giáo Việt Nam còn cần có các vị tăng già trong những ngành chuyên môn sau đây:

1- Các vị giảng sư: Các vị này đã học xong cấp trung học Phật giáo và có trình độ trung học chuyên khoa. Phật sự của các vị này là theo đúng chương trình và sự phân phối của ban Hoằng pháp Trung ương để đi giảng dạy giáo lý cho các từng lớp Phật tử ở khắp các nơi thành thị và thôn quê. Địa điểm diễn giảng là các tự viện và các niệm Phật đường địa phương. tại đây, các vị ấy thịnh thoàng cũng theo chương trình đã ấn định mà mở những lớp Phật pháp phổ thông để giúp sự học hỏi cho quần chúng Phật tử. Các vị giảng sư sẽ làm việc lưu động, từng khóa một và thay phiên nhau để mỗi người đều có thể có những khóa an cư tu tập và học hỏi thêm.

2- Các vị giáo sư: Hiện thời số lượng các trường tư thực Phật giáo đã tăng thêm rất nhiều. Các vị tăng sĩ cần phải đứng ra đảm nhiệm một phần lớn sự giáo dục cho các trường này. Các vị sẽ dạy ở cấp trung học và tiểu học. Trong số các giáo sư trường Bồ Đề chẳng hạn, ít ra phải có vài ba vị tu sĩ để chăm lo về phần đức dục, giảng giờ giáo lý và dạy ở một vài lớp trong trường.

Các vị giáo sư tu sĩ này có điều kiện gần gũi tuổi trẻ. Sự gần gũi đó gây được nhiều thông cảm, vì đã từ lâu, tuổi trẻ vẫn thường ngỡ ngàng và hình như còn ngại ngùng khi nhìn thấy các vị học tăng.

3- Các vị giảng viên tại Phật học viện: Các vị này phải học xong cấp Đại học Phật giáo nếu họ là giảng sư của cấp Trung Học. Nếu là giáo sư của cấp Đại Học thì họ phải có một trình độ khá cao hơn, đã trước tác những tác phẩm hữu danh hoặc đã trình bày một vài luận án mà ban giáo sư của Phật học viện đã thảo duyệt.

Số lượng các vị này bao giờ cũng ít. Họ ở tại các Phật học viện để giảng dạy, nghiên cứu, trước tác



và phiên dịch. Họ lại lo lập những thư viện, xuất bản báo chí.

4- Các vị trú trì: Số lượng cần rất to tát. Các vị này cần học xong những năm giáo lý mở tại Phật học viện, những năm giáo lý quy định cho ngành trú trì chánh pháp. Các vị lại phải thông thạo về nghi lễ, tổ chức, giảng dạy tín đồ. Phạm sự của các vị là thường trú tại một chùa để trực tiếp hướng dẫn sự tu học của dân chúng địa phương. Nhưng đến mùa hè, các vị lại cần phải về an cư tu học thêm tại các địa điểm an cư do Giáo hội thiết lập. Các vị có thể ở nhiều năm, có khi hai ba mươi năm - tại một địa phương. Nhưng khi cần, các vị cũng được chuyển đi nơi khác để được thích hợp với khả năng và với sức khỏe.

Bốn ngành chuyên môn trên đây cần được phân biệt rõ ràng, và nếu cần cũng nên quy định những điểm dị đồng trong phẩm phục của các ngành tu ấy.

B) Về chương trình học tập của Học tăng:

Các nhà Phật học tiếng tăm đời Lý Trần, trước tiên đều là những người học nho rất giỏi. Cần có một trình độ phổ thông vững chắc mới có thể học Phật được, bởi vì học Phật là một thứ học chuyên môn, một môn đại học. Do đó Phật học viện chỉ có thể thu nhận làm sinh viên những học tăng nào có trình độ phổ thông cần thiết. Bên Nhật, có bằng tú gài mới được xuất gia. Xứ ta, chưa được thể tương cũng nên bắt buộc có trình độ Trung Học Phổ Thông.

Vậy nếu cần có lớp dự bị xuất gia, thì lớp này cần thu nhận các học sinh có trình độ đệ thất. Thời gian dự bị

xuất gia là bốn năm, phân làm ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, các em ở nhà 20 ngày, ăn mặn như thường, ở trường 10 ngày, ăn chay và sinh hoạt như học tăng. Áo đen quần dài, tóc rẽ. Giai đoạn thứ hai, ở trường 20 ngày, ở nhà bốn ngày. Xong giai đoạn này, các em được xuất gia; trình độ đã lên Trung Học Phổ Thông, chữ Hán đã dịch được một bài hơi dài và Phật Pháp đã có thể vào năm thứ nhất Trung học.

Suốt thời gian ấy, các em được học tại trường Phật học trong một khóa dự bị xuất gia dành riêng cho các em. Nếu có trình độ Trung học Phổ Thông rồi thì không cần theo học sáu tháng trước khi thi vào năm Nhất niên Trung học. Nếu đã có trình độ Trung học chuyên khoa thì cũng chỉ cần học một năm dự bị (căn bản Hán tự và giáo lý) để xin vào năm Nhất niên Đại học. Đại học chỉ cần ba năm.

Riêng về các em nghèo thì trong 4 năm dự bị xuất gia, Phật học đường sẽ phụ cấp. Phụ huynh thường cứ tưởng cho con em đi xuất gia là cực khổ lắm, không biết đâu rằng đời của một vị tăng rất ít chứa chất những lo âu, buồn chán và sầu khổ, và đượm rất nhiều niềm an lạc.

Cần có một lớp thể hệ thanh niên xuất gia biết yêu đời, làm việc cho đời, biểu dương được chân tinh thần của đạo, để số lượng người xuất gia càng lúc càng tăng. Các lớp dự bị xuất gia vì thế cần được tổ chức hoàn bị và cần được luôn luôn ở những địa phương nào thuận lợi.

Khi học xong cấp trung học Phật học, nếu còn điều kiện, họ sẽ thi lên Đại Học. Nếu không, họ sẽ học bổ túc

một năm và sẽ ra làm việc cho đạo trong ba ngành giảng sư, giáo sư tư thực, và trú trì chánh pháp. Năm năm sau, họ có thể hoặc phát nguyện tu trọn đời, hoặc có thể hoàn tục tự nhiên làm cư sĩ và hộ trợ chánh pháp. Những vị cư sĩ nào đã từng được xuất gia như thế chắc hẳn sẽ có một căn bản vững vàng về đạo và cũng sẽ có lợi ích nhiều cho đạo.

Trong cấp Trung học, sinh viên tăng sẽ học Phật pháp bằng hai thứ chữ, phần chính là Quốc văn, phần phụ là Hán văn. Lên Đại học, họ sẽ học bằng Hán văn và tham khảo các sách Phật học và các bản dịch Anh hay Pháp văn. Ở cấp Trung học, họ vẫn tiếp tục học các môn phổ thông đồng thời với giáo lý. Ở Đại học, các môn văn chương, sinh ngữ, khoa học... chấm dứt để chỉ chuyên học Phật học. Bổ túc môn này, có những giờ triết học, xã hội học, sử học, dạy kèm theo.

Các môn Phật giáo truyền bá sử, Phật giáo tư tưởng sử, Phật giáo giáo lý hệ phải có những giáo sư chuyên môn, và các tác phẩm kinh luận phải giảng theo từng giai đoạn của môn tư tưởng sử và giáo lý hệ theo phương pháp phân tích mới.

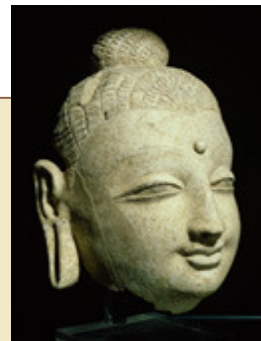
C) Về toàn thể Ni chúng:

Các vị ni cô, trong giới xuất gia, cần có một chương trình học và hành khác biệt. Các ni cô sẽ không làm việc trong ngành trú trì, mà chỉ chuyên về mặt giáo dục, giảng diễn và xã hội.

Các ni cô cần được học thêm về nghề nuôi dạy trẻ em, điều dưỡng bệnh nhân, và về khoa sư phạm để sau này ra làm việc xã hội. Có nhiều công việc rất hợp với khả năng họ: tổ chức các vườn trẻ (jardins d'enfants), các trường mẫu giáo, các cô nhi viện, các bệnh viện, các trường nữ học. Theo chúng tôi nghĩ, đó là việc làm rất thích hợp với các ni cô, với tinh thần đạo. Các ni cô làm việc nửa ngày trong các vườn trẻ, hoặc trong trường mẫu giáo, các cô nhi viện, các bệnh viện, các trường nữ học. Các cô cần phải thương đời, gần đời hơn nữa để có thể biểu lộ được tinh thần tử bi, hoan hỷ, của đạo Phật, để đừng cho người ta tưởng lầm rằng "ni cô là những người yếm thế nhất trong phái nữ lưu."

Kết luận:

Một vài ý kiến hèn mọn đưa ra đây, chúng tôi mong sẽ làm quý Thầy và quý đạo hữu suy nghĩ. Khi nói ra, chúng tôi đã suy nghĩ nhiều đến tình trạng và điều kiện của chúng ta hiện tại. Chúng tôi không đến nỗi ước mơ viễn vông; việc là việc chung, có thể làm được. Ước vọng của chúng tôi là một ngày kia được trông thấy tiền đồ quang minh của đạo Phật, do công phu của đoàn thể Tăng giã chân chính của Phật giáo Việt Nam.



Tan

*Tôi đi lặng lẽ giữa hoàng hôn
Nghe gió đưa buồn con sóng xô
Thấy từng vạt nắng mơn trớn cát
Này giọt tơ trời ve vuốt cây*

*Quanh quần hải âu đến gọi bầy
Rủ nhau về tổ sau một buổi
Rong rêu cuộc đời cuối chân mây
Từng cơn quận thắt nát con tim*

*Trái tim vấp ngã đủ trăm chiều
Tôn thương, đau xót chùng thẳm lặng
Xót xa, cay đắng mãi từng đêm
Bao năm chôn dấu niềm đau ấy*

*Sao lại khơi hoài mặc cảm xưa?
Về đâu ta hỏi!
Đời dâu bể
Sóng dạt xô bờ chỉ mình ta
Chênh vênh một cõi đời ta vẫn*

*Một mình,
Một bóng,
Ngắm trăng soi!*

MAI PHƯỚC LỘC

Đuốc

*Đêm nằm chợt nhớ làn hơi
Trở mình thức giấc quanh mình chi ta!
Mong sao cùng bước sóng đôi
Nẻo đường Phật đạo lòng tôi luôn cầu*

*Mật niệm quên mọi ưu sầu
A di đà Phật nẻo cầu quang minh
Muôn ngàn thách đố trong đời
Cùng nhau đi đất là người bạn thân!*

*Nẻo đường sinh tử xoay vần
Nường nhau nhịp bước đến gần nhau hơn
Đừng nên quên lãng rong chơi
Sáu chữ mật niệm gói hàng hành trang*

*Mong người sức tình cơn mê
Cùng tôi đều bước bỏ để chân tâm.*

MƯỜI HAI CÁCH TẠO NGHIỆP TỐT

Cư Sĩ Lillian Too - Thích Nguyên Tạng dịch

Đạo hữu Lillian Too, một nhà phong thủy nổi tiếng thế giới, đã viết hơn 80 cuốn sách về đề tài này, và bà cũng đã cho xuất bản tạp chí Feng Shui World (Phong Thủy Thế Giới) phát hành hai tháng một kỳ. Mới đây bà đã mở rộng công việc xuất bản của mình với số đầu tiên là Mahayana (Đại Thừa Phật Giáo), một tạp chí trình bày truyền thống Đại Thừa Phật Giáo Tây Tạng, như phương châm "vì lợi lạc cho quần sanh".

Mahayana đã nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của mọi người tại quê hương của bà ở Singapore vào cuối năm ngoái. Bài viết sau đây là một phần nhỏ mà Tạp chí Mandala đã trích đăng từ tập sách của bà với tựa đề "108 phương cách tạo nghiệp tốt" (108 ways to create Good Karma), sẽ được xuất bản vào đầu năm 2009.

Theo giáo lý nhà Phật, luật nhân quả được giải thích rằng mỗi sự việc xảy ra sẽ có một sự kiện khác đi theo sau đó. Hệ quả xảy ra có an lạc, hạnh phúc hay khổ đau, khó chịu, có lợi hay có hại cho người khác và cho chính mình, tất cả đều tùy thuộc vào nguyên nhân ban đầu của hành động đó. Luật nhân quả dạy rằng gieo gió sẽ gặp bão, trồng cam sẽ được quả ngọt, trồng chanh ắt phải hái trái chua, đem niềm vui đến cho người, mình sẽ được hạnh phúc, gây khổ đau cho người, mình sẽ chịu sự bất hạnh. Người ta không thể thoát khỏi nghiệp quả của mình một khi chính mình đã gây tạo. Có nhiều cách tạo ra nghiệp tốt để hóa giải đi những nghiệp xấu mà chính mình đã cố ý hay vô tình gây ra trước đó. Bài viết này xin công hiến 12 cách mà bạn có thể làm được ngay trong kiếp này để đời sống của bạn thay đổi.

1-/ Hãy lấy TỬ BI làm tôn giáo của mình: Tạo nghiệp tốt không có nghĩa là theo tôn giáo hay mộ đạo. Người ta không cần phải là một tín đồ Phật Giáo hay thuộc về một tín ngưỡng nào đó để có thể tạo nghiệp tốt. Con người chỉ cần thể hiện thái độ tử tế ân cần với người khác. Như Đức Đạt Lai Lạt Ma thường nhắc nhở "Tôn giáo của tôi là lòng tử bi", như vậy đã tạo nghiệp tốt rồi, không phải chỉ tử tế với người khác trong chốn lát mà phải luôn luôn, suốt cuộc đời của mình, trong mọi phương diện của đời sống, trong mọi mối liên hệ, trong mỗi công việc làm, trong tất cả những giao tiếp; khi chúng ta tiếp cận một việc gì mình làm, được thể hiện tấm lòng tử bi, thì khi đó chúng ta đang tạo nghiệp tốt, và đó là loại nghiệp tốt tạo ra một hệ quả mà tất cả mọi người khác đều tử tế với mình. Đó là phương cách chắc chắn nhất để gây dựng một cuộc đời mà

trong đó những phiền não khổ đau sẽ tiêu tan.

2-/ TRÌ CHÚ: trì chú là việc làm cơ bản và dễ nhất cho một hành giả tu theo Mật Tông để bắt đầu đi trên con đường mở ra những chân trời mới cho tâm trí. Trước hết trì chú là cách thức mạnh nhất để thanh lọc những ác nghiệp mà chúng ta đã mang tới trong thế gian này với mình từ quá khứ. Nghiệp quả xấu vẫn còn ở trong thần thức của mỗi người, giòng tâm thức mà chúng ta mang theo từ kiếp sống quá khứ. Chúng ta hãy bắt đầu với Thần Chú nổi tiếng nhất thế giới, đó là Tâm Chú của Bồ Tát Quán Thế Âm - "An Ma Ni Bát Di Hồng" -

Om Mani Padme Hum. Khi trì thần chú này, hãy tập trung vào âm thanh của Chú và để âm thanh thâm nhập vào tận tâm thức của mình. Luôn luôn trì chú với ý tưởng mang lợi ích đến cho người khác. Không bao lâu sau đó, chúng ta sẽ thấy kết quả với những lợi ích tuyệt vời thâm nhập qua tâm thức của mình. Chúng ta sẽ sớm cảm thấy mình trở nên dễ thương hơn, khoan dung hơn, bớt bối rối hơn và trở nên bình tĩnh hơn. Nhiều vị Lạt Ma cao cấp nói rằng trì thần chú "An Ma Ni Bát Di Hồng" có thể đưa chúng ta đến giác ngộ. Đây là một trong những thần chú có nhiều oai lực nhất mà chúng ta có thể hành trì hằng ngày.

3-/ NIỆM PHẬT: Một cách thức mạnh mẽ không ngờ, để giải trừ những ác nghiệp là niệm danh hiệu Phật và lễ Phật sám hối. Trong khi niệm Phật chúng ta phát khởi ý nghĩ sám hối về những nghiệp xấu đã tạo ra trong những kiếp trước và ngay trong kiếp sống này. Niệm Phật thành tâm, nhờ tha lực của chư Phật cùng với sự tự lực của bản thân sẽ giúp cho những bất thiện nghiệp của chúng ta tiêu tan dần theo năm tháng. Chúng ta phát tâm quy ngưỡng Phật, tôn kính Phật, lễ Phật và niệm danh hiệu Phật là pháp tu phổ thông để tội diệt phước sanh, là một phương pháp rất mạnh mẽ để hóa giải những chướng ngại gây ra phiền não khổ đau cho chúng ta trong đời sống này.

4-/ THỰC HÀNH THIÊN QUÁN: Mấy năm trước khi gặp Thầy Bồ Sư của tôi là Lạt Ma Zopa (lãnh đạo tối cao của Hội Bảo Tồn Truyền Thống PG Đại Thừa, fpmt.org), tôi thỉnh ngài hướng dẫn tôi ngồi thiền, tôi trình với ngài rằng "lúc nào con cũng cảm thấy u uất trong lòng, xin Thầy hướng dẫn con tập Thiền để tâm con được an tĩnh".

Thầy Zopa cười nhẹ và nói "tham thiền là một pháp tu tuyệt vời. Thiền không phải chỉ để tâm trí an tĩnh thôi đâu, mà Thiền còn có mục đích cao hơn nữa con ạ". Ngài vẫn tất giải thích

rằng, Thiền định hay sự phát triển tâm linh, hay sự quán chiếu về khổ đau, vô thường và vô ngã.

Tham thiền là cách làm cho tinh thần tập trung, thanh thản và trong suốt như một dòng sông nước trong mà người ta có thể nhìn thấy tận đáy, từ đó ý thức biết được sự thể nghiệm về giải thoát và giác ngộ.

Tham thiền cũng là quá trình tập trung và thẩm nhập nhờ đó mà tâm chúng ta được an tĩnh và nhất tâm bất loạn, rồi đi đến giác ngộ. Nên hiểu rằng Thiền là sự nhận chân ra một năng lực tâm linh mới để có thể phán đoán sự vật trên một quan điểm mới, với mục đích là dứt khoát lật đổ ngôi nhà giả tạm mà mình đang có để dựng lên cái khác trên một nền móng hoàn toàn mới. Mái nhà cũ gọi là vô minh khổ đau, và ngôi nhà mới được gọi là giác ngộ giải thoát. Đó là đích đến của mọi hành giả tu theo Đạo Phật.

Về căn bản, hành giả ngồi trên một tấm nệm với hai chân khoanh lại, lưng thẳng, hai mắt hé mở, nhìn khoảng một thước về phía trước, và bắt đầu thở đều hòa. Suy ngẫm và tập trung vào lý do hành Thiền, động cơ ngồi thiền của mình, đó là phát tâm làm lợi ích cho chúng sanh. Xem động lực vị tha này là nền móng của việc tham thiền. Từ đó trở đi hành giả có thể quán tưởng về bất cứ một đề mục nào liên quan đến việc phát triển sự hiểu biết về đời sống của mình.

Khi quán tưởng như vậy, hành giả nhẹ nhàng suy ngẫm về sự quý báu của đời người và sự may mắn là mình đã được sanh ra làm người, được sống, được gặp Chánh pháp như hôm nay. Hành giả sẽ nhận thức rằng chỉ riêng việc sinh ra làm người đã là một may mắn rồi, vì mình có khả năng phân biệt, hiểu biết và suy nghiệm nghĩa lý sâu xa của Phật lý, để rồi biết tu tập để giải thoát vòng sinh tử khổ đau.

5-/ NHƯỜNG ĐƯỜNG KHI LÁI XE: đã không ít tai nạn chết người xảy ra khi người lái xe giành đường, do vậy khi người Phật tử chạy xe trên đường phải giữ chánh niệm và biết rằng đây cũng là cơ hội cho ta tạo nghiệp tốt. Nhường đường cho người khác là chúng ta chạy chậm lại khi có người muốn vượt lên trước mình, dẫn cảm giác khó chịu xuống hay không bóp kèn khi có người quẹo xe ẩu hoặc thậm chí đụng phải xe của mình. Những phiền não như vậy trong việc giao thông là những cơ hội cho ta đào luyện tâm trí với một nụ cười hoan hỷ trong bình tĩnh. Chúng ta cũng có thể nhường đường cho người khác ngay cả khi mình

có quyền ưu tiên. Khi không có ý tưởng xem con đường là nơi tranh chấp giữa mình và những người lái xe khác, việc giao thông của chúng ta sẽ thú vị hơn nhiều và mỗi lần nhường đường cho người nào, chúng ta sẽ rất vui lòng vì biết rằng việc kèm chế tánh dễ nổi nóng của mình và đây cũng là một cách để tạo nghiệp tốt mà kết quả có về sau là đời sống của mình luôn gặp mọi sự hanh thông và may mắn.

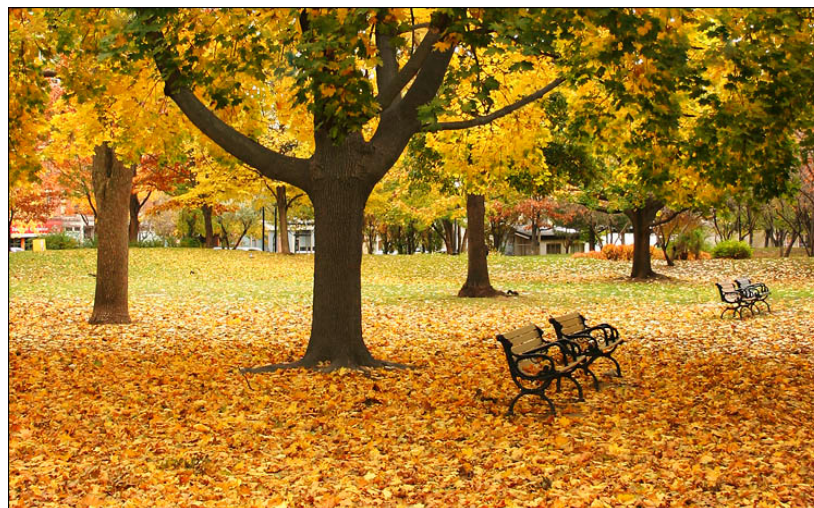
6-/ DÀNH PHẦN THẮNG CHO NGƯỜI KHÁC VÀ CHẤP NHẬN THUA THIẾT: khi nhường nhịn người khác, chúng ta nhiếp phục được sự Tự Ái của mình, và không thể để cho Tự Ngã của mình nghĩ đến những điều vị kỷ.

Khi chấp nhận thua thiệt, sẽ là cơ hội cho ta diệt trừ tính kiêu ngạo. Pháp tu đặc biệt hữu dụng khi hoạt động trong thế gian vật chất hay trong cách cư xử với người khác trong công việc. Khi làm việc gì quan trọng hay phải làm xong một việc nào đó trước thời hạn, sự căng thẳng thường phát sinh giữa mình và người khác, và đó là lúc người ta nghĩ đến ảo tưởng thắng và thua, được và mất.

Hãy xem đó là những cơ hội tạo nghiệp tốt. Tôi nhớ có những lần tôi đã tranh luận một cách nóng nảy chỉ để biện minh cho quan điểm của mình, để rồi rốt cuộc tôi nhận ra rằng mình đã không chỉ gây ra phiền não cho mình mà còn làm cho người khác bức mình, khó chịu nữa.

Khi gặp được Lama Zopa và được học Phật, tôi mới học được phương cách đối trị tính háo thắng của mình. Tôi đã khám phá tính chất giải thoát của sự chịu thua thiệt, sự buông bỏ và sự không bị trói buộc vào tham vọng chiến thắng. Đó là lúc tôi nhận ra là mình đã cảm thấy an lạc nhiều hơn mỗi khi chấp nhận thua thiệt, nhường phần thắng cho người khác. Hành vi đầu hàng trước ý kiến hay quan điểm của người khác không phải là trốn tránh thảo luận, mà là một lối đồng ý với nhau rằng chúng ta không đồng ý kiến, và đồng thời vẫn tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ nhau. Khi làm như vậy, chúng ta đang tạo nghiệp tốt và tất nhiên bạn sẽ nhận được nhiều sự hỗ trợ tương trợ của người khác trong tương lai.

7-/ TRÁNH SÁT HẠI NHỮNG SINH VẬT NHỎ NHẤT: Người ta dễ dàng xâm hại đến sinh mạng của các loài vật, đặc biệt là những loài nhỏ nhất. Một hôm đang đi trên lề đường, tôi nhận thấy có nhiều con kiến bò ngang lối đi, tôi biết



SỰ THÀNH CÔNG CỦA MỘT TÔN GIÁO KHÔNG THỜ TRỜI

Tác giả: **Cerf William**
Hoang Phong dịch và giới thiệu

Lời giới thiệu của người dịch:

Nếu dịch thật sát nghĩa thì tựa của bài viết này phải là **Sự chiến thắng** hay **Sự vinh quang của một tôn giáo không thờ trời**. Tuy nhiên chúng ta nên hiểu rằng Phật giáo từ nguyên thủy chỉ là một lối sống nằm bên ngoài thế tục, hay nói một cách khác là vượt lên trên mọi tranh chấp, chinh phục và tranh đua. Mục đích của Phật giáo không nhằm vào sự chinh phục mà chỉ hướng vào sự giải thoát. Vì thế đối với Phật giáo thì sự **chiến thắng** hay **vinh quang** không có ý nghĩa gì cả, mà có thể đây chỉ là một cách nói phóng đại để làm tăng thêm phần hấp dẫn mà thôi.

Bài báo khá xưa, được đăng trên một tạp chí lớn về thông tin và bình luận của Pháp là tờ L'EXPRESS, số ra ngày 30 tháng 7 năm 1998. Khi đọc lại một bài báo cũ, dĩ nhiên là chúng ta sẽ có thêm một lợi điểm mà tác giả không có, đấy là chiều sâu của thời gian. Dựa vào lợi điểm đó chúng ta có thể đánh giá xem những quan điểm nêu lên trong bài báo có vượt được thời gian hay không. Chỉ xin đơn cử một thí dụ cụ thể, tác giả cho biết là chính phủ Pháp thời bấy giờ công nhận con số Phật tử trong nước là 600 000 người, và năm vừa qua (2008) Bộ Nội vụ chính thức công nhận con số này là một triệu người. Tại sao một con số lại mang tính cách quan trọng như thế? Bởi vì trong một thể chế dân chủ, vị trí, tiếng nói và quyền lợi của một tập thể do pháp luật bảo đảm luôn đi đôi và tương xứng với tầm vóc của tập thể ấy trong cộng đồng quốc gia. Các chi tiết và các quan điểm khác trong bài viết xin dành cho người đọc nhận định và phán xét. Dù sao thì bài báo cũng cho thấy một góc nhìn của người Tây phương về Phật giáo nói chung. Góc nhìn đó tất nhiên bị ảnh hưởng bởi văn hóa và giáo dục của họ, và cả bản tính cá nhân của từng người, vì thế không nhất thiết giống như cái nhìn của mỗi người trong chúng ta. Tìm hiểu một góc nhìn khác cũng là một cách giúp chúng ta xét lại và bổ khuyết tầm nhìn của chúng ta về một nền tín ngưỡng lâu đời của Á châu.

Đây là một bài báo có thể dùng làm đề tài để suy tư về một tôn giáo đang mang lại nhiều tác động trong thế giới Tây phương, tuy nhiên ta cũng không nên chấp nhận toàn thể các quan điểm một cách máy móc. Tác giả có lối hành văn bóng bẩy và lắt léo khó dịch, nhiều quan điểm mang tính chủ quan và quá cứng nhắc, tuy nhiên đâu sao thì tác giả cũng đã thành công khi đưa ra nhiều góc nhìn khá bao quát và chính xác. Trong phần cuối của bài, trái lại ông

đã thà lòng cho sự chủ quan tung hoành vì thế có nhiều đoạn hơi quá tự tin và không được chính xác lắm. Những sơ xuất đó cũng cho thấy sự hiểu biết đôi khi còn phiến diện và thiếu sâu sắc của ông về Phật pháp. Dầu sao thì sự nhiệt tình và lòng hăng say tuôn ra từ ngòi bút của ông cũng thừa sức để bù đắp cho những khiếm khuyết nhỏ nhặt vừa kể. Bài viết dành cho độc giả Tây phương vì thế người dịch thiết nghĩ một vài chú thích nhỏ cũng có thể cần thiết để giúp người đọc theo dõi bài viết dễ dàng hơn. (**Hoang Phong**)

Phần lược dịch:

Hòa hợp giữa vô thần và tâm linh, thân xác và tâm thức, Phật giáo đã chinh phục được con tim của hàng ngàn người Pháp, tuy nhiên cũng không phải là không có những hiểu

Tuy rằng Phật giáo không nhất thiết sẽ bước vào thiên kỷ thứ III với tiếng kèn trống vang lừng, nhưng chắc chắn Phật giáo sẽ bước vào với tiếng kinh, câu kệ và những lời tụng niệm mà thế kỷ XX tưởng rằng đã có thể bóp nghẹt được. Quả đúng là một sự phục thù, vâng đúng thực là một sự phục thù, một sự phục thù của tâm linh trước vật chất, của linh thiêng trước thuần lý, của suy tư trước sự tiêu thụ. Sự kiện trên đây quả thật là một sự ngạc nhiên kỳ thú, đồng thời nó cũng báo trước một tình trạng khó tránh là những cảnh ngược đời sẽ có thể xảy ra. Dầu sao thì cũng không nên quá ngạc nhiên vì người ta đều hiểu rằng những gì tồi tệ vẫn thường xảy ra bên cạnh những gì tốt đẹp nhất.

Có nhiều người mất hết cả định hướng, tìm cách an trú trong quá khứ hoặc đi tìm con đường Đạo mà cứ tưởng rằng địa cầu «nhỏ bé như một ngôi làng». Thản nhiên, cuồng tín hay hòa đồng..., mỗi người mỗi cách, cứ thế mà họ tự vạch lấy cho mình một con đường xuyên qua những hành lang ngoắt ngoắt trong chiếc tháp Babel (1) của thời hiện đại. Thế kỷ này đang mở ra không những để đón nhận những con người biết quay về với tôn giáo như trường hợp của họ, mà còn có trọng trách phải tu sửa lại toàn bộ nền tảng văn hóa và triết học mà nền văn minh Do-thái-giáo - Thiên-chúa-giáo phải đứng ra gánh chịu mọi chi phí.

Sự thức tỉnh của những con người biết trở về với tôn giáo không phải là một sự kiện tương trưng cho sự chiến thắng của Jéhovah (2) mà ngược hẳn lại như thế thì đúng hơn. Ngày nay, tình trạng tương quan theo chiều ngang - tức mỗi tương quan bình đẳng giữa con người và thế giới - đang thăng thế so với mỗi tương quan siêu nhiên theo chiều dọc - tức là sự tung

phục trước một Đấng-Tối-Cao. Xuất hiện từ lâu đời, cái nền tôn giáo nhập cảng từ Á châu ấy không phải chỉ để quyền rũ giới tài tử phim ảnh đang bị khủng hoảng tâm linh mà thôi. Cái tôn giáo đó đã chinh phục được con tim của hàng ngàn người Pháp, mạnh cho đến mức mà chính quyền đã phải ước lượng con số Phật tử lên đến 600 000 người. Quả thật có đến hai sự nghịch lý đã xảy ra cho cái xứ sở tự nhận mình vừa là «*quê hương của Ánh sáng*» lại vừa là «*người chị cả của Thiên chúa giáo*». Thật vậy, để giải thích cho những điều nghịch lý đó nhóm người theo Phật giáo đã đáp lại một cách thật ôn tồn: «Quả đúng như thế, tôn giáo của chúng tôi không hề chống lại chủ nghĩa duy lý và đạo Thiên chúa». Có đúng thật như thế hay chẳng? Dự luận chung đều cho rằng quả là đúng như thế. Năm 1994, một cuộc thăm dò kết hợp hai tổ chức Sofres và Le Figaro (3) đưa ra con số hai triệu người Pháp xem Phật giáo là tôn giáo mà họ quý chuộng nhất.

Những người được thăm dò đã bày tỏ sự quý chuộng Phật giáo của họ, nhưng không nhất thiết đây là một cách nêu lên ước vọng của họ được trở thành một Phật tử. Tuy nhiên phong trào miền chuộng Phật giáo có vẻ đang lan tràn rộng lớn, sự kiện đó có thể là do ranh giới của phong trào chưa được xác định rõ rệt. Nhiều người vẫn từng phát biểu rằng «Phật giáo ngày trị trong tim tôi» tuy nhiên họ vẫn cự phép rửa tội Thiên chúa giáo, hay là vẫn còn giữ đức tin của Tin lành, hoặc tự nhận là đã lớn lên với truyền thống Do thái giáo. Nếu hiện nay đã có 10 000 người hay hơn thế nữa đang tu tập Phật giáo một cách chuyên cần mỗi ngày, thì đồng thời cũng có ít nhất 100 000 người khác lui tới các thiền viện và những nơi ẩn cư. Thêm vào đó còn có hàng ngàn người nhiệt thành hơn thế nữa và họ đang tu tập thiền định theo các truyền thống Phật giáo (Zen, Yoga, cách luyện tập thư giãn, dưỡng sinh, tu học Phật pháp, ẩn cư, y khoa êm dịu, shiatsu (trị liệu bằng xoa bóp và ấn huyệt) v.v...). Tổng kết có khoảng 150 000 người Pháp rất kiên trì. Để chứng minh cho đủ con số 600 000 Phật tử mà Bộ Nội vụ đã công nhận thì cần phải kể thêm các tập thể quan trọng người Á châu (phần lớn là người Việt-Nam) đang sinh sống một cách hài hòa trên đất Pháp. Thành phần nồng cốt đó đã tỏa sáng và ảnh hưởng sang những người Pháp chung quanh, nhất là nhờ vào những tấm gương cá nhân của họ. Hình ảnh về một cuộc sống an vui bắt nguồn từ Phật giáo tỏa rộng ra như những vòng tròn đồng tâm, bao trùm cả một dân tộc được thừa hưởng một nền giáo dục cao. Thật ra sự truyền bá ri tai có tính cách chọn lọc đó đã liên kết với phong trào thiện cảm lớn lao mà các cơ quan truyền thông có tầm vóc toàn cầu đang quảng bá. Về khía cạnh này gương mặt của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma vụt trở thành một biểu tượng lớn. Hình ảnh một nhà sư tươi cười và đơn sơ, không vướng mắc vào những thứ trang sức màu mè đã chống lại và hóa giải hình ảnh của các nhà lãnh đạo thuộc vào ba tôn giáo lớn dựa trên Kinh Sách (Do thái giáo, Thiên chúa giáo và Hồi giáo), hình ảnh của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma cũng đã dự phần không nhỏ vào sự lôi cuốn của Phật giáo. Hình ảnh hiền hòa, thanh thản và yêu đời của một nhà sư thể hiện qua sự trong sáng tỏa rộng

ra chung quanh chính là loại hình ảnh mà các nhà lãnh đạo Thiên chúa giáo, Do thái giáo và Hồi giáo đôi khi đã đánh mất. Hình như Đức Đạt-Lai Lạt-Ma đôi khi cũng tỏ ra ái ngại khi nhận thấy sự thành công của mình hơn hẳn so với các vị lãnh đạo các tôn giáo «cạnh tranh» khác. Đúng hơn thì Ngài chỉ thừa hưởng một cách gián tiếp tình trạng vỡ mộng mà các tôn giáo độc thần già nua đã tạo ra mà thôi. Chính chỗ vỡ mộng đó là kho dự trữ quan trọng nhất cất giấu những niềm thiện cảm đối với Ngài.

Chống lại quyền bá chủ của Bà-la-môn

Muốn tìm hiểu sự lớn mạnh của Phật giáo thì trước hết phải nhìn vào những góc cạnh yếu kém của hệ thống tư tưởng Tây phương. Tập san văn hóa *Les Cahiers du Sud* (4) trong một số đặc biệt phát hành năm 1940 với tựa đề «*Thông điệp ngày nay của nước Ấn*» đã đưa ra những lời phân tích thật trong sáng: «*Cứ mỗi lần nền tư tưởng Tây phương rơi vào gong kìm của mâu thuẫn thì nền tư tưởng đó lại tự hỏi là khoa học sẽ đưa về đâu trong tương lai, và mỗi lần như thế lại quay sang cầu cứu với Ấn độ, cha đẻ của mọi thứ huyền thoại và các trào lưu tinh thần*». Bài báo được đăng vào những ngày cuối cùng trước khi nước Pháp thất trận trước sự tiến quân của Đức quốc xã, và có lẽ vì thế mà chẳng có ai thêm đề ý đến. Bỗng nhiên hôm nay bài báo lại tự khoác cho mình những giá trị của một lời tiên tri. Các nhân vật như Richard Gere (5), Jean-Claude Carrière (6), Matthieu Ricard (7) (con của thành viên Hàn Lâm viện Jean-Francois Revel (8)) đã trở thành Phật tử, đồng thời một số các nhân viên cao cấp bị khủng hoảng tâm thần, các giáo sư dạy toán bị bệnh trầm cảm, các bà thư ký ly dị chồng... và vô số những người khác nữa cũng đã trở thành Phật tử. Muốn hiểu tại sao lại xảy ra sự kiện đó thì có lẽ phải lên đường du hành sang quê hương của Đức Phật là Ấn độ để tìm lấy câu trả lời.

Khi Đức Phật ra đời vào khoảng 560 năm trước chúa Jê-xu ở Ca-tỳ La-vệ (Kapilavashu), một nơi cách thành Ba-la-nại (Bénares) 240 kilômét, thì nước Ấn lúc đó còn đang bị một tôn giáo dựa vào kinh Vệ-đà (9) thống trị. Nền tín ngưỡng đó được thiết lập dựa vào một bộ kinh mang tên là Vệ-đà (có nghĩa là sự hiểu biết), gồm sáu tập ghi chép những điều giáo lý căn bản viết bằng tiếng Phạn (một loại ngôn ngữ Ấn-Âu có cùng một nguồn gốc với ngôn ngữ I-ran). Một cách văn tắt thì đấy là một thứ tôn giáo thật đơn giản: chỉ nhằm vào việc thực thi các nghi lễ hiến dâng hướng vào các vị trời để đổi lấy sự an bình và cứu rỗi. Tuy nhiên khi đã nói đến «hiến dâng» thì phải nói đến các người «giáo sĩ» đứng ra hiến dâng. Vì thế đã sinh ra một tầng lớp tăng lữ rất thế lực gọi là những vị Bà-la-môn, họ đứng ra tóm thâu quyền kiểm soát toàn thể xã hội Ấn. Để duy trì quyền lực đó họ đã thực thi những việc thật lố lăng là phân chia xã hội Ấn thành bốn giai cấp, và sự phân chia chia này vẫn còn tồn tại đến ngày nay, quả thật đấy là một điều bất hạnh lớn lao nhất cho nước Ấn.

Chính vì muốn chống lại sự thống trị của Bà-la-môn mà Phật giáo đã khởi xướng (10). Trùng hợp với thời kỳ bành trướng của tôn giáo Vệ-đà, bản chất tâm linh vô cùng phong phú của nước



Ấn đã làm phát sinh ra một sự tin tưởng rất phổ cập và đại chúng, ấy là thế giới ta-bà (samsara), và khái niệm này xuất hiện trước thời kỳ của Đức Phật rất lâu (11). Thế giới ta-bà là gì? Chính là một thứ địa ngục siêu hình phát sinh từ giáo lý luân hồi. Nói thẳng ra là mỗi sinh linh đều phải trải qua một chuỗi dài bất tận gồm những chu kỳ hiện hữu tiếp nối nhau, mỗi kiếp sống cho một chu kỳ, mỗi kiếp sống của con người thuộc vào một trong những chu kỳ hiện hữu bất tận đó.

Tại sao con người lại phải gánh chịu sự tái sinh liên tục như thế? Chính vì nghiệp, tức là hành động của mỗi người. Sự sống của ta hôm nay là kết quả phát sinh từ chính những hành động của ta trong sự hiện hữu trước đây. Lời Phật dạy như sau: «Con người hành động như thế nào thì sẽ tái sinh trong một kiếp sống tương ứng như thế ấy». Nếu hôm nay đời tôi thật là khổ sở, có nghĩa là trong kiếp trước tôi đã làm những việc sai trái, và ngược lại. Nghiệp của tôi, tức hành vi của tôi hôm nay sẽ giữ một vai trò then chốt giúp cho tôi có thể tránh được hay không tránh được những khổ đau trong tương lai. Và giải pháp duy nhất giúp cho tôi tự giải thoát khỏi cái chu kỳ khắc nghiệt của luân hồi là phải tự tạo lấy cho mình một nghiệp tốt. Đức Phật nói rằng: «Chính là nghiệp sẽ phân loại con người thành cao cả hay thấp hèn».

Một bên là quyền lực Bà-la-môn và một bên là hậu quả phủ phàng của nghiệp báo đã tạo ra một bối cảnh tôn giáo đầy lo sợ vào thời kỳ của Đức Phật. Vì thế mà Vị Hiền triết Vĩ đại của chúng ta đã tập trung tất cả suy tư và sự hiểu biết của mình để tìm ra con đường giải thoát.

Sinh ra trong một gia đình hoàng tộc họ Cồ-đàm, Đức Phật được vua cha đặt tên là Sĩ-đạt-ta (có nghĩa là người đã thực hiện được hoài bảo của mình). Ngài hưởng một cuộc sống đế vương, và theo truyền thuyết thì vua cha ra lệnh không có ai được phép để cho Ngài nhìn thấy những cảnh tượng khổ đau của con người. Tuy nhiên, sau bốn lần được ra khỏi hoàng thành và mặc dù đã được đoàn tùy tùng bảo vệ cẩn thận, Sĩ-đạt-ta vẫn bị chấn động sâu xa khi nhìn thấy bốn hình ảnh cực mạnh: một người già, một người bệnh, một xác chết, và hình ảnh thứ tư lại là một chiếc chìa khóa giúp ra thoát những thứ đôn đau đó, đấy là hình ảnh của một người tu hành.

Sĩ-đạt-ta từ bỏ hoàng cung, xa rời cả vợ lẫn con, để theo đuổi trong bảy năm liền cuộc sống khổ hạnh của những vị Bà-la-môn, tu tập theo cái lối «hành xác» mà sau này Ngài cho là quá «buồn chán, không đáng và vô ích». Một tôn giáo chỉ biết đôn thuân chấp hành nghi lễ và tôn vinh thần thánh chẳng những không thể nào thuyết phục được Ngài, và nhất định cũng sẽ không thể nào giúp cho Ngài tìm thấy một lối thoát. Sau đó tại một nơi gọi là Âu-lâu-tần-loa (Uruvela) phía nam thị trấn Hoa-thị-thành (Patna) dưới một gốc cây bồ đề Ngài đã đạt được Giác ngộ (bodhi). Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm trở thành một vị Phật (vị Giác ngộ), khi đó Ngài được 35

tuổi. Ngài bắt đầu thuyết giảng về cái chân lý mà Ngài đã quán nhận được. Trong lần thuyết pháp đầu tiên, Ngài nêu lên khái niệm về «Tứ diệu đế» làm nền móng cho Đạo Pháp của Ngài, đấy là bài Thuyết giáo lừng danh nơi thành Ba-la-nại (Bénares). Ngài đã nói lên như sau: «*Này, hỡi các tỷ-kheo, đây là sự thực cao quý về khổ đau. Sinh là khổ đau, già là khổ đau, bệnh tật là khổ đau, chết là khổ đau, phải gánh chịu những gì mình không thích là khổ đau, phải xa lìa những gì mình yêu quý là khổ đau, không đạt được những gì ước muốn là khổ đau, năm thứ cấu hợp của sự bám víu là khổ đau*». Đó là Sự thật thứ nhất trong số Bốn Sự thật Cao quý. Sự thật thứ hai liên quan đến nguồn gốc của khổ đau, tức là «*sự bám víu vào những thứ thích thú của giác cảm*». Sự thực thật thứ ba là sự chấm dứt khổ đau. Sau hết Sự thực thật thứ tư là con đường đưa đến chấm dứt khổ đau.

Sau lần thuyết pháp ấy và trong suốt hơn bốn mươi năm sau đó, Đức Phật đã liên tiếp thuyết giảng và thu nạp đồ đệ. Năm vị tu sĩ đầu tiên được nghe giảng đã đi theo bước chân của Ngài và sau đó đến lượt các đoàn người đông đảo cũng bước theo. Họ bị thu hút bởi một sự an bình thoát ra từ vị Thầy của họ và đang tỏa rộng chung quanh. Đức Phật tịch diệt lúc 80 tuổi và Ngài chỉ để lại cho các đệ tử một lời dặn dò duy nhất: «*Tất cả các thành phần cấu hợp tạo ra con người đều phù du. Các con hãy chuyên cần tu tập để tự giải thoát lấy cho các con*». Tuy nhiên chúng ta cũng phải tự hỏi sự giải thoát ấy là gì?

Đối với Đức Phật, không có vị Trời nào sáng tạo ra vũ trụ cả, không có thiên đường cũng chẳng có địa ngục, chẳng có Vị nào cứu thế và cũng chẳng có Ai chết đi sống lại. Mọi sự hoàn toàn không phải thế. Phật giáo không quan tâm đến những chuyện siêu hình, không thắc mắc nguồn gốc của thế giới là gì, kể cả các khái niệm về tốt và xấu (12). Giáo lý của Đức Phật vô cùng thực tế, được xây dựng trên một sự nhận xét thật hiển nhiên: tất cả đều là khổ đau. Một sự yếm thế phủ nhận tất cả, kể cả khái niệm về linh hồn và vô hiệu hóa cả những nghi lễ mang tính cách tôn giáo. Trong bối cảnh mà Trời cũng không có, thì những chuyện thần bí, hiển dương, thánh lễ, hoặc bất cứ một hình thức lễ lạc màu mè nào còn có giá trị gì nữa? Sự giải thoát chỉ tùy thuộc vào hậu quả duy nhất của nghiệp và sự tu tập giúp thoát ra khỏi vòng khổ đau của thế giới ta bà. Đức Phật chủ trương vô thần (13), có thể nói là duy vật nữa. Giáo lý của Ngài chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất: ấy là sự giải thoát.

Muốn đạt được sự giải thoát thì phải theo con đường «*bát chánh đạo*». Con đường đó là: «*hiểu biết đúng, suy nghĩ đúng, ngôn từ đúng, hành động đúng, sinh sống đúng, cố gắng đúng, chú tâm đúng và tập trung đúng*»! Nói thẳng ra nếu như Phật giáo không phải là một tôn giáo và cũng chẳng phải là một nền triết học, thì nhất định nó phải là một nền luân lý kỷ cương. Con đường cao quý của bát chánh đạo là bí quyết giúp con người vượt thoát khỏi sự ràng buộc của khổ đau, điều đó có nghĩa là tự mình phải nỗ lực. Theo lời dạy của Đức Phật thì tất cả mọi khổ

đau của con người đều phát sinh từ «*cái tôi*». Tuy nhiên trên thực tế thì cái tôi lại không có vì đây chỉ là một ảo giác. Ngược lại với Thiên chúa giáo, đối với Phật giáo thì khái niệm về một cái tôi bất diệt, lệ thuộc vào một nguyên lý thiêng liêng của Vũ trụ phải được đánh đổ và hoàn toàn loại bỏ. Cái tôi có thể xem như là một hình thức đòi hỏi và thèm khát vô độ, và vì thế cái tôi sẽ áp đặt quyền lực của nó lên tất cả những hành động của chính ta, vì vậy phải làm cho nó câm miệng lại thì trong tâm cùng của đáy lòng mình. Theo đúng con đường bát chánh đạo thì sẽ thực hiện được điều đó. Dứt bỏ được mọi sự thèm khát, mọi sự cầu xin và dục vọng bằng cách tuân thủ các giới luật kỷ cương mà Đức Phật đã chỉ dạy sẽ làm cho cái tôi tan biến.

Chấm dứt được sự thèm khát và dục vọng sẽ làm cho bộ máy tái sinh bất tận dừng lại và thế giới ta bà sẽ bị đánh tan. Khi đó ta sẽ đạt được «*niết bàn chưa toàn vẹn*» và sau cùng chỉ còn chờ tháo gỡ lớp vỏ bọc thân xác này của ta bằng cái chết để nhập vào «*niết bàn hoàn hảo*».

Dung hòa giữa vô thần và tâm linh

Toàn bộ cấu trúc kỳ diệu về tâm linh của Phật giáo đã bám rễ thật sâu vào các nền văn hoá Ấn độ và Á châu và không thể tách rời ra được. Tuy thế nó vẫn hàm chứa tất cả các khía cạnh tân tiến cần thiết để thu hút người Tây phương. Cái «*phẩm tính*» cao hơn hết của Phật giáo – mà các nhà thần học Thiên chúa giáo tranh nhau lên án như

là một thứ sơ hở tệ hại nhất – chính là sự khiêm tốn. Thật ra cũng chẳng cần phải biết ai đã đứng ra sáng tạo cái thế giới này và rồi nó sẽ đi về đâu: triết học siêu hình chỉ là một sự tự biện hoàn toàn vô ích. Đức Phật chỉ cần nêu lên một con đường giải thoát cho mỗi con người là đủ. Phẩm tính thứ hai của Phật giáo là khả năng hội nhập vào bất cứ bối cảnh tín ngưỡng nào. Vì lẽ không quan tâm đến Trời cho nên Đức Phật chỉ ngó lơ với con người mà thôi, nhất là đối với những người vô thần và cả với những người đã tỏ ra nghi ngờ về hiệu quả các thánh lễ rửa tội cho họ (hai nhóm người này đều rất đông trong thế giới Tây phương). Tinh thần bao dung của Phật giáo được thiết lập trên căn bản hài hòa, không loại trừ bất cứ một nền tín ngưỡng mang tính cách thần khải nào cả, và tinh thần đó đã giúp cho Phật giáo phát triển trên những mảnh đất thấm nhuần Do-thái-giáo – Thiên-chúa-giáo. Ngoài ra, dù cho con đường bát chánh đạo có tỏ ra là một thứ kỷ cương quá khắt khe đi nữa, thì nó cũng chẳng nghĩa lý gì so với những giáo điều làm nền tảng cho đạo Thiên chúa. Thật thế, các giáo điều của Thiên chúa giáo đang phải củng cố lại một cách khó khăn trước ngưỡng cửa của thiên kỷ thứ III...

Tự nhận là người Phật giáo có nghĩa là tu tập theo một tôn giáo không thờ trời, hoà đồng giữa vô thần và tâm linh, tự chọn lấy cho mình một nền tảng luân lý không mang sức ép của tội lỗi! Như thế thì còn đòi hỏi gì hơn nữa?

(Còn tiếp một kỳ)

Về đâu...

*Lang thang trôi dạt ngàn phương
Ta bà muôn lối biết đường nào đi?
Buồn, vui, mộng ước... đã ghi
Về đâu tự hỏi những khi đợi chờ.*

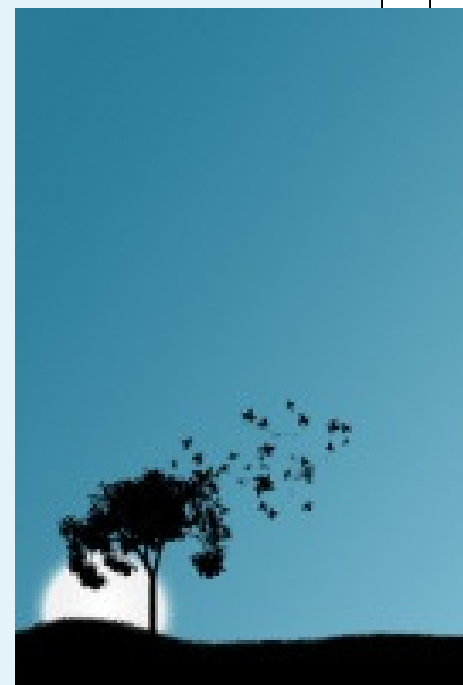
Gió reo

*Trên vùng đất cao, rộng
Khoảnh khắc lòng trống không
Nơi này ôi hoang vắng
Gió reo động hàng thông.
Xa xa trời xanh thăm
Nhớ người muốn về thăm
Đường như đường xa quá
Mới đó đã ngàn năm!
Theo mây bay, nhẹ lòng
Đời có mà như không
Hàng thông reo biết gió
Cõi đời thật mệnh mông!*

Giọt sữa...

*Có thứ tô làn môi bé thơm
Lớn khôn, mạnh khỏe... đầu xanh bờm
Vươn vai lộ nét loài 'sư tử'
Mẫu nhiệm làm sao giọt sữa thơm.*

HUYỀN VŨ



12 LỜI KHẨN NGUYỆN DÂNG LÊN ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

Tâm Minh Vương Thúy Nga

Kính thưa quý vị và các Bạn,
Nói về Đức Bồ Tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara Bodhisattva) thì đã có rất nhiều. Về hình tượng của ngài, cũng vô số; có chỗ Ngài đứng một mình trong phong ba bão táp giữa biển lớn, có khi với bình nước cam lồ và hành dương liễu, có khi có thêm cậu bé sau lưng, có khi cỡi con cá thật to v.v... chúng tôi không có tham vọng trình bày những hình tượng đã thấy cùng ý nghĩa vì không am hiểu hết những sự tích, những câu chuyện dân gian hay những chuyện tiền thân, những mẫu chuyện đạo v.v... chúng tôi chỉ xin nói một chút về việc giáo dục môn Phật Pháp trong GDPT nói chung, về lịch sử đức Quán Thế Âm Bồ Tát với 12 lời nguyện nói riêng.

Kính thưa quý vị,
Phật Pháp không bao giờ cũ; vì chân lý không thể thay đổi theo thời gian hay không gian nhưng những bài học về Phật Pháp (nói riêng) hay về đạo đức (nói chung); những lời dạy của đức Phật, của các bậc Thánh, những nhà hiền triết... (Khổng Tử, Lão Tử, Socrate, Platon, v.v...) phải được "update" trong khi truyền đạt để thanh thiếu niên có thể hiểu và chấp nhận được. Xin nêu lên một ví dụ vui: Một Mùa Vu Lan nọ, có một huynh trưởng kể chuyện trong "Nhị Thập Tứ Hiếu" (24 người con Hiếu Thảo nổi tiếng) cho các em nghe, khi nghe kể chuyện người con cỡi hết áo quần xuống giường nằm để cho muỗi bu lại cắn mình, cho cha mẹ yên giấc ngủ; các em đều nhao nhao cười nói

"stupid"!! chứ không cảm động như cách đây mấy chục năm chúng ta đọc những câu chuyện này; vì sao? - Xin thưa, vì bây giờ người ta dùng thuốc xịt muỗi, hương đốt lên để đuổi muỗi, v.v... đâu có ai hành động như chàng thanh niên ngày xưa kia? Hay là quan niệm "Cha bảo con đi chết mà con không chịu là con bất hiếu" thì tuổi trẻ hôm nay không thể nào chấp nhận v.v... Vì vậy, chúng ta cần lưu ý một chút về điểm khác biệt tâm lý này. Đó chính là ý nghĩa của "update" phương pháp truyền đạt.

Cũng thế, khi đọc phẩm Phổ môn với "12 lời nguyện của đức Quán Thế Âm," không chỉ đoàn sinh mà cả Huynh trưởng trẻ cũng không hiểu những từ rất bình thường đối với người cao niên như "thường cư Nam Hải" chẳng hạn!

Vì vậy, Anh Chị Em chúng tôi dùng 12 lời khẩn nguyện có cả song ngữ (Anh- Việt) để các em vừa có thể học tiếng Việt, vừa học những danh từ Phật Pháp và các anh chị Huynh trưởng trẻ dạy Phật Pháp cho các em của mình cũng có sẵn chữ một (vocabularies) dùng để giảng bài. Mục đích cũng không ngoài việc hoằng dương Chánh Pháp đến với Tuổi trẻ Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.

- Lời nguyện thứ 1: **Con xin mở rộng lòng thương và tìm cách bảo vệ sự sống, niềm tin của mọi người, mọi loài** (I pray and vow to open my heart and find ways to protect life and faith for everyone and every living beings)
- thứ 2, **Con xin mở rộng tâm**

hiểu biết, để có thể thấu rõ gốc rễ khổ đau của kẻ khác mà tìm cách chuyển hoá, nâng đỡ và hộ trì (I pray and vow to extend my understanding, so as to be conscious of the roots of sufferings of others, in order to find ways to transform, support and assist them)

- thứ 3, **Con xin nguyện từ bỏ những tập khí tham ái, hờn giận, trách móc, để con có thể vui sống với mọi người trong gia đình và chung quanh con** (I pray and vow to restrain from greed, anger, and blame, so as to live happily with everyone in the family and those around me)
- thứ 4, **Con xin nguyện cho tự thân, gia đình, thân bằng quyến thuộc con và mọi người, mọi loài được sống trong an toàn, hoà thuận và thành thới**. (I pray for myself, my family, my relatives and friends, and all beings so that they will live in peace, harmony and comfort)
- thứ 5, **Con xin nguyện ngồi vững chãi để lắng nghe người khác nói năng, tâm sự. Dù cho những lời nói ấy có xúc phạm đến cá tánh của con, con nguyện không đòi đáp bằng những lời thiếu từ hoà, khiêm nhã**. (I pray and vow to be impartial and composed, in order to mindfully listen to expressions and feelings of others. Even if those words may harm my nature, I vow not to reply with words that lack harmony and humility)
- thứ 6, **Con xin nguyện thường xuyên trở về với hơi thở, tập dừng lại sự suy nghĩ, nói năng, để lắng nghe tiếng chuông tinh thức và mọi âm thanh. Con biết rằng mỗi âm thanh đều có mang thông điệp của sự yêu thương và năng lượng tuệ giác mẫu nhiệm**. (I pray to be mindful of my breathing, silence my thoughts and speech, so as to hear the awakening bell and each sound-wave. I know that each sound-wave carries the message of love and the wondrous energy of wisdom)
- thứ 7, **Con xin nguyện cho người đau chóng lành bệnh, người già được săn sóc, người mệnh chung có đủ duyên lành sanh về cảnh giới an vui, trong sáng của đức Phật A Di Đà**. (I pray for speedy recovery of the sick, the caring for the old, and for the deceased to have the good affinity to be reborn in the land of bliss _ the realm of Amitabha Buddha)
- thứ 8, **Con xin nguyện cho kẻ**

nghèo đói được no cơm ấm áo, kẻ tội lỗi sớm biết ăn năn, kẻ tù đầy mau thoát ngục tối, kẻ tàn tật được thân tướng tốt đẹp, kẻ nghiện ngập được tỉnh cơn mê, kẻ sát nhân tự buông khí giới. (I pray for the poor and hungry to have food and clothing, the sinful to be remorseful, the imprisoned to soon be free, the crippled to have restored features, the addicted to be rehabilitated, and the murderers to surrender their weapons)

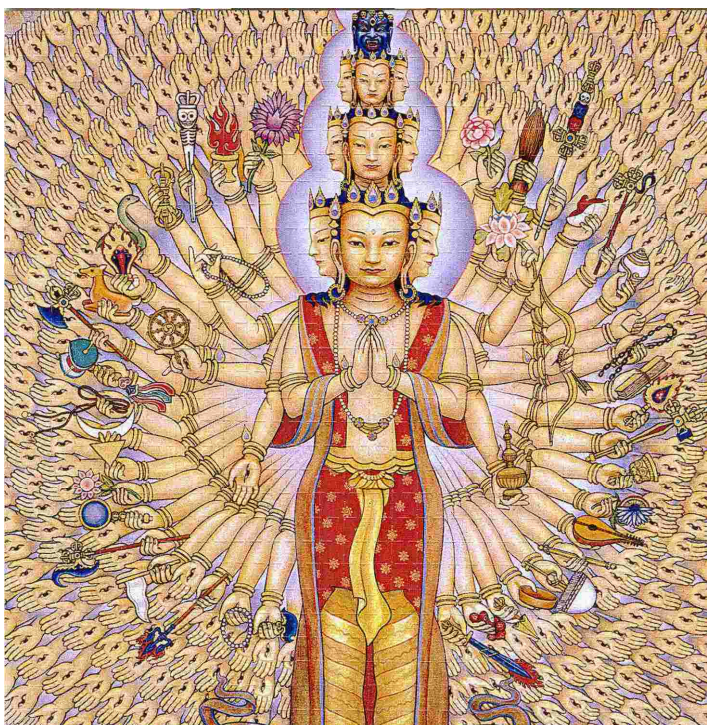
- thứ 9, **Con xin nguyện cho mọi người và mọi loài sớm nhận ra tự tánh thương yêu, bình đẳng của nhau. Đừng ai xem nhẹ tánh mạng của ai, đừng ai vì oán thù, ganh tị, ích kỷ mà gây khổ đau cho nhau**. (I pray that all beings may soon recognize the innate nature of love and equality embedded within them. No one should undermine the life of others, and no one should cause harm to others, because of hatred, jealousy, and selfishness)
- thứ 10, **Con xin nguyện cho hành tinh xanh này, muôn đời là trái đất xinh tốt. Phương nào cũng sản sinh nhiều dòng sông tươi mát, nhiều loại dược thảo ngũ cốc, hoa trái thơm ngon để dâng hiến cho con người và muôn loài no đủ**. (I pray that this blue planet, forever and ever, be a healthy and glorified world. Fresh streams will flow all directions; fine herbals, good grains, and high-quality fruits will be plentiful to nurture mankind and all other beings)
- thứ 11, **Con xin nguyện cho mọi người và mọi loài sớm thành tựu được giới đức thanh tịnh, định lực vững chãi, trí tuệ sáng suốt**. (I pray for everyone and every beings to soon achieve serenity, strength of determination, and wisdom)
- thứ 12, **Con xin nguyện cho mọi người và mọi loài sớm có đầy diệu lực, ngàn tay ngàn mắt và tự tại vào ra ba cõi để cứu độ chúng sanh trong mười phương thế giới**. (I pray for everyone and every being to soon have subtle energy, thousand arms, thousand eyes, and to be at ease to move about in the three realms, so as to deliver all beings from suffering in the ten directions of the universe).

Kính thưa quý vị,

Trong trang này, chúng tôi sẽ xin lần lượt đưa lên những bài học Phật Pháp với song ngữ, những bài viết, những mẫu chuyện v.v... có tính cách giáo dục Phật Pháp cho các em, hoặc có trong chương trình tu học của GDPT hoặc ngoài chương trình nhưng có nội dung giáo dục vừa có giá trị văn chương, những mẫu chuyện hay v.v... làm cho các em thanh thiếu niên Phật tử hiểu được Phật Pháp và thấy thích thú trong việc tu học Phật Pháp—như mục đích đã thưa trên đây.

Kính mong chư Tôn Đức, quý vị thiện hữu tri thức chỉ giáo thêm cho.

Xin chân thành cảm tạ quý ngài và quý vị.



Avalokitesvara
by Bobby.
www.enunui.org



HÌNH ẢNH TANG LỄ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH THUYỀN ẮN TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 05 ĐẾN 07.11.2010



Hòa Thượng THÍCH THUYỀN ẮN
(1927 - 2010)



LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH TỔ CHỨC TẠI TU VIỆN CHÂN KHÔNG, HAWAII, HOA KỲ (27 & 28/11/2010)



AI LÀ PHẬT

Thích Từ Lực

Nhân việc cung nghinh Phật Ngọc Hòa Bình về miền Bắc Cali, tôi xin chia sẻ vài suy tư dưới đây với bà con Phật tử và quý anh chị Huỳnh trưởng xa gần. Trước hết xin thưa rằng những kẻ cầu học như chúng ta, hôm nay nhắc lại một bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nhưng không quên lời dạy của chư tổ: "y kinh thuyết giáo tam thể Phật oan, ly kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết," để hiểu được rằng phải xa được khuôn phép của ngôn từ và nhất là sự ràng buộc về mặt lý thuyết của kinh điển thì chúng ta mới hiểu thấu lời Phật và ngộ hầu thực thi được lời Phật dạy. Trong tinh thần trên, chúng ta cùng ôn tụng lại bài kệ:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như lai.*

Rõ ràng là Phật không an vị trong vòng sắc tướng thanh âm cũng như không hiện thân trong ngũ uẩn của cuộc đời. Phật dạy rằng: nếu lấy sắc để kiếm ta, lấy âm thanh để cầu khẩn ta, đó là người đi sai đường, không thể nào thấy được Như lai cả.

Người Phật tử chơn chánh khi hiểu được như trên thì luôn luôn giữ chánh kiến trong lòng, không nương vào hình tướng hay mỹ ngữ để đến với Phật mà ngược lại, lấy tâm an nhiên thanh tịnh để làm việc, đóng góp tinh thần hay vật chất vào Phật sự chung, và tâm tâm niệm niệm rằng ngay trong đời sống hàng ngày chúng ta hãy siêng năng tu tập, nương vào vạn pháp giả tạm mà nhận thức được chân tâm thường trú. Không lấy gì, mà cũng chẳng bỏ gì, cứ tùy duyên mà hành xử.

*Ở đời muôn sự hãy tùy duyên
Hễ đói thì ăn, mệt nghỉ liền.
(Trúc Lâm đại sĩ)*

Câu chuyện thiên về "ngón tay ch? mặt trăng" quả thật là một bài học sống động khác giúp chúng ta nhận thức đúng đắn đâu là cứu cánh cần đạt tới, con đường Trung đạo của nhà Phật. Cám ơn ngón tay đã chỉ cho chúng ta thấy ánh trăng rằm soi tỏa vạn vật, nhưng cùng lúc, ta cũng biết rằng, mặt trăng chứ không phải ngón tay mới là điểm đến của cuộc hành trình đi tìm chân lý. Phải rời con mắt khỏi ngón tay, ngừng cao đầu, thì mới thấy được mặt trăng trên cao, đang tỏa ánh sáng dịu hòa lên muôn vật.

*Sáng cả đất trời, sáng cả lòng con
một ánh trăng soi chiếu mọi tâm
hồn.*

*Ai là Phật, Phật là ai,
trong lòng không còn nghi hoặc
nữa.*

Chẳng khác gì để thấu hiểu và thực thi lời Phật dạy, ta cần phải xa rời khuôn khổ chật hẹp của ngôn từ kinh điển, phải ly kinh, như lời dạy của chư tổ, để có thể đến gần hơn với Phật.

Trong tinh thần học Phật được chư tổ soi sáng như trên, ta bước thêm

bước nữa, về chùa, chiêm bái tôn tượng Phật Ngọc hòa bình. Ta đi từng bước trong chánh niệm, niềm hoan tran ngập, và quán chiếu trong từng hơi thở nhẹ:

Lên chùa lay Phật nghe kinh
Ma ha Ca diếp lặng thính, khẽ cười.
Huỳnh nhiệm thay là sự lặng thính của hiểu biết và huỳnh nhiệm không kém là nụ cười biểu hiện của đốn ngộ. Con người, có lẽ từ muôn thuở, đã biểu lộ lòng khát khao nhưng hờn nhiên, giấc mơ giải thoát của mình dưới sự chứng giám của một trong những đấng giác ngộ. Xa lìa trần cấu, dứt bỏ mọi nỗ lực quán chiếu tâm mình, thấy an nhiên tịch tịnh chẳng muôn phiền.

Như thế, khi thanh tẩy được tâm hồn, công cuộc đốn rước tôn tượng Phật ngọc Hòa bình thực sự trở thành cơ hội để mọi hàng con Phật chúng ta nỗ lực quán chiếu tâm mình, thấy tâm bừng sáng, để thấy Phật hiển hiện. Chúng ta đều hiểu rằng báo ơn Ngài đã dày công hóa độ muôn loài không gì bằng thực thi tinh thần từ bi giải thoát. Để đạt được mục đích này, chúng ta hãy nguyện giữ gìn chánh niệm trong thân, khẩu, ý, từ đó phát huy tinh thần bình đẳng, bất nhị, xem mọi người, ai cũng hội đủ nhân tố của một vị Phật sẽ thành. Đến lúc ta cảm thấy không buồn phiền trước lời đàm tiếu, chẳng quan tâm đến chuyện thị phi thì tâm ta, nói không ngoa, đã đạt tới cảnh giới mà ta hằng mong mỏi.

*Lên chùa lay Phật không hai
Chúng sanh là Phật tương lai sẽ
thành*

*Một trăm lẻ tám hồng danh
Trang nghiêm cõi Phật, tịnh thanh
tâm mình.*

Như thế dù ta chưa có thể minh thị được một hình thức hiện thể của đấng Giác Ngộ, ai là Phật, Phật là ai? Nhưng ta có thể hiểu không sai rằng Phật không hiện diện bên ngoài ta. Phật ở trong ta. Phật hiện diện giữa chốn Ta Bà, có mặt bên muôn ngàn sâu khổ của kiếp người mà con người đã nhận thức. Đi theo con đường Phật là dâng hiến cuộc đời ta cho sự diệt khổ, góp phần vào việc đem lại an lành cho tha nhân.

Hôm nay nhân ngày Phật hiện về trong ý nghĩa khuyến tỉnh, mời gọi mọi người lau sáng tâm hồn để hiển hiện Phật tính nơi chân tâm, chúng ta hãy cùng chấp tay thành tâm cầu nguyện cho mình, cho người, cho cả vạn loại, thế giới năm châu được hòa bình, thắm tình huỳnh đệ, tương kính, thương yêu để nhân loại cùng sống trong an lành, hạnh phúc.

Hayward, ngày 06-8-2010
Thích Từ-Lực

Who is the Buddha?

On this occasion of honoring the Jade Buddha for Universal Peace coming to Northern California, I would like to share some of my contemplations below with fellow Buddhists near and

far. First of all, for those of us who thrives on the search for knowledge, let us be reminded today of a verse in the Flower Ornament Sutra so that we do not forget the teachings of our forefathers: "Do unjust to the Buddha for three generations if the words of the sutra are taken literally, distance from the sutras will lead to the devil's teachings," (1) to understand that one have to separate the discipline of language and, most of all, the philosophical binds of Buddhist Sutras to thoroughly understand and be able to implement Buddha's teachings. In this spirit, lets us review and chant the following verses:

Those who see me by form, and follow me by voice are wrong in their efforts they are engaging in. These people will never attain the truth." (2)

Clearly, Buddha does not exist in forms or sounds and also does not manifest himself in the five aggregates of life (i.e. the aggregates which make up a human being: form, feeling, perception, mental formation, and consciousness). The Buddha taught: if one looks for me by form or uses sound to beseech me, then that person is walking down the wrong path and will be unable to see the Buddha.

A true Buddhist, when understand the foregoing paragraph, will always keep the knowledge of the four noble truths in their heart and not rely on forms or language to come to the Buddha; instead, they will use their equanimity and pure mind to contribute mentally or materially into Buddha's affairs, always reminding themselves to diligently practice Buddha's teachings in their daily lives, relying on the multitude of dharma as temporary solutions while taking refuge in the true mind. Not taking anything and not leaving anything, just be dependent on circumstances to proceed.

In life, let events be dependent upon conditional circumstances

*Eat when hungry, immediately rest when tired
(Nobleman Trúc Lâm)*

The Zen story regarding "the finger pointing at the moon" is truly a different vivid lesson to help us be properly aware of the finality one need to reach, Buddhism's Middle Path. Thanks to the finger for pointing us to see the moonlight shining on all things, but at the same time, we know that it is the moon and not the finger that is the final destination for the journey in search of the truth. Ones have to remove their eyes from the finger and lift their head up high in order to see the moon soaring above, shining softly over everything.

Shining bright over heaven and earth, shining bright in my heart

*A moonlight screening all souls
Who is the Buddha, the Buddha is whom?*

In my heart, there is no more doubt.

To thoroughly understand and implement the Buddha's teachings, one need to leave the narrow framework of sutra languages, as taught by the forefathers, one has to "separate from the sutras" to be able to come closer with Buddha.

In the spirit of learning Buddhism that the forefathers has shone brightly above, we take another step, coming home to the temple to worship the statue of the Jade Buddha for Universal

Peace. We take each step in right mindfulness, filled with joyfulness, and contemplate with each soft breath:

Go to the temple, pray to the Buddha, listen to the sutras

Mahakasyapa silently, quietly laughing.

Miracle such is the silence of understanding and no less of a miracle is the smile expressing sudden enlightenment. Humankind, probably from eons ago, has expressed a spontaneous desire, a dream of their liberation under the guidance of one of the enlightened ones. Remove from defilements, separate from all causation, humankind will return to a non-sorrowful, sagely calmness state.

Like that, when the soul is purified, the task of welcoming the Jade Buddha for Universal Peace statue truly becomes an opportunity for thousands of Buddhists to contemplate on the mind, see the mind illuminated, so that the Buddha is visible. Everyone understand that in repaying the Buddha for his efforts to rescue all beings, nothing equal to practicing in the spirit of compassionate liberation. To achieve this goal, let us vow to keep right mindfulness in our body, words, and thoughts; and from there, promote the spirit of equality and non-duality, regarding everyone as a potential Buddha. Until we do not feel sadness upon facing ridicule, not taking interest in gossips, it is then that, not exaggeratingly speaking, our mind has arrived at the realm that we constantly desired.

Go to the temple, pray to the sole Buddha

*Sentient beings are future Buddhas
One hundred and eight great fames
Purity of our mind adorning Buddha realms.*

Thus, even though we are not yet able to clearly identify the Enlightened in form, who is the Buddha, the Buddha is whom? But we can, however, accurately understand that the Buddha is not present outside of us. The Buddha is within us. The Buddha is present in the middle of this saha (worldly) world, present at the myriad of lifetime sorrows that human has recognized. To follow in the path of the Buddha is to dedicate one's life to the eradication of suffering and contribute to bringing peace to others.

Today, on the occasion that the Buddha appear to encourage and call on everyone to polish their soul in order to understand Buddha nature in the true mind, let us put our hands together to sincerely pray for ourselves, for all beings, and for the world to be at peace; fondly regards our fellow beings with mutual respect so that humanity can live in peace and happiness.

Hayward, August 6th, 2010
Thích Từ-Lực

(1) Original Flower Ornament Sutra verse quoted in Vietnamese, "y kinh thuyết giáo tam thể Phật oan, ly kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết."

(2) Original verses quoted in Vietnamese:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.*





RỪNG MẮM THE FRONTIER FOREST

Đất nước Việt-nam cứ mỗi năm dài thêm ra được độ chừng 20 thước vì được bồi bởi đất phù sa của giòng sông Cửu-Long tại vùng Năm Căn, Cà Mau...

Vùng đất mới được bồi thêm vì quá gần Biển Đông nên đất còn chứa nhiều "nước mặn phèn chua" vì vậy không một loại cây nào có thể sống được ngoại trừ cây Mắm.

Cây Mắm làm nhiệm vụ hút hết "nước mặn phèn chua" rồi gục chết và làm phân bón cho một loài cây khác là cây Tràm.

Cây Tràm làm tiếp nhiệm vụ được giao là hút sạch "nước-mặn + phèn-chua còn sót lại" và giữ nước do những cơn mưa mùa và nước ngọt từ giòng sông Cửu-long + biển-hồ Tonlésap chảy ngang qua trước khi xuôi giòng ra biển.

Vài trăm năm sau những người di dân đã đến vùng đất này, thấy đất đã thuần có thể trồng trọt được nên kéo nhau đến định cư và bắt đầu khai-hoang chặt bỏ cây Tràm để trồng trọt sinh sống.

Dân khai hoang lúc đầu lư thưa, năm ba người, nhưng càng về sau càng đông và những Ruộng Lúa + Vườn Cây ăn trái đã thành Trù-phú như hôm nay chúng ta đã thấy...

Trước năm 1975, khi đi hành quân ngang qua cánh đồng mênh mông lúa chín và xa xa là những vườn cây ăn quả, tôi lặng người sững sờ trước một cái trũng nước rộng đường kính độ chừng vài chục thước, và thấy còn sót lại năm ba cây Mắm bên cạnh gần chục cây Tràm dưới đáy trũng nước u buồn, xa xa là vườn cây xanh mát, xung quanh là cánh đồng lúa chín reo vui và tôi ngậm ngùi cất bước...

Tâm Nghĩa - Lê Hữu Đàng

Viet Nam, our beloved homeland, gets a bit longer every year, about 20 meters or so because of alluvial deposits from the Mekong River in Ca Mau, the Southernmost part of the country.

Due to its close proximity of the East Sea, the new land contains high level of "alum salt water" or salinity level and thus are unable to sustain plant life, excepted for Cây Mắm.

Cây Mắm extracts the "alum salt " or salinity out of the water and then died to become fertilizer for other crops - Cây Tràm.

Cây Tràm then does the remained task of cleaning up the leftover salty water that. It also holds rain water and keep the fresh water from the Mekong River, which originates from Tibet and run through Biển Hồ - Tonlésap in Cambodia before flowing out to the sea in Vietnam.

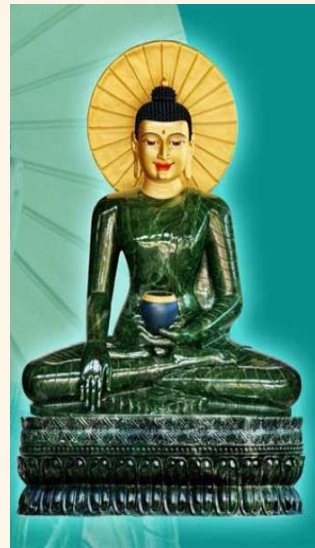
For hundreds of years afterward, the immigrant has come across this land and seen that it was tillable and thus they settled down and began cleaning the land, chopping down Cây Tràm for more profitable farming.

The settlers are thin at first, four or five people, but many would come later to plant prosperous rice fields and orchards seen today.

Before 1975, when marching through the vast fields of grain and the orchards at distance, I was stunned to witness a still ponds that has a few Cây Mắm leftover with a dozen or so Cây Tràm side by side stand in endless time. Nowadays, the land is as green as a mat, surrounded by orchards and the dancing rice fields, and I mournfully walked-on by.

Translated by **Phe Bach**

Lịch Trình Triển Lãm Phật Ngọc năm 2010 & 2011



2010

27 November - 5 December 2010

Chan Khong Monastery
1105 Hind Iuka Drive Honolulu, Hawaii, USA -Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai + 1 808 373-4608

2011

04 - 09 January 2011

LA Convention Centre
1201 South Figueroa Street, Los Angeles, California 90015

14 - 23 Jan 2011

Minh Dang Quang
3010 W. Harvard Street Santa Ana, CA 92704, USA

12-22 February 2011

Phat Da Temple
715 Vista Ave., Escondido, CA 92026. USA. Contact: Senior Venerable Thích Nguyên Siêu. Tel: 1. 619 283 7655; 760 739 8063

19-28 February 2011

An Lac Mission
901 S. Saticoy Avenue, Ventura, California, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Thong Hai—Tel: 808-373-4608

05-13 March 2011

Nhu Lai Meditation
2421 West Glenrosa Ave, Phoenix, Arizona, USA
Contact: Ven. Abbot Thich Minh Hoi

19-27 March 2011

Kim Cang pagoda
4771 Browns Mill Rd, Lithonia Georgia, USA—Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Dat.

02-10 April 2011

Vietnamese Buddhist Association of Savannah / Cat-Tuong Temple
2619 US Highway 80, Garden City, Georgia, USA

12 - 19 April 2011

Phap Hoa Temple
4706 N. Arkansas Avenue, Wichita, KS 67204, USA

20-30 April 2011

Truc Lam Buddhist Temple
1521 W. Wilson Avenue, Chicago, Illinois, USA Contact: Ven. Abbot Thich Hanh Tuan

02 - 08 May 2011

Minh Dang Quang Meditation
208 S. Allentown Rd, Telford, PA 18969, USA

04-12 June 2011

Phật Huệ Temple
Hanauer Landstrasse 443 - 60314, Frankfurt am Main, Germany
Contact: Ven Thich Thien Son +49 694 844 980

18-26 June 2011

Vien Giac Temple
Karlsruher Strasse 6, Hannover, Germany
Contact: Most Ven. Thich Nhu Dien & Ven Thich Hanh Gioi, +49 051187 9630

02-10 July 2011

Linh Thuu Nun Temple
Heidereuter Str. 30
13597 Berlin, Germany
Tel: 0049-303-6711287; 0049-303-6711287

16-24 July 2011

Lien Tri Nun Temple
Kamenzer Str. 1
04347 Leipzig
Munich, Germany
Tel: 0049-3412-346230 0049-3412 -346230

30 July - 7 August 2011

Tu Dam Temple, Midland Buddhist Association
34 Holyhead Rd. Handsworth, Birmingham, United Kingdom
Contact: Senior Ven. Thich Phuoc Hue +44 12 1551 8614



TRÂN TRỌNG CÚNG DƯỜNG PHẬT NGỌC

Cư sĩ Nguyễn Giác – Phan Tân Hải

Tôi đã đến với Phật Ngọc với tâm thành sùng kính, đã trân trọng với từng lời nói lên và với từng câu viết xuống, tất cả đều từ nhất tâm cúng dường trọn thân tâm mình cho Chư Phật.

Trước khi Phật Ngọc tới, tôi đã hoan hỉ chờ đợi, cầu nguyện cho sớm tới ngày cung nghinh. Khi Phật Ngọc tới, tôi tới để nhìn ngắm, hoan hỉ chụp hình, viết tin, chia sẻ niềm vui với những đồng người lũ lượt tới chiêm bái. Và khi Phật Ngọc chuyển đi, lòng tôi biết rằng có gặp tất có chia lìa, có sinh tất có tử, và thâm cảm thọ nhận pháp vô thường của Chư Phật.

Cùng với chúng sinh trời nổi giữa cõi tối tăm đau khổ và hướng về Phật Ngọc cầu nguyện, lòng tôi đã vui mừng khi thấy nhân duyên lành đang khởi mở. Đứng nhìn Phật Ngọc, tôi vui mừng thấy tâm mình là Phật, thấy tâm mình là Ngọc, thấy cõi này là Phật, thấy cõi này là Ngọc... tất cả vọng niệm chỉ trong một sát na đã trở thành hoa niêm bay khắp trời.

Đó là những gì tôi đã cảm nhận qua hai lần gặp Phật Ngọc. Lần đầu ở Tu Viện Pháp Vương, San Diego, lần thứ nhì ở Chùa Bát Nhã, Santa Ana. Trong đời, có những khoảnh khắc không quên được: với tôi, đó là tâm thành hoan hỉ khi chiêm bái Phật Ngọc. Trong đời, có những hình ảnh không quên được: với tôi, đó là khi chiêm bái Phật Ngọc, và hình ảnh này theo tôi nhiều ngày sau, cả khi mở mắt hay nhắm mắt. Không phải là tuyệt vời hay sao, khi đời người trải qua những cảm nghiệm tinh tuyền như thế.

Trong bản kinh "Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh", bản do ngài Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm dịch Phạn Hán, và do ngài Thích Tịnh Nghiêm dịch Hán Việt, nơi Phẩm Mười Bảy, tựa đề "Cúng Dường Tam Bảo" đã có những lời như sau, trích:

"...Thiện nam tử! Đức Như Lai là kho tàng của tất cả các pháp, cho nên người trí phải chí tâm siêng cần cúng dường các Đức Phật hiện còn tại thế, hoặc xá lợi, hoặc hình tượng, tháp miếu của các Ngài. Nếu ở nơi hoang vắng không có tượng tháp, thường phải nhớ tưởng, tôn trọng tán thán. Hoặc tự sức mình làm, hoặc khuyến khích người khác làm tượng, tháp. Lúc thấy người khác đang làm, sinh tâm vui mừng. Nếu như người đó đã có đầy đủ thể lực phước đức, phải nên dạy dỗ cho nhiều người khác cùng làm. Sau khi đã cúng dường, không nên tự khinh, hoặc khinh Tam Bảo. Không nên sai bảo người khác làm việc cúng dường cho mình, hoặc không nên vì muốn hơn người khác mà cúng dường. Lúc cúng dường, tâm không hối hận, tâm không sầu não, mà phải chấp tay ca ngợi, cung kính, tôn trọng tán thán

Tam Bảo. Nếu dùng một đồng tiền, nhẫn đến vô lượng trân bảo, hoặc cúng dường một sợi tơ, nhẫn đến vô lượng tơ lụa, một cành hoa nhẫn đến vô lượng bông hoa, dùng một bài kệ ca ngợi nhẫn đến vô lượng bài kệ ca ngợi, lay một lay nhẫn đến vô lượng lay, đi nhiều một vòng nhẫn đến vô lượng vòng, cúng dường như thế, hoặc trong một thời, hoặc trong vô lượng thời, hoặc tự mình làm, hoặc làm cho người khác.

Thiện nam tử! Nếu có thể chí tâm cúng dường Phật pháp tăng như vậy, như lúc Ta còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, sự cúng dường cũng nên như thế, không nên có sự khác biệt. Khi gặp tháp miếu, nên dùng vàng, bạc, đồng, sắt, tràng phan, bảo cái, âm nhạc, hương, dầu, đèn mà cúng dường. Nếu thấy chim, thú giẫm đạp làm hư hỏng, cũng nên sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Nếu thấy chỗ gió lớn, nước, lửa làm hư hỏng, cũng nên sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Nếu tự mình không đủ sức, nên khuyến người khác tô, sửa. Khi tô, sửa, nên dùng chất liệu như vàng, bạc, đồng, thiếc, đất, gỗ. Nếu có bụi bặm, phải quét tước, lau dọn, nếu có chỗ như nhớp, nên dùng nước thơm mà rửa.

Nếu như xây dựng bảo tháp hoặc bảo tượng, xây xong, nên dùng các loại tràng phan, bảo cái, hương, hoa mà cúng dường. Nếu như không đủ khả năng sắm sửa trân bảo, thì có thể dùng cây, đất để xây dựng tượng tháp, xây xong cũng dùng tràng phan, bảo cái, hương hoa và các loại âm nhạc mà cúng dường..." (hết trích)

Lần đầu nhìn thấy Phật Ngọc là ở San Diego. Tôi lái xe chờ vợ con từ Quận Cam tới Tu Viện Pháp Vương. Lúc đó là một ngày trước Lễ Khai Mạc. Trời mưa tầm tã. Tôi đứng nhìn, chụp hình chửi Tăng sửa soạn cho lễ, chiếc trống khổng lồ được đưa ra khỏi chính điện một cách cẩn trọng và gian nan. Làm sao quên được hình ảnh các ông tăng thanh niên xúm lại khiêng chiếc trống giữa lúc mưa lấm tẩm. Lý do tới một ngày trước lễ bởi vì, tôi nghi việc vào Thứ Bảy, và Lễ Khai Mạc Chiêm Bái là vào Chủ Nhật. Đứng trước Phật Ngọc đặt nơi trang trọng nhất trên đồi ở khuôn viên Tu Viện Pháp Vương, tôi hỏi đứa con trai, rằng con thấy gì không. Cậu nhóc 15 tuổi rồi, nói tiếng Việt giọng lơ lớ rằng thấy, con thấy ông Phật. Lúc đó, Thầy Thích Nguyên Siêu đang hướng dẫn chửi Tăng khiêng bàn ghế, sửa soạn sân khấu. Có một số người cũng tới trước một ngày như chúng tôi, có cả người Mỹ, và tất nhiên là người Việt hơn.

Tôi nói với cậu con, rằng con may mắn lắm. "You are so lucky, man." Cậu nhóc hỏi lại, "Why?" (Tại sao)

Tôi nói, có những người họ nhìn mà không thấy, họ nghe mà không biết,

họ đọc mà không hiểu. Tội nghiệp. Cậu nhóc nói, thì ông Phật xanh này cũng vậy thôi, chỉ đẹp hơn các tượng khác. Cậu con tôi đã từng làm trưởng một lớp Thiền Thiếu Nhi ở một thiền viện Quận Cam trong vài năm, tới năm 13 tuổi mới nói rằng con xin ba mẹ cho ở nhà, vì ngồi Thiền ở nhà cũng được, nếu ba muốn con phải ngồi. Thế là lúc đó, tôi xin cho cậu nhóc nghỉ lớp Thiền, và đẩy vào Hướng Đạo để chạy nhảy.

Lần thứ nhì gặp Phật Ngọc là tại Chùa Bát Nhã, nơi hiện vẫn còn trong Lễ Chiêm Bái cho tới hết chủ nhật 31-10-2010. Tôi sửa soạn để chờ vợ con đi xem, lúc đó là 8 giờ tối Thứ Tư, vài ngày trước Lễ Khai Mạc Chiêm Bái.

Tôi hỏi cậu con mình, rằng con muốn đi xem Phật Ngọc không, ba sẽ chờ đi cùng mẹ. Cậu con nói, rằng con không muốn xem, vì con đã xem rồi. Cũng cần ghi thêm rằng, khi cậu bé mới 4 tuổi, mỗi cuối tuần tôi đã chờ con mình đi khoảng 10 chùa khác nhau, tới mỗi chùa tôi đưa cậu 1 đô la để nhét vào Thùng

Phước Sương và dạy lời nguyện, "I wish for everybody OK, happy... and all will become a Buddha." Liên tục nhiều năm như thế, cho tới khi việc làm quá nhiều, sức mình quá mệt, và cậu nhóc được đẩy vào chùa học Thiền. Thôi được, con cứ ở nhà.

Phật Ngọc, tuyệt vời. Đêm Thứ Tư, tôi thỉnh Thầy Thích Nguyên Trí ra đứng bên các bạn thanh niên đang chiêm bái cầu hũ sửa soạn cho Lễ An Vị hôm sau. Thầy cười vui như mở hội. Các thanh thiếu niên, các bà cụ trong bếp nhà chùa lúc đó cũng cười vui như mở hội.

Tuyệt vời là Phật Ngọc. Xin trân trọng góp lời ca ngợi Phật Ngọc.

(ở đây xin lược bớt một đoạn thông tin về chương trình cung nghinh Phật Ngọc tại Chùa Bát Nhã, Santa Ana, vì đại lễ này đã hoàn mãn - chủ của tòa soạn Chánh Pháp)

(Việt Báo Thứ Tư, 27/10/2010)

Dưới ánh nến hồng

Đêm hoa đăng, kỷ niệm 35 năm phục vụ và phát triển của Phật giáo miền Bắc California

*Ngàn tim thốt thức
Thắp sáng đèn tâm
Nến lay theo gió
Lung linh lung linh*

*Ngàn tim thốt thức
Gió bay đường mây
Quyện trong tình lặng
Hương lòng ngất ngây*

*Ngàn tim thốt thức
Âm thanh như thừa
Nhớ câu niệm Phật
Di Đà phương tây*

*Ngàn tim thốt thức
Ngàn nến long lanh
Phật ngồi thông thả
Vấn một nụ cười.*



TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Sacramento, 2010



BÓNG NHỎ CHIỀU THU

Lam Khê

Mưa rả rích suốt cả buổi chiều. Trời đã vào thu. Cơn mưa thảng bầy diu dặt âm u phả lên bầu trời một màu khói mây lằng đặng. Sân chùa yên vắng. Mấy chú chim sâu thường ngày hót vang inh òi, lúc này cũng run rẩy nép mình dưới những tàng cây cao. Tôi ngồi trực phòng khách không biết làm gì hơn là ngắm mưa rơi và ngâm nga bài thơ kệ. Mưa gió thế này thì chẳng ai đến chùa làm gì.

Chiếc Atila vừa chạy xe vào sân. Nhìn thoáng qua, tôi nhận ra ngay dáng vóc nhỏ nhắn quen thuộc của chị. Quả là một nữ Phật tử thuần thành. Chị đến chùa vào mỗi chiều tan tầm, bất kể mưa to gió lớn, nước dâng ngập đường. Sư huynh tôi nhiều lần lấy chị làm tấm gương sách tấn mấy huynh đệ:

- Phật tử Diệu Ân tinh tấn còn hơn mấy chú ở chùa. Mấy chú chó có xem thường. Mai này qua cầu giải thoát, hàng Phật tử tinh tấn thì bước trên cầu. Còn người xuất gia mà giải đãi biếng trễ thì phải đi ở dưới... Có học có hành càng phải chuyên tu mới thành tựu đạo quả.

Chị rũ áo mưa ngoài hành lang, nhìn qua thấy tôi liền gật đầu chào:

- Dạ! Diệu Ân chào sư chú.

Tôi vừa cạo xong chòm tóc để thợ sa đi. Sư huynh là trụ trì, nên Phật tử đến chùa thường gọi tôi là sư chú.

Hai hôm rồi chị không đến chùa. Chị vừa trở về sau chuyến đi làm từ thiện từ miền cao nguyên lạnh giá...

Thấy chị xách giỏ trái cây đi ngang phòng khách lên chánh điện, tôi khẽ reo lên:

- A! Phật tử Diệu Ân đi cứu trợ vùng xa còn mang quà về cúng chùa. Mà chị mua chỉ nhiều dữ vậy.

Chị cười, vẻ rạng rỡ thành kính:

- Dạ Diệu Ân mua ít trái cây, trước cúng Phật, sau để quý thầy và mấy chú dùng...

- Có cả hoa tươi Đà Lạt và hoa bắt từ nữa...

- Dạ.. giỏ hoa cúng cho con bé. Nó rất thích hoa bắt từ.

Tôi lý sự:

- Chị ấy đã trở thành hoa bắt từ... trong lòng mẹ rồi còn gì.

- Chị trầm giọng lễ phép:- Dạ! Vâng...

Hai năm trước... cũng vào một buổi chiều mưa gió thế này, tôi ngồi tiếp một nữ tín chủ đến chùa với vẻ mặt sầu bi ủ rũ. Người phụ nữ có gương mặt dịu dàng, nhưng ánh mắt chất chứa cả bầu trời thương đau bị dồn nén đến tận cùng. Chị đưa tôi phong bì xin ghi tên cúng thất cho đứa con gái mới mất. À! Một người mẹ mất con. Thảo nào mà chẳng đau buồn. Tôi nhìn lướt qua. Còn trẻ thể mà đã sớm lìa xa cõi thế. Khi chị lên chánh điện lễ Phật, tôi len lén nhìn theo, chỉ là tò mò thôi. Chợt nghe lòng dấy lên một niềm thương cảm xót xa. Ngày tôi trốn gia đình đi xuất gia, mẹ thương nhớ khóc suốt một thời gian dài. Sinh ly đã vậy, tử biệt càng muốn phần thống thiết. Phật đã

vị nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển mà.

"Có người đến chùa vì lòng thâm tín mộ đạo, muốn học hỏi tu tiên. Có người muốn tìm sự bình yên tĩnh lặng trong giây lát. Cũng có người thất bại công danh sự nghiệp hay vì đau khổ tình trường mà tìm đến chùa để mong được khuây khỏa giải bày. Phật lắng nghe tất cả. Ánh mắt từ bi thương cảm của Phật xoa dịu hết những tâm hồn đau thương lạc lõng" Tôi nhắm đọc câu mà lúc sinh tiền sư phụ thường hay nói để suy nghiệm sự đời qua triết lý nhà Phật. Và tự nhiên thấy mình cũng là một... tiểu hành giả của Như Lai, có trách nhiệm lắng nghe và giải bày chầu niềm vui nổi buồn của nhân thế.

Lễ Phật xong, chị xuống phòng khách đưa cho tôi tấm hình cô con gái xin thờ lại trong chùa. Chị nhìn ảnh con, mắt đong đầy ngần ngại:

- Tôi muốn thờ cháu ở nhà. Nhưng người ta bảo không nên. Cháu bị tai nạn chết trẻ quá, cần phải ở chùa để nghe kinh kệ. Tôi không thường đi chùa nên không hiểu biết. Xin thầy chỉ dạy... gia đình phải làm gì để vong hồn cháu được sớm siêu thoát. Vợ chồng tôi chỉ có mình nó. Nó là tất cả...

Chị quay mặt ra sân như để cố kiềm chế một tiếng nấc. Tôi vội nói:

- Dạ! Ảnh cô cứ để đây, Minh Đăng sẽ thưa lại với thầy trụ trì! À! Cô gọi Minh Đăng là chú được rồi. Minh Đăng chỉ mới thợ sa đi thôi...

Chị không quan tâm điều tôi vừa nói. Lòng dạ người mẹ tan nát vì mất con thì gọi thầy hay chú có gì là quan trọng. Ngồi một lúc chị bắt đầu kể về cô con gái duy nhất của mình. Vợ chồng chị dành hết tình yêu thương, dồn bao tâm sức tiền bạc lo cho con ăn học trong điều kiện tốt nhất. Cô lớn lên trong cảnh ấm êm sung túc của gia đình, xinh đẹp, ngoan hiền và học giỏi các môn khoa học tự nhiên lẫn xã hội. Sau bao năm dùi mài kinh sử, cô tốt nghiệp đại học với văn bằng ưu tú, có việc làm tốt, lương cao. Vợ chồng chị rất tự hào và hạnh phúc như bất cứ bậc cha mẹ nào nhìn thấy con mình thành đạt. Vậy mà niềm hạnh phúc ấy lại quá mong manh chóng vánh. Một buổi sáng đi làm, cô bị tai nạn rồi ra đi mãi mãi:

- Tôi bây giờ cũng như người chết rồi. Con mất. Chồng lâm bệnh. Tôi phải gắng gượng để làm điểm tựa cho chồng... chỉ còn biết đi chùa cầu nguyện...

Đợi chị dứt xong câu chuyện bi thương, tôi bắt đầu vận dụng chút kiến thức Phật học mà mình có được để thuyết một bài pháp ngắn. Tôi nói rằng con người sanh ra đời không ai tránh khỏi định luật vô thường sanh diệt. Không ai- kể cả Phật có thể làm thay đổi cái định luật bất di bất dịch đó. Thời Phật tại thế, có người đàn bà ôm đứa con mới chết của mình đến xin Phật ra tay cứu sống. Bà chỉ có một mình nó. Và nó là tất cả cuộc sống của bà. Phật dạy bà đi xin một nắm tro của gia đình nào từ xưa tới giờ chưa từng có người chết. Bà đi tìm khắp, nhưng

không nhà nào lại không có cảnh tang thương tử biệt. Thế là bà giác ngộ. Bà hiểu và chấp nhận hoàn cảnh bất hạnh của mình. Từ đó bà hướng lòng về Phật pháp...

Chị ngồi yên, mắt dán chặt vào di ảnh con. Chị đang lắng nghe hay còn mãi đắm chìm trong nỗi suy tư sâu muộn. Tôi không thể nhận biết nên đành tiếp tục bài thuyết pháp của mình. Ngoài trời mưa gió. Trong căn phòng nhỏ, tôi cất giọng đều đều cố để lẫn áp cơn mưa giông đang âm ỷ trong lòng người mẹ. Chị lắng nghe mà vẻ mặt thờ thẩn ngây dại của người chìm trong mộng du. Tôi nói rằng trên đời này không có gì đau khổ hơn khi trẻ già phải khóc măng non. Mất một đứa con, lại là con một, thì sự sống của mẹ cũng chết dần chết mòn. Nhưng người chết rồi thì không thể sống lại. Lòng thương con lúc này cần phải chuyển theo chiều hướng thiết thực hơn để mong cứu rỗi vong linh người mới mất. Trong vòng bốn chín ngày vong hồn người chết còn vất vưởng chờ vợ. Đây là lúc mà người thân trong gia đình cần đến chùa tụng kinh, chí thành khẩn nguyện cầu siêu bạt độ, làm điều phước thiện hồi hướng công đức. Có như vậy thì người còn kẻ mất đều có phần phước đức...

Dù chị lắng nghe tôi với lòng thành kính hay vì phép lịch sự thì ít ra chị cũng có đôi chút am hiểu tinh ngộ. Tối hôm đó... chị đến chùa với hàng đèn hoa quả bày trước bàn linh rồi ở lại tụng kinh. Suốt bốn chín ngày, trên bàn linh cô gái trẻ lúc nào cũng đầy hoa tươi, bánh trái, khói hương nghi ngút. Người mẹ làm những gì có thể làm cho đứa con gái vẫn sống. Sáng chị đến chùa, đứng lặng trước di ảnh con. Chiều tối chị lên chánh điện, quỳ lạy Phật và nghe quý thầy tụng kinh. Cúng chung thất con xong, chị vẫn đến chùa mỗi tối. Hai năm rồi, bước chân đi về của chị đã trở nên quen thuộc dưới mái chùa. Tiếng tụng kinh của chị cũng hòa nhập ngân vang trong một không gian ấm cúng đạo tình.

Thấy chị thường đến một mình, tôi hỏi:

- Sao chị không dẫn ông nhà đi tụng kinh luôn?

Chị đáp nhỏ nhẹ:

- Ông thích lắm, nhưng bệnh không thể ngồi lâu được... chú à. Ông thích đọc và nghiên cứu kinh sách của mấy chú cho mượn...

- À! Mà chị đọc những sách đó có hiểu không? Tôi hỏi vì biết mấy chú nhà mình thường cho chị mượn nhiều bộ kinh sách mang tính triết lý sâu xa.

Chị trầm ngâm gật đầu:

- Dạ Diệu Ân đọc lúc rảnh rỗi, có hiểu đôi chút.

- Nghe nói Diệu Ân có đi làm từ thiện.

Chị cười nhũn nhặn:

- Dạ đâu có gì... chỉ là đi theo mấy chị ban cho vui.

Chị đi làm từ thiện cho vui... với cả tấm lòng nhiệt tình và cũng thường xuyên vào các ngày cuối tuần. Chị tìm tới những khu dưỡng lão, viện mồ côi xa tít ngoài vùng ven. Chị cũng đến những các buôn làng nằm trên các rẻo cao thưa vắng. Mỗi chuyến đi là mỗi tấm nhìn được mở rộng. Mỗi chuyến đi giúp chị nhận thức rõ hơn bức tranh muôn màu của kiếp sống nhân sinh.. Chị có được những giây phút tĩnh lặng trước cảnh đồng quê sống nước hữu tình. Chị thích thú ngắm nhìn bao vẻ đẹp nên thơ của núi đồi hùng vĩ. Và chị cũng xúc động thật nhiều khi đối diện với những mảnh đời bơ vơ khốn khổ. Ngày qua ngày, những chuyến đi đã phần nào xoa dịu nỗi đau mất con của người mẹ. Chị hiểu rằng trên cuộc đời này còn rất nhiều người bất hạnh hơn mình. Chị và yêu thương cuộc đời bằng cả tấm lòng sẻ chia thành thật.

Gian phòng khách là nơi cất chứa thực phẩm gạo mì và cả áo quần cũ mà tôi tiếp nhận từ các Mạnh Thường Quân. Cuối tuần chị tới chùa cùng nhiều nguồn hàng quyên góp của bạn bè thân quyến. Tất cả được đóng gói và chuyển lên xe. Những chuyến xe đưa chị cùng bạn bè trong nhóm từ thiện đi đến những nơi cần đến. Trong giỏ sách chị đựng đầy các tài liệu in ra từ các bài kinh nhật tụng, các bài sám... những bài giới thiệu về phương pháp dưỡng, chế độ dinh dưỡng:

- Chị in tài liệu này để phát cho người ta à ?

- Dạ! Diệu Ân in mấy bài kinh sám ngắn để các cụ già để đọc để thuộc. Còn phương pháp dưỡng sinh thì dạy cho các em thanh thiếu niên, giúp chúng bảo vệ bản thân và môi trường sống trong điều kiện tốt nhất.

- Chị biết phương pháp dưỡng sinh?

- Trước đây Diệu Ân có phụ trách bộ môn dưỡng sinh ở câu lạc bộ thể thao Quận.



Tôi liền gợi ý:
- À! Vậy Diệu Ân đến dạy cho mấy chú tập dưỡng sinh mỗi sáng đi. Mấy chú nhà mình chỉ biết lo học, không chú ý đến vấn đề thể dục thể thao, giữ gìn sức khỏe gì hết.

- Dạ... Nếu mấy chú thích thì Diệu Ân sẽ dạy.

Tôi lắc đầu:
- Nói vậy thôi. Chị đưa tài liệu cho mấy chú tập là được rồi. Trông chị nhỏ nhắn thế mà ban ngày đi làm, tối tụng kinh, cuối tuần còn đi làm từ thiện. Thời giờ sức lực đâu mà chịu nổi. Lại còn công việc nhà nữa.

Chị cười:
- Sức tới đâu làm tới đó chứ có nhiều nhặng gì đâu sợ chứ. Diệu Ân từng đến các trại phụng, đến những nơi điều trị các căn bệnh hiểm nghèo của xã hội. Có rất nhiều y bác sĩ và cả những vị tu sĩ trẻ đang dần thân vì người bệnh suốt cả ngày đêm. Các vị làm việc trong môi trường dễ bị lây nhiễm mà chẳng chút bận tâm, ghê sợ. Ánh mắt nụ cười của các vị luôn niềm nở bao dung. Lòng từ bi thôi thúc các vị dẫn thân phục vụ chúng sanh không chút vụ lợi. Họ chính là Bồ Tát hiện thân trong đời...

Tôi gật đầu:
- Vâng! Bồ Tát hiện thân trong đời với nhiều tâm nguyện và hình thức khác nhau. Họ là những vị tu sĩ, những người mang màu áo trắng blu thánh thiện, và những người cư sĩ giàu tâm đạo như chị đều là Bồ Tát...

Chị lắc đầu:
- Dạ thưa... Diệu Ân đang tập sự làm một cư sĩ tại gia bình thường chứ nào dám phát nguyện hành Bồ Tát đạo...

Tôi cười:
- Thì chúng ta cũng là những người đang tập sự. Những vị Phật, Bồ Tát tương lai trong đời thường...

Thấy chị xuống nhà xe chuẩn bị mặc áo mưa ra về, tôi hỏi với theo:

- Diệu Ân không ở lại tụng kinh sao?.

- Dạ tối nay Diệu Ân xin phép nghỉ tụng một bữa. Có mấy đứa cháu dưới quê lên chơi. Ông nhà đang bệnh. Mấy hôm rồi vắng nhà... Tuần tới lại theo đoàn bác sĩ từ thiện xuôi về miền sông nước...

Tôi bắt đầu thuyết giảng:
- Đi làm từ thiện hay ở nhà mà giữ được tâm an lạc thanh tịnh cũng là tu rồi, chị ạ! Người hành Bồ Tát đạo thì ở bất cứ đâu cũng tu được.

Chị cười. Nụ cười hiền lành tự tin của người luôn biết vượt qua chính mình. Chị đang dò dẫm trên lối về - Theo cách ví von của chị. Nhưng trên mỗi lối về của chị có nhiều hoa thơm cỏ lạ, ước mơ niềm tin và lễ sống ngày mai.

Bóng nhỏ chiều thu khuất dần sau làn mưa mây lất phất bụi mù.

Lam Khê



CHÁNH PHÁP

PHẬT GIÁO: VĂN HÓA ĐỌC & VĂN HÓA NGHE NHÌN

Minh Thạnh

Văn hóa nghe nhìn, sự xuống dốc của văn hóa thể giới?

Đó là ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu văn hóa trên thế giới và cả ở Việt Nam. Điều này được cảnh báo trước sự phát triển ồ ạt của TV, video và multimedia trên Internet. Sách vở in với số lượng ngày càng ít hơn, nhiều tờ báo giấy trên thế giới giảm số phát hành, thậm chí đóng cửa. Người ta thích xem phim truyền hình nhiều tập dài lê thê hơn là đọc tiểu thuyết. Người ta thích vừa xem hình, vừa nghe tin trên TV hơn là đọc chữ trên báo. Các nhà nghiên cứu cảnh báo về một đời sống văn hóa nông cạn hơn. Trong đó, người ta lười tư duy hơn, tư duy ít hơn và sơ sài hơn, mức độ tập trung khi tiếp xúc với văn hóa phẩm hồi hợt hơn, trong đó, vai trò của ngôn ngữ ngày càng sút giảm.

Trong bối cảnh như vậy, thì quảng bá, cổ động việc sử dụng các phương tiện truyền thông nghe nhìn hiện đại như TV, video, audio, multimedia... trong Phật giáo liệu có là điều nên làm? Nó có làm xuống cấp văn hóa Phật giáo đối với văn hóa xã hội như các nhà nghiên cứu văn hóa cảnh báo? Nó có làm xao động cuộc sống tu hành vốn yên tĩnh, trầm mặc, sâu lắng, không phù hợp với sự chớp nháy của màn ảnh truyền hình, sự ồn ào của âm thanh ra rả? Bài viết này sẽ bàn luận về những vấn đề nêu trên.

Vấn đề "tùy thuận chúng sinh"

Lo ngại của các nhà nghiên cứu văn hóa là đúng, và đặt vấn đề như đã nêu đối với Phật giáo là hoàn toàn có cơ sở. Không hẳn khoản làm sao được khi trẻ em, theo một vài số liệu thống kê, thì xem TV 26 giờ/tuần (ở Ấn Độ). Chẳng những các em không còn đọc tác phẩm văn học, mà việc xem các chương trình truyền hình TV chiếm nhiều hơn thời giờ dành cho đi chơi, giao tiếp với người thân, bạn hữu, và gần bằng thời giờ đi học. Người lớn có thể chịu ảnh hưởng TV ít hơn, nhưng văn hóa nghe nhìn đã làm cho có thanh niên chết vì chơi game, đi bệnh viện vì Internet...!

Nhưng đó là một xu thế không thể đảo ngược được của sinh hoạt văn hóa thế giới, ngay cả việc làm chậm lại cũng không thể. TV ngày càng rẻ, rẻ đến mức chỉ bằng một bữa ăn nhà hàng của một gia đình châu Á. Số kênh truyền hình thì "đại náy vọt". Các công nghệ mới cho phép trên TV và trên máy vi tính nhận đến cả ngàn kênh truyền hình, chứ không phải là vài chục kênh như trước đây nữa. Và thế là người ta phải làm chương trình thật hay để giành giật khán giả.

Máy vi tính cũng xuống giá đến không ngờ. Một học sinh trung học gia đình loại thu nhập trung bình

cũng đã có thể nghĩ đến chuyện sở hữu một máy vi tính. Những người trong giới trí thức thì đi đâu cũng mang theo Laptop. Trong khi đó, tốc độ video hóa các trang web tăng vọt, có trang web video có đến hàng trăm triệu người truy cập mỗi ngày. Rõ ràng, một sự đảo lộn cơ cấu văn hóa đang diễn ra.

Phật giáo chúng ta phải đứng trước sự lựa chọn. Hoặc đứng ngoài sự thay đổi cơ cấu đó. Hoặc tham gia cùng với nó. Điều trở trệ là các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo lại nằm trong số 5 quốc gia trên thế giới dẫn đầu "về số các gia đình thay đổi máy truyền hình hàng năm, từ 1980 đến 1997" theo báo cáo năm 2000 của UNESCO. Đó là Trung Quốc, Sri Lanka, Mông Cổ, Ấn Độ và Thái Lan. Những con số khách quan liên hệ đến những quốc gia chịu ảnh hưởng văn hóa Phật giáo này nói lên điều gì? Phật giáo có thể lựa chọn vị trí đứng ngoài sự chuyển đổi cơ cấu văn hóa này chăng?

Trong mười hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, có một hạnh nguyện là "tùy thuận chúng sinh". Chúng sinh đã như vậy, thì Phật giáo cũng không thể không "tùy thuận", huống nữa là các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo lại dẫn đầu về sự "tùy thuận" này. Không muốn "tùy thuận" cũng không được.

Bảo văn hóa nghe nhìn là xa lạ với Phật giáo là không hoàn toàn đúng

Phật giáo chỉ không chấp nhận cái kiểu văn hóa nghe nhìn mất cân đối theo kiểu hiện đại bỏ ăn, bỏ ngủ đến bệnh tật, chết người để ôm TV hay màn hình vi tính. Theo chúng tôi, Phật giáo là một tôn giáo thành lập trước khi có việc ghi chép bằng văn tự, nghĩa là trước khi có văn hóa đọc. Yếu tố nghe nhìn có ảnh hưởng quan trọng đến văn hóa Phật giáo. Sự tiếp nhận tư tưởng Phật giáo thông qua việc nghe đã đóng một vai trò quan trọng trong nhiều thế kỷ. Việc tín ngưỡng Phật giáo cũng liên hệ nhiều đến yếu tố "nhìn" thông qua sự đa dạng, phong phú với số lượng cực lớn hình tượng chư Phật, chư Bồ-tát. Thực tế đó là nhằm thỏa mãn nhu cầu "nhìn" của mắt.

Phật giáo là tôn giáo phủ nhận việc chấp trước vào phương tiện

"Đọc" hay "nghe, nhìn" chỉ là phương tiện phục vụ cho việc đạt được mục đích. Mà hễ là phương tiện, thì cái nào phục vụ hữu hiệu cho việc đạt mục đích, cái nào phù hợp với nhân sinh và thời đại, thì điều có thể sử dụng, bất kể nó là "đọc" hay "nghe nhìn". Cho là văn hóa "đọc" tốt hơn, phù hợp hơn với Phật giáo, hoặc ngược lại, đánh giá cao một cách chủ quan "văn hóa nghe nhìn", đều là hai thái cực cần tránh. Văn hóa đọc đã có truyền thống đối với Phật giáo, thì tại sao "văn hóa nghe

nhìn" không thể tạo ra một truyền thống mới, trong khi cả hai đều là phương tiện, một thứ bè để chuyên chở giáo pháp, một dạng thức "bè của bè". Bè đã không nên chấp, huống nữa là đối với "bè của bè"!

Văn hóa Phật giáo có những đặc điểm, yêu cầu khác với văn hóa thể tục nói chung

Tin tức thời sự quốc tế trên TV có thể hấp dẫn công chúng hơn tin tức, thời sự trên báo in, nhưng đối với người theo đạo Phật, tin tức, nghĩa là chuyện thế gian, không quan trọng. Tin tức đăng trên báo Phật giáo chậm hàng tuần, hàng tháng cũng không sao, và cũng không cần biết đến cũng được, nữa là cần xem hình, xem video. Không phải văn hóa nói chung có loại hình nào thì văn hóa Phật giáo phải có loại hình đó. Những hình thức không phù hợp với văn hóa Phật giáo tất yếu sẽ bị văn hóa Phật giáo loại bỏ. Đó là vấn đề khách quan. Đương nhiên, Phật tử chúng ta có thể tu tập, nâng cao tín tâm bằng cách chiêm ngưỡng tượng Phật khắp thế giới trên màn hình TV, chứ không thể tu tập được bằng trò chơi điện tử chẳng hạn. Cho nên, bên cạnh các nhu cầu khách quan, sự cổ động chủ quan của một vài cá nhân, tập thể, còn là những yêu cầu nội tại của văn hóa như một sinh thể. Tiến trình văn hóa sẽ dứt khoát không chấp nhận những gì nó không cần, và thực tế là sự kiểm nghiệm hiệu lực nhất.

Phật giáo, theo nghĩa là một tôn giáo trí tuệ, chắc chắn không thể là tôn giáo của số đông

Trong xã hội, văn hóa đọc đang thu hẹp công chúng. Đó sẽ là một thứ văn hóa của tầng lớp có học vấn cao. Văn hóa của một thiểu số trí tuệ. Tương ứng, trong Phật giáo, văn hóa đọc, vẫn mãi phù hợp với nhóm Phật tử thiểu số của một đạo Phật trí tuệ, không gì thay thế được. Còn văn hóa nghe nhìn có thể có một công chúng rộng rãi hơn, hướng đến những người chưa biết đạo Phật, hay chưa đi vào chiều sâu của đạo Phật.

Yếu tố rẻ tiền và phổ cập là một yếu tố cần tính đến khi xem xét văn hóa đọc và văn hóa nghe nhìn

Một địa phương vùng sâu miền núi hiện nay đã có thể xem 2-3 kênh truyền hình miễn phí. Nhưng họ không có tiền để nghĩ đến việc mua báo, huống nữa là mua sách. Để thường thức một tập thơ, với vài chục bài thơ, người đọc phải tốn chừng khoảng 15000-16000đ để mua (tức là khoảng 1USD), nhưng với cũng khoảng tiền đó, để nghe nhạc, có thể mua được khoảng 5 đĩa MP3 (bản đạo) với khoảng 600 bài hát! Văn hóa nghe nhìn là văn hóa dành cho người nghèo, nghĩa là dành cho số đông. Muốn "đó" cho số đông nhân sanh này, phải xây dựng đồng văn hóa nghe nhìn Phật giáo, không thể chỉ trông cậy duy nhất vào văn hóa đọc.

Văn hóa đọc là ưu thế của Phật giáo chúng ta, không từ bỏ nó và vẫn chú trọng nó. Nhưng việc phát triển văn hóa nghe nhìn như một yếu tố cộng thêm là điều cần phải đặc biệt chú trọng, để có thể đưa văn hóa Phật giáo đồng hành với văn hóa thời đại. ■

Minh Thạnh



Trang 23

BỒ-TÁT ỒN ÀO

Vĩnh Hảo

Có một vị bồ-tát rất tầm thường ở trong nhà của tôi, nhà của các bạn, nhà của mọi gia đình ở xứ này. Vị bồ-tát ấy cũng có mặt ở các văn phòng, hãng xưởng, bệnh viện, trường học, v.v... từ tư nhân đến công quyền. Ở nơi sang trọng thì ăn mặc gọn ghẽ, hình dáng thon thả, nhẹ nhàng; ở nơi xập xệ thì hơi cồng kềnh, luộm thuộm một chút. Nhưng vẫn cái dáng đó, ai nhìn vào cũng nhận ra.

Bồ-tát thường ẩn mặt chứ không đi nghênh ngang trước đám đông. Thường thì nép mình nơi chỗ kín đáo, nơi phòng tối, hoặc góc xó nào đó. Khi xuất hiện để "hành đạo" thì ồn ào, náo động, làm cho mọi người khó chịu, cho nên bồ-tát vẫn thích chọn những lúc vắng người mới xuất đầu lộ diện. Dù được những người giàu có trang bị cho bồ-tát bằng hình thức đẹp đẽ, gọn nhẹ nhất, và dù đã cố gắng nén tiếng dữ lắm, bồ-tát vẫn luôn là kẻ bị mang tiếng là hiểu động, ồn ào. Mang tiếng như thế, bồ-tát vẫn nhẫn nhục chẳng nói chi. Chưa hề kêu ca than oán, cũng chẳng hề giận dữ hay hờn dỗi ai. Bồ-tát không nói, nhưng khi cất tiếng nói lại chính là lúc làm việc giúp người. Giúp người, nhưng tại sao người lại ít có cảm tình với vị bồ-tát này đến thế? Tại sao người ta đều biết, đều gặp bồ-tát mỗi ngày một lần, hoặc vài ngày một lần, hay mỗi tuần một lần, vậy mà vẫn ít thêm để ý, ít trân trọng sự có mặt cũng như mục đích có mặt của bồ-tát này? Chung qui vì sự đóng góp của bồ-tát tuy khá quan trọng cho đời sống chúng ta, nhưng vẫn là cái gì thứ yếu, không trực tiếp tạo ra lợi tức hay là thứ gì có thể tính đếm, ghi vào sổ sách. Thêm vào đó, thời gian bồ-tát làm việc giúp người lại chính là thời gian ồn ào, đình tai

nhức óc nhất. Gì chứ chuyện ồn ào thì ngay trong những xã hội xô bồ nhộn nhịp cũng không ai ưa thích. Người ta có thể thích nghe những bản nhạc kích động qua hệ thống âm thanh khuếch đại, mở hết volume, phóng ra từ mấy cái loa to tổ tưng, nhưng cũng chỉ trong một cái phòng, một vũ trường, hoặc quán cà-phê nào đó của người Việt ở phố Bolsa, chứ chẳng ai chịu nổi âm thanh rè rè một giọng, ồm ồm một điệu của bồ-tát.

Nói tóm lại là người ta muốn bồ-tát hãy xéo đi chỗ khác, đừng có làm phiền người ta, nhất là khi người ta đang tâm sự (tình yêu, tình nhà, tình nước, tình lận đận, tình cho không...), thảo luận (thời sự, chính trị, kinh tế, tôn giáo...), bàn bạc (áp-phe, vay tiền, chuyện thiên thời hay địa ốc...), lắng nghe (tin tức, thuyết trình, tán gẫu, nói dóc, quảng cáo, ca nhạc...). Người ta cần chú tâm, cần yên tĩnh, cần được ngồi yên một chỗ nào đó, hoặc cần được kẻ khác chú ý trong im lặng, cho nên Bồ-tát xuất hiện chẳng khác nào xua đuổi người ta ra khỏi những khung cảnh thơ mộng và ổn định mà người ta đã chọn lựa. Vậy thì chỗ đứng thích hợp của bồ-tát là một xó, thời gian của bồ-tát là thời gian không người lai vãng.

Chiều lòng những người khó chịu, bồ-tát cam phận, lằm lũi nép vào góc tối, lặng lẽ chờ đợi. Không một lời ta thán. Không tự ái vật. Cũng không khoác lác kể lể thành tích hoặc tranh công với ai. Chỉ âm thầm chờ đợi thời điểm cần thiết. Khi người ta cần đến, bồ-tát từ nơi tăm tối hăng hái bước ra.

Và đây, những gì bồ-tát đóng góp cho người, cho đời: đi từ đầu nhà đến cuối nhà, chạy từ góc đông qua mé tây, chui xuống gầm giường, rúc vào chân ghế, chân bàn, hùng hục đi tới đi lui, xằng xái lên bắc xuống nam, xoay bên phải queo bên trái, không hốt kẹt nào mà không luồn tới, chẳng chỗ khó nào mà bồ-tát bỏ quên. Mồm há thật rộng, chân cuốn như xa luân, lúc tiến lúc thoái, dũng mãnh, kiên cường... chỉ với một ý nguyện to lớn là đón nhận tất cả những ô uế, bụi bặm, rác rưởi của trần gian.

Nguyện rằng dưới bước chân tôi, những gì dơ - xấu sẽ trở thành sạch - đẹp, những gì tanh hôi sẽ biến mất và trở nên thơm tho. Tôi đến với thế gian này, tuy rằng cũng khá làm phiền quý vị nhưng khi tôi rời quý vị để trở về với góc tối của tôi, không gian chung quanh quý vị biến thành cảnh trí thanh khiết, đẹp đẽ, sạch sẽ. Tất cả những gì quý vị trưng bày trang trí trong bất cứ khung cảnh nào, căn phòng nào, dù là trang trí cho nhu cầu thẩm mỹ nghệ thuật hay trưng bày để khoe của, phô trương, đều trở thành vô nghĩa, vô duyên, nếu không có tôi đến để thực hiện ý nguyện và trách nhiệm của tôi. Tôi đến xong rồi đi, chẳng để lại dấu

vết gì, nên cũng chẳng ai biết hay nhớ rằng ngay ở những nơi chốn đẹp đẽ sạch sẽ ấy đã có sự xuất hiện tiên phong của tôi. Người ta đến trong cuộc đời này để bày biện và cố tình để lại những dấu vết trong khi tôi đến để xóa dấu vết. Những gì quý, đẹp, sạch, dùng được, đều được ở lại, chỉ riêng tôi là rút vào hậu trường bóng tối. Sẽ không ai còn nhớ đến tôi cho đến khi họ cảm thấy không thể chịu đựng nổi những dấu vết của bụi thời gian và bụi từ đất trời. Nhưng tôi cũng không lấy đây làm điều, vì người ta còn nhớ đến thì ước nguyện của tôi vẫn còn có cơ hội để thực thi: làm sạch cuộc đời. Tôi đã hóa thân và có mặt khắp các nơi chốn bằng nhiều hình thức, kiểu dáng, công dụng, để đáp ứng với thị hiếu và khả năng của mọi thành phần xã hội. Tôi và tất cả các hóa thân khác của tôi tự nguyện thân nhận tất cả những bụi bặm dơ nhớp của trần gian về phần mình để cuộc sống mọi người được vệ sinh, ít bệnh, ít khổ. Tóm lại, phần dơ - xấu: tôi đón nhận; phần sạch - đẹp: nhường dâng cho mọi người.

Hiểu được ý nguyện cao đẹp một cách âm thầm, lặng lẽ của vị bồ-tát này, hẳn là không ai có thể tưởng tượng được là bồ-tát lại mang tiếng là kẻ ồn ào. Có cái gì trái ngược giữa ý nguyện và danh xưng của vị bồ-tát này. Ý nguyện đó có thể nói theo ngôn ngữ Phật giáo là: "Nguyện thay chúng sinh gánh chịu tất cả phiền não, ô trược, cấu bẩn của trần gian khiến cho mọi loài đều được an vui, hạnh phúc."

Đó là một đại nguyện thường được tán dương và âm thầm thực hiện trong

các hạnh của bồ-tát. Đó cũng là câu chuyện của cái máy hút bụi mà nhà nào cũng có.

Bạn đã đối xử với vị bồ-tát "ồn ào" này như thế nào? Có trân trọng không? Có thường đáp lễ bằng cách lau chùi, chăm sóc, làm sạch lại cho bồ-tát không?

Một kẻ muốn làm sạch cho kẻ khác, cho cuộc đời, trước tiên phải sạch nơi chính mình. Bồ-tát ồn ào đã nói với chúng ta như thế. Có nghĩa là chúng ta nên nhớ thay bao (hay hộc) chứa bụi sau khi hút bụi. Nếu chỗ chứa bụi đầy ngập bụi rác, sẽ không có khả năng hút và chứa thêm. Chúng ta cũng đừng quên tháo gỡ những sợi chỉ hay tóc bị cuốn nơi trục lăn, cũng đừng quên vô dầu mỡ, thay giấy belt khi bị đứt, vì trục không quay, máy sẽ chẳng hút được gì cả. Phải làm sạch máy hút bụi trước khi hút bụi.

Tôi chẳng phải nhân viên quảng cáo của các công ty sản xuất máy hút bụi (như Hoover, Kenmore, Eureka, Bissell, Oreck...). Tôi chỉ muốn giới thiệu bồ-tát hút bụi đến với bạn để cuộc sống thêm chút thăng hoa, nhất là có thêm bằng hữu để học với nhau những ý nguyện tốt đẹp. Bạn không cần phải gọi máy hút bụi là bồ-tát như tôi. Gọi như thế nào cũng được, nhưng nên nhớ rằng bạn có một người bạn tốt trong nhà. Tuy có lúc ồn ào, nhưng thường khi thì lặng lẽ khiêm cung, chỉ đứng im trong góc xó, mà công hạnh thì không phải là nhỏ đối với đời sống của bạn. Một người bạn tốt như thế mà không biết trân quý thì thật đáng tiếc.

Bóng dáng mùa thu ca

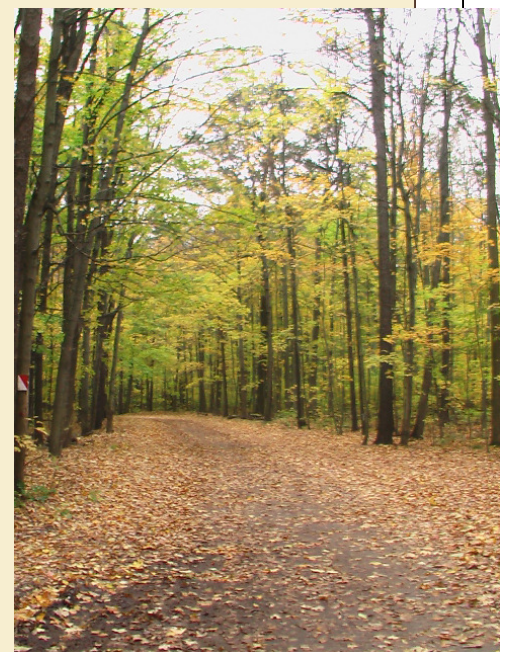
*bé cong ánh trắng
lâm chỗ tọa thì
lên cao đỉnh dốc
rời xa thế sự
ngắm nhìn thiên hạ
rong chơi trong đời*

*tay sen chấp cánh
cầu nguyện an bình
bóng em chợt về
hương lan thơm tỏa
trăm năm vội bỏ
quên lời Kinh xưa*

*chập chùng tâm mở
ngàn trùng sóng khơi
tóc vương đôi mắt
giữ một trời mơ
thì thầm tiếng gọi
chuối hạt quên lần.....*

Ngày ... tháng ... năm

CƯ SĨ LIÊN HOA



CHÚNG TA BỎ QUÁ NHIỀU TIỀN ĐỂ XÂY CẤT CHÙA CHIỀN MÀ KHÔNG “XÂY DỰNG” CON NGƯỜI

Chúc Thanh dịch (từ Anh sang Việt)



Tôi tìm thấy những thông tin về buổi lễ khánh thành Điện “Quan Âm Từ Bi Cứu Khổ Cứu Nạn” tại chùa Kek Lok Si ở vùng Penang.

Lần tham quan cuối cùng của tôi đến chùa Pek Lok Si tại Penang vào mấy năm trước đây, tôi đã có cảm giác rằng đây chỉ là một nơi hấp dẫn khách du lịch hơn là một trung tâm giáo dục mang tính Trí tuệ.

Những ai đã từng đi thăm quan các ngôi tự viện cổ ở Trung Quốc đều thấy rằng hầu hết các chùa được xây cất thật là đẹp tuyệt vời và được trang hoàng với màu sắc rất công phu.

Tuy nhiên, một cái gì đó sâu thẳm ở trong tôi nhận định rằng chúng ta đổ quá nhiều tiền bạc và công sức để xây dựng những ngôi chùa khang trang to lớn, nhưng bỏ rất ít thời gian và công sức để “xây dựng” con người chẳng hạn như việc giảng dạy Phật pháp và các hoạt động hoằng dương Phật giáo.

Chúng quy lại việc xây cất chùa chiền lộng lẫy chỉ hấp dẫn khách du lịch nhưng chắc hẳn điều này không phải là thứ mà bốn đạo Phật tử cần thiết. Chức năng chính của chùa chiền tự viện là hoằng dương Phật pháp, thực tập lời Phật dạy và tổ chức các hoạt động có tính giáo dục chứ không chỉ là du lịch mà thôi.

Hãy thử tưởng tượng xem: chúng ta bỏ ra 40 triệu RM (tương đương 12 triệu Mỹ kim) để phục hồi lại cái tòa điện các đó, trong khi chúng ta biết rằng các chùa viện rất ít quan tâm đến, hay thậm chí là không có cố gắng nhiều trong việc “gieo mầm” Phật pháp. Cuối cùng, thế hệ trẻ sẽ bỏ đạo và chùa chiền mất đi cái giá trị vốn có của nó là phục vụ cho công đồng Phật giáo.

Nếu có ai đó học biết về lịch sử, tại sao Phật giáo Trung Quốc có lịch sử lâu đời thế mà lại dễ dàng bị tiêu diệt bởi cơn sóng cộng sản trong một thời gian thật ngắn, một phần bởi vì có rất ít những sự dẫn thân hoằng pháp của chư Tăng trong giới đại chúng Phật tử. Mà quần chúng lại chiếm đại đa số.

Vì vậy, có rất nhiều người không hiểu cả những điều rất căn bản trong giáo lý Phật giáo và chẳng am hiểu gì về đạo Phật. Thậm chí Trung Quốc có cả hàng trăm ngàn ngôi chùa và tự viện nhưng cho dù chùa nhiều như thế, vẫn không thể kháng cự nổi hệ tư tưởng bài trừ tôn giáo.

Từ sâu thẳm trong thâm tâm của chúng tôi mong rằng những vị Tăng khả kính và đoàn thể Tăng già phải suy xét vấn đề này một cách kỹ lưỡng hơn!

(The Buddhist Translation Group)

WE SPEND TOO MUCH BUILDING TEMPLES BUT NOT PEOPLE

by *Alvin Wong*

I refer to the news item on the launch of the pavilion sheltering the Goddess of Mercy at the Penang Kek Lok Si temple.

My last visit to Kek Lok Si in Penang was few years ago, and felt that it is just another tourist attraction instead of centre of Wisdom learning.

Having visited many ancient temples in China, most of the temples are amazing well design with colourful decorations.

However, something deep inside me is that we spend too much effort in building the temples, but there are little works on the building of the people like teaching of the Dharma and propagation activities.

End of the day, it attracts tourists. But this is not what the devotees want, the central function of the temples and monasteries are to spread and practise the teaching, and organising value added activities and not tourism.

Imagine that we spend RM40 million (US\$ 12 mil) to renovate the pavillion, but little do we know that the temples has done any great effort to propogate the religion. End of the days, the younger generation will abandon the religion, and the temples serve no value added function to serve the Buddhist community.

If one study the history, why once a Buddhist China easily wiped out by the short wave of communism, partly because there are little engagement of the clergy with the general lay Buddhists in general who are the majority.

So many have no basic Buddhist educations and understanding of the religion. Even there are hundred thousands monasteries and temples, but its unable to resist the ideology that reject religion.

It is our sincere wish that our respectable monks and Sangha to have a deep thought on this issue.



THÔNG BÁO CHƯƠNG TRÌNH HUÂN TU PHẬT THẬT

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính thưa quý đồng hương, thân hữu và thiện tín Phật tử gần xa,

Mùa Phật Giáng Sinh đang trở về khắp nơi với những người con Phật. Mọi loài trời và người thành kính chuẩn bị trang nghiêm kính đón mừng Ngày Đức Phật A-Di-Đà Thị Hiện Giáng Sinh nơi cõi Ta-Bà. Như mọi năm Tu Viện Hộ Pháp long trọng tổ chức khoá tu Tịnh Độ -- Phật Thất 3 ngày.

Khóa Huân Tu Phật Thất 3 ngày bắt đầu từ chiều ngày 22, 23, 24, và đến trưa Thứ Bảy ngày 25 tháng 12 năm 2010 tại Tu Viện Hộ Pháp: 3048 Lashbrook Avenue, El Monte, CA 91733, dưới sự hướng dẫn của **Thượng Tọa Thích Tuệ Uy, Phương Trượng Đạo Tràng Tu Viện Hộ Pháp.**

Để biểu tỏ tấm lòng báo ân Đức Phật A-Di-Đà hóa độ và sự quyết tâm phát nguyện kiếp này là kiếp sau cùng của Đại-chúng đồng xin phát nguyện cầu vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc, Đạo tràng Tu Viện Hộ Pháp trân trọng thỉnh mời quý Phật tử, đồng hương và thân hữu gần xa hoan hỷ sắp xếp thời gian dùm 3 ngày nghỉ lễ Phật Giáng Sinh về Tu Viện cùng kết duyên tinh tấn tu tập để sớm thành tựu sở nguyện ngay trong kiếp sống vô thường nhanh chóng này.

Sự hiện diện của quý vị đầy đủ trong các thời khóa tu học 3 ngày là sự cúng dường ý nghĩa và quý báu nhất, sẽ làm cho năng lực và kết quả sự tu tập của Đại chúng tăng trưởng thêm mạnh sớm thỏa nguyện mong ước vãng sinh trong kiếp sống sinh tử sau cùng; vị lai quý vị nhất định sẽ được kết duyên đời đời với Đấng Cha lành Đức A-Di-Đà Phật, Mẹ Hiền Quán-Thế-Âm Bồ Tát, và Chư Bồ Tát Thánh Chúng trong kiếp sống an vui.

Kính chúc quý vị và bửu quyến một Mùa Phật Giáng Sinh vô lượng thọ, vô lượng công đức, và vô lượng an lạc cát tường.

Nam Mô Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Công Đức Phật,
TM. Tu Viện Hộ Pháp
Tỳ kheo Thích Tuệ Nghiêm
Trụ Trì

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Điều Âm lược dịch

SINGAPORE: Hội nghị Phật giáo Singapore

Singapore - Tại Tu viện Kong Meng San Phor Kark See vào ngày 23-10-2010, 500 người đã tham dự Hội nghị Phật giáo Phật lịch 2554.

Hội nghị được tổ chức bởi hội Hành Đạo (DIA), một tập thể thân hữu gồm những Phật tử năng động và nhiệt thành, làm việc cùng nhau để phát huy Phật giáo như một lối sống tại Singapore.

Hội nghị bắt đầu với buổi thiền hành do Hoà thượng Chuan Ren chủ trì.

Tiếp đó, ông Danai Chanchaochai-giám đốc điều hành người Thái kiêm uỷ viên đặc biệt về Pháp sự- thuyết trình về 'Bản chất Vô giá của Hạnh phúc - Tại sao Tiền bạc Không mua được Hạnh phúc', chia sẻ từ kinh nghiệm lớn lao của ông về cách đạt và giữ được hạnh phúc tại nơi làm việc.

Các diễn giả khác từ Nepal, Singapore và Mã Lai cũng có phần thuyết giảng, hoặc trình bày tại phòng sinh hoạt của mình về hạnh phúc, hành thiền và đạo pháp.

Hội nghị kết thúc trong niềm hoan hỉ với phần cầu phúc do chư Hoà thượng của ba truyền thống Phật giáo.

(The Buddhist Channel - November 1, 2010)

INDONESIA: Khánh thành Chùa Shwedagon ở Sumatra

Medan, Sumatra - Một bản sao của ngôi chùa Shwedagon nổi tiếng đã được chính thức khánh thành vào ngày 31-10-2010, trong một buổi lễ có hàng trăm tăng sĩ Phật giáo từ khắp châu Á tham dự.

Chùa có 2 tầng, với tháp chính cao 47 mét, được xây từ sự cúng dường của các tổ chức Phật giáo khác nhau. Việc xây dựng ngôi chùa mang cùng tên với ngôi chùa gốc ở Miến Điện này bắt đầu cách đây 3 năm. Chùa tọa lạc trên mảnh đất rộng 3 hecta ở tiểu khu Karo, cách thành phố Medan khoảng 50 km.

Trưởng ban tổ chức lễ khánh thành là ông Tongaridjo Angkasa cho biết Phật tử từ khắp đất nước tổ chức 2 ngày cầu nguyện cùng với các nghi lễ tôn giáo khác tại chùa. Ông nói, "Sự kiện của ngày hôm nay là để phát huy sự hoà hợp tôn giáo trong và ngoài nước, cũng như quảng bá bản sao chùa Shwedagon tại Karo như một điểm đến đối với ngành du lịch tôn giáo".

Trong khi chùa hiện nay mở cửa cho công chúng, việc xây dựng vẫn đang tiếp tục để cải thiện con đường dẫn đến địa điểm này.

(Antara News - November 1, 2010)

HOA KỲ: Viện Bảo tàng Nghệ thuật IU khai mạc triển lãm Tây Tạng với nghi lễ cầu nguyện truyền thống Phật giáo

Bloomington, Indiana - Ngày 14-11-2010, một cuộc triển lãm mới tại Viện Bảo tàng của Trường Đại học Indiana (IU) sẽ khai mạc, với một lễ cầu

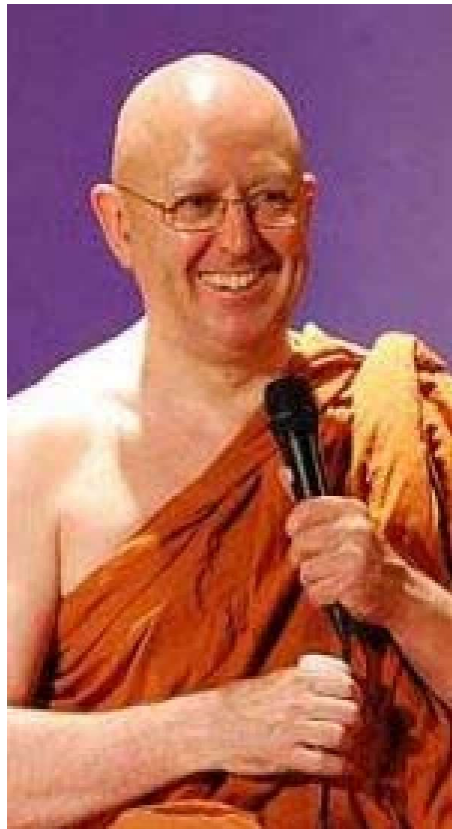
nguyện Phật giáo được thực hiện bởi Đại sư Arjia của Trung tâm Văn hoá Phật giáo Tây Tạng-Mông Cổ tại Bloomington.

Triển lãm có chủ đề "Từ Vùng Thào nguyên và các Tu viện: Nghệ thuật của Mông Cổ và Tây Tạng," giới thiệu phần trưng bày tác phẩm nghệ thuật Mông Cổ và Tây Tạng từ thời đại Đồ đồng đến thế kỷ 20.

"Sự kiện này sẽ cho mọi người một cơ hội được xem một nghi lễ Phật giáo truyền thống," người quản lý các sự kiện tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật IU là Josie Larimer nói. "Nó sẽ giới thiệu sự phong phú của hội họa, vũ nhạc và các truyền thống văn hoá Tây Tạng và Mông Cổ hiện có tại Bloomington."

Chương trình được tài trợ bởi khoa Nội Á của IU và Trung tâm Tài nguyên Quốc gia về Ngữ hệ Ural.

(The Buddhist Channel - November 5, 2010)



Thượng toạ Brahmavamsa, nhà thuyết pháp nổi tiếng thế giới Photo: Sport Property

MÃ LAI: Ngôi đền Phật giáo Seck Kia Eenh mừng lễ kỷ niệm năm thứ 90

Malacca, Mã Lai - Năm nay, ngôi đền Phật giáo Seck Kia Eenh sẽ mừng lễ kỷ niệm 90 năm thành lập.

Toạ lạc tại Jalan Gajah Berang, Malacca, ngôi đền đã tổ chức một số hoạt động đặc biệt để kỷ niệm sự kiện này.

Một trong những điểm nổi bật chính là Hội nghị Phật giáo Quốc tế Lần thứ Nhất, sẽ được tổ chức từ 19 đến 21-11-2010.

Các nhà thuyết pháp nổi tiếng đã được mời để truyền những bài thuyết giảng quan trọng của họ. Trong số đó có Thiền sư Brahmavamsa, nhà thuyết

pháp nổi tiếng thế giới đến từ Perth, Úc Đại Lợi.

Nghe đọc ngữ âm theo chủ đề 'Phật giáo: Những thách thức phía trước', hội nghị là diễn đàn để Phật tử lắng nghe, suy nghiệm và thảo luận các vấn đề liên quan đến những thách thức hiện nay.

Ngoài ra còn có một buổi thiền tập ngắn do Thiền sư Brahm chủ trì và một bài thuyết pháp quan trọng về Phật giáo của thượng toạ Hue, người cũng đến từ Perth cùng Thiền sư Brahm.

Các diễn giả quan trọng khác bao gồm các vị chức sắc của Mã Lai. Hội nghị Phật giáo Quốc tế này được mở rộng cho tất cả Phật tử.

(starproperty.com - November 6, 2010)

TRUNG QUỐC: Hội chợ thương mại về hàng thủ công Phật giáo tại Hạ Môn

Hạ Môn, Phúc Kiến - Gần 600 công ty đã tham dự một hội chợ thương mại về hàng thủ công Phật giáo, được tổ chức tại thành phố Hạ Môn ở tỉnh Phúc Kiến, miền đông Trung quốc. Hội chợ kéo dài 4 ngày, bắt đầu từ ngày 5-11-2010.

Ngoài ra còn có một cuộc triển lãm lớn về thực phẩm chay được tổ chức bên lề hội chợ.

Phần lớn các công ty tham gia hội chợ này đến từ miền đông và đông nam Á, nơi Phật giáo được phổ biến. Và khoảng 1/4 trong số đó đến từ Đài Loan, vốn nằm gần Hạ Môn và có một ngành công nghiệp sản xuất hàng thủ công Phật giáo hoàn chỉnh.

Được tổ chức hàng năm tại Hạ Môn kể từ năm 2006, hội chợ tìm cách tăng cường sự hợp tác với Đài Loan để đẩy mạnh thương mại về hàng thủ công Phật giáo.

(People's Daily Online - November 6, 2010)



Đình Wen Shu được xây lại của đền Zheng Jue - Photo: Xinhua

TRUNG QUỐC: Phục hồi ngôi đền Phật giáo tại khu vườn hoàng gia

Bắc Kinh, Trung quốc - Một ngôi đền Phật giáo - là tổ hợp xây dựng cổ duy nhất còn lại tại Cổ Hạ Cung (còn gọi là Viên Minh Viên hoặc Ngự Viên) của Bắc Kinh - đã được phục hồi và sẽ mở cửa cho khách tham quan trước cuối năm nay.

Đền Zheng Jue này được xây vào năm 1773, làm nơi thờ phụng chính của các vị hoàng đế nhà Mãn Thanh (1644 - 1911).

Nó bị hư hại nghiêm trọng vào

năm 1860, khi quân Anh và Pháp cướp phá Viên Minh Viên.

Việc phục hồi ngôi đền bắt đầu vào năm 2002, với chi phí khoảng 45 triệu Nhân dân tệ. Công trình kiến trúc này chiếm gần 27.000 mét vuông.

(Xinhua - October 9, 2010)

HÀN QUỐC: Viện Bảo tàng Quốc gia triển lãm các kiệt tác của hội họa Phật giáo Cao Ly

Nhân lễ kỷ niệm năm thứ 5 dời đến Yongsan, Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc tổ chức cuộc triển lãm đặc biệt về tranh Phật giáo Cao Ly. Sự kiện này diễn ra tại Phòng Triển Lãm đặc biệt của Viện, từ ngày 12-10 đến 21-11-2010.

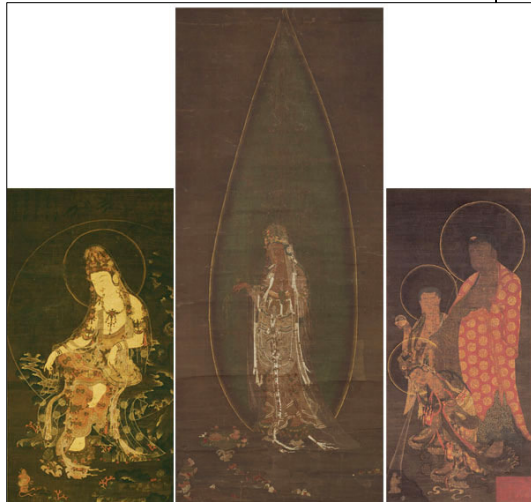
Có tổng cộng 61 (trong số khoảng 160 tranh Phật giáo Cao Ly trên khắp thế giới) được trưng bày, bao gồm 27 tranh từ Nhật Bản, 10 tranh từ Hoa Kỳ, 5 từ châu Âu và 14 từ Hàn quốc.

Ngoài ra còn có 20 tranh Phật giáo thời Nam Tống và triều Nguyên của Trung quốc và thời Kamakura của Nhật, giúp khách tham quan hiểu được các xu hướng đương thời trong hội họa Phật giáo Đông Á.

Cuộc triển lãm cũng trưng bày 5 tranh Phật giáo từ thời đầu Joseon, cùng với 22 tác phẩm điêu khắc và thủ công kim loại về Phật giáo từ thời Cao Ly.

Có 44 viện bảo tàng đã cho mượn những tranh mà họ lưu giữ, bao gồm các viện tại Hàn quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Pháp, Đức và Nga.

(Korea.net - October 11, 2010)



Một số kiệt tác của hội họa Phật giáo được triển lãm tại Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn quốc - từ trái sang phải:

1/ Tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (từ Nhật Bản)

2/ Tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (từ Nhật Bản)

3/ Tranh Đức Phật Di Đà (từ Hàn quốc).

TÍCH LAN: Lễ kỷ niệm năm thứ 200 của Đại Tịnh xá Rankoth

Panadura, Tích Lan - Ngày 10-10-2010, tại lễ kỷ niệm 200 năm của Đại Tịnh xá Rankoth ở Panadura, Tổng thống Mahinda Rajapaksa nói rằng đất nước Tích Lan gặp phải thử thách lớn nhất của việc bảo vệ các giá trị văn hoá và đạo đức khi đối mặt với nền văn hoá



và các quan điểm của phương Tây đang thâm vào xã hội.

Ông nói Phật giáo Nguyên thủy được bảo vệ và phát huy bởi các thành viên của Đại Tăng già trong suốt lịch sử 2.500 năm là món quà lớn nhất mà Tích Lan có thể tặng cho thế giới.

Đại Tịnh xá Rankoth ở Panadura được thành lập vào ngày 10-10-1810 để truyền bá Phật giáo và Phật học trong nước.

Trong phần phát biểu của mình, Tổng thống Mahinda đã ca ngợi Tịnh xá Rankoth về những cống hiến sâu sắc cho Phật tử và đất nước nói chung. Ông nói rằng xã hội trải qua những thảm kịch khác nhau qua thời gian, và một khi xã hội bị đe dọa thì Đại Tăng già lại dẫn thân để cứu lấy nhân dân.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao là Giáo sư G.L Peries - người từng học đạo pháp và giáo dục Sinhala tại Tịnh xá Rankoth - đã thuyết minh về những cách mà tịnh xá đã hướng đến trong việc phát huy Phật giáo trong nước và thế giới.

(Lanka Daily News - October 11, 2010)

ẤN ĐỘ: Từ điển Phật giáo mới gồm 3 ngôn ngữ

Pune, Maharashtra - Một dự án độc đáo về từ điển tam ngữ đang được thực hiện tại trường Đại học Pune, để giúp các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu về văn học và triết học Phật giáo.

Dự án nhằm biên soạn cuốn từ điển bao gồm thuật ngữ Phật giáo bằng tiếng Pali, Phạn và Tây Tạng với nghĩa tiếng Anh, được tài trợ bởi Ủy ban Tài trợ Đại học (UGC) phối hợp với trường Đại học Tây Tạng ở Sarnath (bang Uttar Pradesh, Ấn Độ).

Tiến sĩ Mahesh Deokar, Trưởng khoa Pali của trường Đại học Pune, là người phụ trách dự án và là nhà đầu tư chính, nói rằng công trình này là dự án nghiên cứu quan trọng của UGC. Nó rất cần thiết cho những người nghiên cứu triết học Phật giáo trên khắp thế giới.

Ông nói hiện nay chỉ có các từ điển song ngữ gồm Pali - Phạn, Pali - Tây Tạng hoặc Phạn - Tây Tạng. Cần có một công trình đáng tin cậy với tiếng Pali làm cơ sở, kèm theo là các từ tương đương bằng tiếng Phạn và Tây Tạng - vì chỉ chỉ một ngôn ngữ thôi thì không đủ cho việc nghiên cứu sâu về triết học Phật giáo.

Dự án từ điển tam ngữ này được dự kiến sẽ hoàn thành vào giữa năm 2011.

(News.outlookindia.com - October 16, 2010)

HOA KỲ: Đức Đạt Lai Lạt Ma thăm trường Đại học Emory

Atlanta, Georgia - Sáng ngày 17-10-2010, những người hâm mộ và tín đồ bắt đầu xếp hàng trước khi Đức Đạt Lai Lạt Ma thuyết pháp về lòng từ bi tại trường Đại học Emory. Đây là ngày đầu tiên của chuyến thăm 3 ngày của Ngài tại nơi này.

Vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng đã nhận được sự chào đón nồng nhiệt từ đám đông khoảng 3.000 người bên trong Trung tâm Thể dục Woodruff, vốn đã được trang trí lại giống với

một tu viện Tây Tạng.

Tại một cuộc họp báo, Hiệu trưởng trường Đại học Emory là James Wagner đã tặng Đức Đạt Lai Lạt Ma các sách giáo khoa khoa học mới, như một phần của quan hệ đối tác 3 năm gọi là Sáng kiến Khoa học Emory - Tây Tạng.

"Tại các tu viện của chúng tôi, những bài học về khoa học hiện đại phải được đưa vào chương trình giảng dạy," Đức Đạt Lai Lạt Ma nói.

Và đáp lại, chương trình giảng dạy của trường Đại học Emory bao gồm cả nghiên cứu về Phật giáo và thiền hành.

Vào ngày 18-18, Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trì một hội nghị quốc tế về thiền từ bi.

(Urban Dharma - October 17, 2010)

AFGHANISTAN: Di tích Phật giáo thế kỷ thứ 7 bị đe dọa hủy hoại

Các nhà khảo cổ tại Afghanistan đã cảnh báo rằng họ đang chạy đua với thời gian để cứu một di tích tôn giáo quan trọng của thế kỷ thứ 7, được khai quật dọc theo Con đường Tơ lụa nổi tiếng. Các phế tích của địa điểm này nằm trên một mỏ đồng lớn thứ hai thế giới chưa được khai thác.

Di tích tọa lạc tại Mes Aynak ở tỉnh Logar, miền đông Afghanistan. Các phế tích được phát hiện bởi những công nhân đại diện của công ty Trung quốc MGC, đơn vị sẽ khai thác mỏ đồng nói trên.

Các nhà khảo cổ học lo ngại rằng phần lớn của tu viện Phật giáo 2.600 năm tuổi này có thể bị hủy hoại một khi công việc tại mỏ bắt đầu.

Công ty MGC và chính quyền Afghanistan đã đạt thỏa thuận, bước đầu cho các nhà khảo cổ học 3 năm để thực hiện việc khai quật cứu hộ.

Nhà khảo cổ học người Mỹ Laura Tedesco nói rằng di tích này quá lớn, phải cần một chiến dịch khảo cổ 10 năm, vì 3 năm thôi thì chỉ đủ để lập tài liệu về những gì có ở nơi đây.

Đến nay đã có trên 150 tượng Phật bằng đất sét và đá được phát hiện tại di tích, trong những hành lang và phòng có trang trí bằng những bức bích họa. Một số tượng cao 3 mét.

(ANI - November 16, 2010)

TÍCH LAN: Đại hội Phật giáo Thế giới vinh danh Tổng thống Tích Lan

Colombo, Tích Lan - Ngày 16-11-2010, Đại hội Phật giáo Thế giới đã trao tặng Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa giải thưởng cao nhất (Giải thưởng Lớn của Hội Đồng đạo Phật tử Thế giới) cho việc phụng sự vô giá của ông đối với sự hưng thịnh của Phật pháp, và đối với sự phục hưng của Phật giáo tại quốc đảo này. Ông là khách mời chính tại lễ kỷ niệm năm thứ 60 của Đại hội, được tổ chức tại Sân Vận động trong nhà Sugathadasa.

Rất đông tu sĩ và tín đồ Phật giáo đã tham dự buổi lễ.

Đại hội Phật giáo Thế giới bắt đầu hội nghị lần thứ 25 từ ngày 14 đến 17-11-2010 tại Colombo, với chủ đề "Hoà giải thông qua Phật giáo".

Khoảng 600 đại biểu quốc tế từ 41 nước đại diện cho 164 trung tâm thuộc khu vực đã tham dự hội nghị. Có 3.000 đại biểu trong nước cũng tham dự hội nghị lần đầu tiên trong 26 năm tổ chức tại quốc đảo này.

(ColomboPage - November 17, 2010)



Tổng thống Tích Lan nhận giải thưởng tại Đại hội Phật giáo Thế giới lần thứ 60 - Photo: Silva Sudath



Quang cảnh Đại hội Phật giáo Thế giới 2010 tại Tích Lan Photo: Silva Sudath

ĐỨC: Trung tâm Phật giáo lớn nhất châu Âu sẽ được xây dựng

Dự án Trung tâm Phật giáo lớn nhất châu Âu đã được phê duyệt, cho xây dựng tại một địa điểm trước đây là một khu quân sự bên ngoài thành phố Cologne.

Tổ hợp này sẽ là nơi cư trú cho 60 đến 80 tăng sĩ, cộng với số khách chứa được lên đến 200 người.

Hiện nay đang có 20 tăng ni sống tại địa điểm này (ở Waldbroel, cách thành phố Cologne 50 km về phía đông).

Đây là dự án 10 triệu euro (14 triệu usd) của Viện Phật học Ứng dụng châu Âu. Trung tâm sẽ dành cho các cuộc hội thảo và các khoá học, giảng dạy những chương trình dài hạn để đối ứng với các vấn đề như sự xung đột, sân hận hoặc bất hạnh.

Trung tâm dự kiến sẽ mở cửa vào năm 2015.

Viện Phật học Ứng dụng châu Âu do Thiền sư người Việt là Thích Nhất Hạnh thành lập. Cùng với Đức Đạt lai Lạt ma, ông là một trong những Phật tử đương thời được trọng vọng nhất và có hàng chục nghìn đệ tử.

(DPA - November 19, 2010)



Hang động Long Môn ở tỉnh Hà Nam, Trung quốc Photos: REDNET.CN



CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHAP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

Số **20**
 12.2010

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG BÁO CHÁNH PHÁP LÀ GÓP PHẦN HOÀNG DƯƠNG PHẬT ĐẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DÂN TỘC



Địa chỉ tòa soạn:
CHÁNH PHÁP
 803 S. Sullivan Street
 Santa Ana, CA 92704
 Tel.: **(714) 571-0473**

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 20, tháng 12 năm 2010, do Phật Học Viện Quốc Tế (North Hills, California) ủng hộ ấn phí; Tu viện Chân Không trang trải phụ phí in màu. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tử và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.